

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa

Thành Kính Đảnh Lễ Đức Thế Tôn, Bạc Ứng Cúng, Đấng Chánh Biến Tri.

Rừng Thiền Pa-Auk Giáo Trình

PAṬICCA SAMUPPĀDA

Quán Duyên Khởi Theo Phương Pháp Thứ Năm

(Kammaṭṭhāna)



Lời Tri Ân

Con xin thành kính thay mặt chư Tăng Ni và các nam, nữ cư sĩ đảnh lễ ngài Trưởng lão Pháp Thông, chân thành tán thán công đức của ngài đã dịch cho chúng con bộ sách giáo trình tại Pa-Auk, nhờ đó mà hành giả chúng con hiểu biết khi thực hành Giáo pháp của Đấng Thiệnt Thệ.

Nguyện nhờ uy lực của Pháp bảo này, nguyện lực của ngài sớm hoàn thành.

Lành thay – Lành thay.

PAṬICCA SAMUPPĀDA

Quán Duyên Khởi Theo Phương Pháp Thứ Năm

Trong Kinh Đại Duyên (Mahā Nidāna Sutta) Đức Phật dạy:

Gambhīro cāyaṃ Ānanda paṭicca samuppādo gambhīrāvabhāso ca. Etassacānanda dhammassa ananubodhā appaṭivedhā evamayam pajā tantākulakajāṭa gulāgaṇṭhikajāta muñjapabbajabhūta apāyaṃ duggati, vinipātaṃ saṃsāraṃ ñātivattati (Dighā Nikāya; Saṃpayutta Nikāya) — ‘Này Ānanda, Pháp Duyên Khởi này thật là sâu xa và thâm diệu. Do không chứng ngộ (thể nhập) Pháp Duyên Khởi này với ba loại Đạt Tri (Pariññā Ñāṇa) — Trí Đạt Tri (Ñāta Pariññā), Thâm Đạt Tri (Tīraṇa Pariññā) và Trừ Đạt Tri (Pahāna Pariññā) — và không đắc Đạo Quả Trí (Magga Phala Ñāṇa), các chúng sinh bị rối ren trong vòng luân hồi giống như một cuộn chỉ rối, giống như một tổ chim sâu (weaver-bird nest), một thảm cỏ rối không biết đầu là đầu đầu là cuối; Và họ không thể thoát khỏi vòng luân hồi với những đọa xứ, khổ cảnh (apāya duggati saṃsāra) của nó.’

Liên quan đến lời dạy trên, Chú Giải Sư (Trưởng Lão Bhadantacariya Buddhaghosa, người soạn bộ Visuddhimagga) dạy như sau: "Ñāṇāsina samādhipavarasilaayam sinisitena bhavacakkamapadāletvā, asanivicakkamiva niccanimatanam Saṃsārabhayamatīto, na koci supinnantarepyatthi (Vism, XVII,344)" – ‘Không một người nào, ngay cả trong giấc mơ, có thể thoát khỏi vòng luân hồi (samsara) khổ vốn luôn luôn bức bách các chúng sinh giống như sấm sét, mà không cắt đứt bánh xe sanh hữu với Tuệ kiếm (Ñāṇa) được khéo mài trên đá Định (Samādhi) cao thượng.’

Theo những lời dạy trong Kinh và Chú Giải trên, người hành thiền muốn đạt đến Niết-bàn phải cố gắng chứng ngộ Pháp Duyên Khởi (Paṭicca samuppāda) với ba loại Đạt Tri, đó là Trí Đạt Tri (Ñāta Pariññā) còn gọi Tùy Giác Trí (Anubodha ñāṇa), Thâm Đạt Tri (Tīraṇa Pariññā) và Trừ Đạt Tri (Pahāna Pariññā) còn gọi Thông Đạt Trí (Paṭivedha Ñāṇa). Đức Phật đã dạy rằng sở dĩ người ta không thể vượt thoát luân hồi là bởi vì họ không biết đi biết lại nhiều lần các pháp với Tùy Giác Trí (Anubodha ñāṇa) và không thể nhập các pháp với Thông Đạt Trí (Paṭivedha Ñāṇa) cho đến khi chứng đắc Đạo Quả. Vì thế quý vị phải cố gắng chứng được **Tùy Giác Trí** và **Thông Đạt Trí** này.

Ở đây cần phải hiểu rằng ‘**chứng ngộ**’ không có nghĩa là biết bằng cách suy luận hay phỏng đoán và cũng không phải chỉ bằng cách trích dẫn những lời dạy của bậc đạo sư.

Ba Loại Đạt Tri Hiệp Thể

1. Trí Đạt Tri (Ñāta Pariññā):

Nếu một người có thể phân biệt một cách thấu đáo với tuệ giác **đặc tính, nhiệm vụ, sự thể hiện** và **nhân gần** (Lakkhaṇa, Rasa, Paccupaṭṭhāna, Padaṭṭhāna) của các chi phần Duyên Khởi, đó là Vô Minh (Avijjā), Hành (Saṅkhāra), Thức (Viññāṇa), Danh Sắc (Nāmarūpa), Lục Nhập (Saḷāyatana), Xúc (Phassa), Thọ (Vedanā), Ái (Taṇhā), Thủ (Upādāna), Hữu (Bhava), Sanh (Jāti), Già Chết (Jarāmaraṇa v.v. , thời tuệ giác đó được gọi là Danh Sắc Phân Tích Trí (Nāmarūpapariccheda Ñāṇa) .

Nếu người ấy tự mình thấu hiểu được những mối quan hệ nhân quả như: “Do sự sanh khởi của Vô Minh, Hành sanh; do sự sanh khởi của Hành, Thức sanh...” v.v. , thời tuệ giác đó được gọi là Nhân Duyên Phân Biệt¹ Trí (Paccayapariggaha Ñāṇa).

Hai tuệ giác này, Danh Sắc Phân Tích Trí và Nhân Duyên Phân Biệt Trí, được gọi là **Trí Đạt Tri (Ñāta Pariññā)**; sở dĩ gọi như vậy bởi vì đây là những tuệ giác vốn nhận rõ và phân biệt các pháp hành (Saṅkhāra Dhamma) cần phải được biết và là đối tượng của thiền Minh Sát (Vipassana).

2. **Thẩm Đạt Tri (Tīraṇa Pariññā)**:

Sau khi đã phân biệt bằng tuệ giác các đặc tính vô thường, khổ và vô ngã của các chi phần duyên khởi như Vô Minh (Avijjā), Hành (Saṅkhāra), Thức (Viññāṇa), Danh Sắc (Nāmarūpa), Lục Nhập (Saḷāyatana), Xúc (Phassa), Thọ (Vedanā), Ái (Taṇhā), Thủ (Upādāna), Hữu (Bhava), Sanh (Jāti), Già Chết (Jarāmaraṇa) ..., lúc đó cả hai – Trí Thẩm Sát Tam Tướng (Sammāsaṇa ñāṇa) và Trí Sanh Diệt (Udayabbaya ñāṇa) -- vốn có thể thẩm sát, suy quán và quyết định nó là vô thường hay khổ hay vô ngã này được gọi là **Thẩm Đạt Tri (Tīraṇa Pariññā)**. Chính tuệ phân biệt làm nhiệm vụ thẩm sát, suy quán và quyết định trên những đặc tính vô thường, khổ và vô ngã của các chi phần Duyên Khởi.

3. **Trừ Đạt Tri (Pahāna Pariññā)**:

Sau khi đã phân biệt một cách thấu đáo bằng tuệ giác chỉ một mình sự diệt của các chi phần Duyên Khởi, các Minh Sát Trí (Vipassanā Ñāṇa) cao hơn, bắt đầu từ Hoại Diệt Trí (Bhaṅga Ñāṇa) vốn luân phiên thiền quán trên Tam Tướng (tức lúc quán vô thường, lúc quán khổ, lúc quán vô ngã) và đoạn trừ các phiền não tương ứng một cách tạm thời (Tadaṅga) được gọi là **Trừ Đạt Tri (Pahāna Pariññā)** vì nó phân biệt và biết rõ các đặc tính vô thường, khổ và vô ngã của Pháp Duyên Khởi (Paṭicca Samuppāda). Đây là ba loại Đạt Tri Hiệp Thế hay thuộc thế gian (Lokiya Pariññā).

Ba Loại Đạt Tri Siêu Thế (Lokuttarā Pariññā)

Ở cuối của Minh Sát Trí (Vipassanā Ñāṇa) vốn là các Tuệ Đạt Tri Hiệp Thế (Lokiya Pariññā Paññā), Thánh Đạo (Ariya Magga) khởi lên. Thánh đạo đoạn trừ hoàn toàn (Samuccheda) các kiết sử tương ứng và vì vậy chứng Niết-bàn Giới Vô Vi (Asaṅkhata Dhātu Nibbāna). Do đó Trừ Đạt Tri là mukhya (?), tên chỉ đạo (Magga).

Thánh Đạo chứng ngộ Niết-bàn Giới Vô Vi (Asaṅkhata Dhātu Nibbāna) bằng Sở Duyên Thông Đạt (Ārammaṇa² Paṭivedha). Trong sự chứng ngộ này, Thánh Đạo hoàn toàn loại trừ Si (Moha) che đậy Tứ Thánh Đế và làm cho người ta không thể chứng ngộ được Tứ Thánh Đế. Khi Thánh Đạo loại trừ Si che đậy Tứ Thánh Đế công việc chứng ngộ Tứ Thánh Đế kể như đã hoàn thành. Sự chứng ngộ Tứ Thánh Đế qua **Kicca Siddhi** (tác dụng tất địa – hoàn tất nhiệm vụ hay hoàn tất những công việc phải làm?) như thế được gọi là Bất Si Thông Đạt (Āsammoha Paṭivedha). Trong số này, Thánh Đạo chứng ngộ Diệt Đế (Nirodha Sacca) bằng Sở Duyên Thông Đạt (Ārammaṇa Paṭivedha). Khổ

¹ Phân biệt (discern, Pāli: Pariggaha) có nghĩa là nắm bắt, thấu hiểu. Vì vậy, từ **phân biệt** được dùng theo nghĩa áp dụng pháp quán (minh sát) để hiểu rõ một hiện tượng gì đó trong thân và tâm, chẳng hạn như phân biệt nhân duyên, tức là quán để thấy được cái gì là nhân cái gì duyên, cái gì là quả... của hiện tượng.

² Ārammaṇa: Cảnh, hay đối tượng của sáu căn.

Đế, Tập Đế và Đạo Đế được chứng ngộ bằng Bất Si Thông Đạt (Āsammoha Paṭivedha). Do đó, khi Thánh Đạo đã hoàn tất công việc chứng ngộ các chi phần Duyên Khởi và các mối quan hệ nhân quả của chúng gọi là Khổ Đế và Tập Đế, thì một cách gián tiếp nó cũng được gọi là Trí Đạt Tri (Ñāta Pariññā).

Thêm nữa, Thánh Đạo (Ariya Magga) cũng hoàn toàn loại trừ Si che đậy các đặc tính vô thường, khổ và vô ngã của Khổ Đế và Tập Đế. Do đó công việc thẩm sát, suy quán và quyết định trên những đặc tính vô thường, khổ và vô ngã của Danh - Sắc - Nhân - Quả, hay nói chung các Pháp Hành (Saṅkhāra Dhamma) gọi là Khổ Đế và Tập Đế được hoàn tất. Như vậy, một cách gián tiếp Thánh Đạo cũng được gọi là Thẩm Đạt Tri (Tīraṇa Pariññā). Đây là ba loại Đạt Tri Siêu Thế (Lokuttarā Pariññā).

Chỉ sau khi đã tự mình chứng ngộ Duyên Khởi, đó là thấu triệt các mối quan hệ nhân quả bằng Tuệ Đạt Tri Hiệp Thế (Lokiya Pariññā Paññā) lúc đó mới có thể được gọi là sự **chứng ngộ bằng Tùy Giác Trí** (Anubodha) và sự **chứng ngộ bằng Thông Đạt Trí** (Paṭivedha). Và chỉ sau khi đã tuệ tri Duyên Khởi (Paṭicca Samuppāda) bằng sự chứng ngộ của **Tùy Giác Trí** và **Thông Đạt Trí** như thế người ta mới có thể vượt thoát luân hồi. Đây là những gì mà lời tuyên bố từ Kinh Đại Duyên (Nidāna Sutta) muốn nói.

Tùy Giác Trí (Anubodha) và Thông Đạt Trí (Paṭivedha)

Ananubodhāti ñātapariññāvasena ananubujjhanā appaṭivedhāti tīraṇappahāna pariññā āvasena apaṭvijjhana (Dīgha Nikāya Commentary (Chú Giải Kinh Trường Bộ) — Vol.II-85. Bản tiếng Miến)

Theo giải thích của Phụ Chú Giải “AnuAnubujjhanatṭhena Anubodho”, vì công việc tuệ tri hai pháp:

1) Nāmarūpa phải được phân biệt bằng Danh Sắc Phân Tích Trí (Nāmarūpapariccheda Ñāṇa) và

2) Những mối quan hệ giữa các nhân và các quả phải được phân biệt và tuệ tri bằng Nhân Duyên Phân Biệt Trí (Paccayapariggaha Ñāṇa),

không phải chỉ tuệ tri một lần là có thể hoàn tất mà phải tuệ tri đi tuệ tri lại nhiều lần mới có thể hoàn tất được, nên Danh Sắc Phân Tích Trí (Nāmarūpapariccheda Ñāṇa) và Nhân Duyên Phân Biệt Trí (Paccayapariggaha Ñāṇa) được gọi là Tùy Giác Trí (trí biết đi biết lại nhiều lần). Tuệ tri bằng Tùy Giác Trí là sự chứng ngộ bằng Tùy Giác Trí. Đây là sự chứng ngộ của Trí Đạt Tri (Ñāta Pariññā).

Sự chứng ngộ bằng Thẩm Đạt Tri (Tīraṇa Pariññā) và Trừ Đạt Tri (Tīraṇa Pariññā) được gọi là sự chứng ngộ Thông Đạt (Paṭivedha). Các Tuệ Minh Sát gián tiếp được gọi là Trừ Đạt Tri. Và Trừ Đạt Tri là **mukhya** (tên trở Thánh Đạo). Do đó, phải ghi nhớ rằng sự thể nhập Danh Sắc (Khổ Đế) và sự thể nhập Duyên Khởi, tức những mối quan hệ nhân quả (Tập Đế) bằng Tuệ Thẩm Đạt Tri (Tīraṇa Pariññā) và Tuệ Trừ Đạt Tri (Pahāna Pariññā Paññā) cho đến khi đắc Đạo Quả gọi là sự chứng ngộ Thông Đạt.

Hai Tuệ Giác

1) Sự thể nhập (sự tự chứng bằng cách thể nhập — penetratirealization by oneself) các chi phần Duyên Khởi như Vô Minh (Avijjā), Hành (Saṅkhāra), Thức (Viññāṇa), Danh Sắc (Nāmarūpa), Lục Nhập (Saḷāyatana), Xúc (Phassa), Thọ (Vedanā),

Ái (Taṇhā), Thủ (Upādāna), Hữu (Bhava), Sanh (Jāti), Già Chết (Jarāmaraṇa)... trong ba thời quá khứ, vị lai, hiện tại và

2) Sự thể nhập các mối quan hệ nhân quả giữa các nhân như Vô Minh (Avijjā) và các quả như Hành (Saṅkhāra) được gọi là sự thể nhập bằng Tùy Giác Trí (Anubodha).

Sự thấu triệt những đặc tính vô thường, khổ, và vô ngã của các chi phần Duyên Khởi cho đến đấng Đạo Quả là sự thể nhập bằng Thông Đạt Trí. Không tự mình chứng ngộ Duyên Khởi một cách thể nhập đúng như chúng thực sự là, bằng hai sự chứng ngộ của Tùy Giác Trí và Thông Đạt Trí người ta không thể vượt thoát luân hồi. Chỉ khi một người chứng ngộ chúng, họ mới có thể vượt thoát luân hồi vậy.

Những Ghi Chú Vấn Tắc về Phương Pháp Thứ Năm

Atīte hetavo pañca, idāni phalapañcakam

Idāni hetavo pañca, āyati phalapañcakam

Theo Chú Giải ở trên, người hành thiền phải phân biệt để nhận ra rằng:

1) Do năm nhân quá khứ Vô Minh, Ái, Thủ, Hành và Nghiệp, năm quả hiện tại Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ khởi sanh.

2) Do năm nhân hiện tại Vô Minh, Ái, Thủ, Hành và Nghiệp, năm quả tương lai Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ khởi sanh.

Trong trường hợp này, các nhân là Tập Đé và các quả là Khổ Đé. Do đó người hành thiền phải quán chiếu để tự mình hiểu rõ rằng:

1) Do Tập Đé trong kiếp quá khứ, Khổ Đé sanh trong kiếp hiện tại.

2) Do Tập Đé trong kiếp hiện tại, Khổ Đé sanh trong kiếp tương lai.

Tập Đé (Samudaya Sacca)

Về Tập Đé, Đức Phật dạy năm cách trong Bộ Phân Tích (Vibhaṅga) như sau:

1) Ái Taṇhā là Tập Đé,

2) Tất cả phiền não (Kilesa) cùng với Ái là Tập Đé,

3) Tất cả bất thiện pháp (Akusala Dhamma) là Tập Đé,

4) Tất cả thiện pháp (Kusala Dhamma) và vô tham (Alobha), vô sân (Adosa), vô si (Amoha) — ba nhân thiện (Kusala Mūla Dhamma) mà lậu hoặc (Asava) lấy làm đối tượng và có thể tạo ra vòng luân hồi (Saṃsāra Vaṭṭa) là Tập Đé.

5) Tất cả bất thiện nghiệp (Akusala Kamma) và tất cả thiện nghiệp (Kusala Kamma) vốn là đối tượng của lậu hoặc và có thể tạo ra vòng luân hồi là Tập Đé.

Do đó, Sammoha Vinodanī, Chú Giải Bộ Phân Tích nói — Tattha yasmā kusalākusalakammam avisesana samudaya saccanti sacca vibhaṅge vuttam — có nghĩa là tất cả các bất thiện nghiệp và thiện nghiệp đều là Tập Đé. Thêm nữa, trong Tăng Chi Kinh (Anguttara Nikaya) phần Tika Nipāta dạy rằng tất cả các chi phần của Duyên Khởi, những mối quan hệ nhân quả là Tập Đé — Katamañca bhikkhave dukkhasamudayaṃ ariyasaccam. Avijjāpaccayā saṅkhāra, Saṅkhārapaccaya Viññānam, Viññānapaccayā Nāmarūpaṃ, Nāmarūpampaccayā Salāyatanaṃ, Salāyatanaṃpaccayā Phasso' Phassopaccaya Vedanā, Vedanāpaccayā taṇhā, Taṇhāpaccayā Upādānaṃ,

Upādānaṃpaccayā Bhavo, Bhavopaccayā Jāti, Jātipaccaya Jarāmaraṇa - Soka - Parideva - Dukkha - Domanassupāyāsā sambhavanti. Evametassa kevalassa Dukkhaḥkhandhassa samudayo hoti. Idam vuccati bhikkhave dukkhasamudayaṃ ariyasaccam.

Trong Tương Ưng Sự Thật (Sacca Saṃyutta), kinh Kūṭāgāra, Đức Phật có dạy rằng nếu một người không chứng ngộ Tứ Thánh Đế bằng Tuệ Thể Nhập thời không cách nào chấm dứt được vòng luân hồi khổ; mà chỉ khi người ấy chứng ngộ Tứ Thánh Đế với Tuệ Thể Nhập của chính mình họ mới có thể chấm dứt vòng luân hồi khổ.

Do đó, người hành thiền muốn chấm dứt vòng luân hồi khổ phải ra sức chứng ngộ Tứ Thánh Đế bằng tuệ thể nhập. Đừng quên rằng, trong Tứ Thánh Đế, Tập Đế đã được bao gồm.

Tham Ái (Taṇhā) Thuộc Giai Đoạn Nào?

Đức Phật dạy rằng tham ái (Taṇhā) là Tập Đế (Samudaya Sacca) hay nhân sanh của Khổ; hành giả phải thâm xét và suy quán xem tham ái (Tập Đế), nhân căn bản của Khổ Đế trong kiếp hiện tại thuộc về giai đoạn nào.

Rūpārūpaṃ pañcakkhandhā, taṃ hoti dukkhasaccam, taṃ samuṭṭhāpikā purimataṇhā samudayasaccam (Chú giải Abhidhamma). Rūpanāma hay Danh và Sắc là năm uẩn. Năm uẩn đó là Khổ Đế. Tham ái tích lũy trong kiếp trước có thể tạo ra Khổ Đế (trong kiếp này) là Tập Đế. Đây là những gì đoạn Chú giải trên muốn nói.

Theo ý nghĩa của đoạn Chú giải trên, hành giả phải hiểu rằng taṇhā (Tập Đế hay nhân sanh của khổ) là nhân căn bản của năm uẩn (Khổ Đế trong kiếp hiện tại). Như vậy Khổ Đế trong kiếp hiện tại không phải là taṇhā hay tham ái khởi sanh trong kiếp hiện tại mà chính là taṇhā đã tích tạo trong kiếp trước vậy.

Theo Lời Dạy Trong Paṭisambhidā Magga (Vô Ngại Giải Đạo)

Purimakammabhavasmim mohō avijjā, āyūhanā saṅkhārā, nikanti taṇhā, upagamanam, cetanā bhavo. Ime pañca dhammā purimakammabhavasmim idha paṭisandhiyā paccayā (Paṭisambhidā, 50 bản Miến) – Moha (si hay sự hiểu biết sai lầm) khởi lên trong kiếp quá khứ lúc đang tích tạo nghiệp (ở đây là nghiệp hữu – Kamma Bhava là Vô Minh. Cố gắng tạo nghiệp là Hành (Saṅkhāra). Nikanti, tham ái đối với các trạng thái hiện hữu và các đối tượng khác là Ái (Taṇhā). Chấp thủ vào các trạng thái hiện hữu và các đối tượng khác là Thủ (Upādāna). Tư thiện (Kusala Cetanā) và tư bất thiện (Akusala Cetanā) là Hữu (Bhava). Năm pháp (Vô Minh, Ái, Thủ, Hành, Hữu) này khởi lên trong đời trước khi đang tích tạo nghiệp gọi là nghiệp hữu (Kamma Bhava) và nghiệp hữu là nhân của Kiết Sanh Thức Thức (Paṭisandhi) trong kiếp hiện tại (đó là Năm Uẩn Kiết Sanh Thức trong cõi người).

Những gì Paṭisambhidā Magga (Vô Ngại Giải Đạo) muốn nói ở đây là khi đang tích tạo Nghiệp Hữu (Kamma Bhava), nghiệp đó bị vây quanh bởi Vô Minh, Tham Ái và Thủ (Avijjā, Taṇhā, Upādāna). Nghiệp trong kiếp quá khứ này là nhân đích thực của các Uẩn Quả (Vipāka Khandha), như Năm Uẩn Kiết Sanh Thức trong kiếp hiện tại. Hãy lưu ý rằng nghiệp là Tập Đế hay nhân sanh của khổ.

Do đó người hành thiền phải phân biệt để tự mình thấu hiểu rằng do nghiệp gọi là Tập Đế trong kiếp quá khứ mà Khổ Đế (như Năm Uẩn Kiết Sanh Thức) trong kiếp

hiện tại này sanh. Chỉ lúc đó người hành thiền mới tự mình hiểu được Khổ Đế sanh là do Tập Đế.

Hành (Saṅkhāra) và Nghiệp Hữu (Kamma Bhava)

1. Khi làm các việc bố thí (Dāna), tư tiền (Pubba Cetanā) khởi lên trước lúc bố thí là Hành (Saṅkhāra), tư hiện (Muñca Cetanā hay Patitthāpaka Cetanā) khởi lên khi trao vật thí vào tay người thọ nhận là Nghiệp Hữu (Kamma Bhava).

2. Theo cách giải thích khác, trong Tâm Lộ Túc Hành Ý Môn (Manodvārika Javana Vīthi), tức các tiến trình tâm khởi lên khi đang tích tạo nghiệp, các Tư Tâm Sở (Cetanā) trong sáu Túc Hành Tâm (Javana) đầu được gọi là Hành Tác Hành (Ayūhana Saṅkhāra). Túc Hành Tâm thứ bảy gọi là Kamma Bhava hay Nghiệp Hữu

3. Cách giải thích khác, Tư (Cetanā) trong Túc Hành Tâm thuộc tâm sanh (Javana Cittuppāda) khi đang tích tạo một nghiệp gọi là nghiệp hữu (Kamma Bhava). Nhóm các tâm sở đi kèm với Cetanā gọi là Hành Tác Hành (Ayūhana Saṅkhāra).

Do đó hành giả có thể hiểu rằng Vô Minh, Ái, Thủ, Hành và Nghiệp đang tích tạo trong kiếp hiện tại không phải là các nhân (Tập Đế) của năm uẩn (Khổ Đế) trong kiếp hiện tại.

Nếu một hành giả suy xét chủ yếu về nghiệp trong số năm nhân ấy, thời hành giả có thể đồng ý rằng chính do Tập Đế trong kiếp quá khứ mà Khổ Đế sanh trong kiếp hiện tại. Nếu hành giả không đồng ý với điều đó, tức không chấp nhận rằng do nghiệp gọi là Tập Đế đã làm và tích tạo trong kiếp quá khứ mà Khổ Đế (Năm Uẩn Kiết Sanh Thức) trong kiếp hiện tại sanh thì hành giả phải suy xét thêm xem có nhất thiết phải hoàn thành các ba-la-mật lâu đến bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp cho sự Giác Ngộ Chánh Đẳng Giác (Sammā Sambodhi); hai a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp cho sự Giác Ngộ Độc Giác (Pacceka Bodhi); một a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp cho sự Giác Ngộ Thượng Thịnh Văn Giác (Agga Sāvaka Bodhi); và một trăm ngàn đại kiếp cho sự Giác Ngộ Đại Thịnh Văn (Mahā Sāvaka Bodhi) không.

Tỷ Lượng (Anumāna) và Hiện Kiến (Paccakkha – before the eye)

Nếu (1) người hành thiền chấp nhận rằng quá khứ và tương lai chỉ có thể được phân biệt bằng sự tỷ lượng (suy ra) hay phỏng đoán (Anumāna) bởi vì người ấy nghĩ rằng quá khứ không còn hiện hữu vì nó đã diệt còn tương lai thì vẫn chưa xảy ra; và (2) người ấy cũng chấp nhận sự kiện ‘do năm nhân quá khứ, năm quả hiện tại phát sanh’ và ‘do năm nhân hiện tại, năm quả tương lai phát sanh’ chỉ có thể được phân biệt bằng sự tỷ lượng, thì điều đó có nghĩa rằng việc các bậc Thánh có thể biết ‘do Tập Đế, Khổ Đế phát sanh’ cũng chỉ do sự suy ra mà thôi.

Tuy nhiên, giáo lý của Đức Phật cũng như trong chú giải xác định rằng Khổ Đế và Tập Đế được (các bậc Thánh) như thực tuệ tri (biết một cách rõ ràng đúng như chúng thực sự là) – "Idam dukkhanti yathābhūtaṃ pajānāti. Ayaṃ dukkha samudayoti yathābhūtaṃ pajānāti (MN)".

Ayaṃ lokīyo ayaṃ lokuttaro "ti ariyaṃ aṭṭhaṅgīkaṃ maggaṃ yathābhūtaṃ na pajānāti ajānanto lokiyamagge abhinivisitvā lokuttaraṃ nibbattetuṃ na sakkāti (Majjhima commentary- Vol 2-165)"

Chỉ khi một người tự mình chứng ngộ Khổ Đế và Tập Đế đúng như thực và tuệ tri do Tập Đế mà Khổ Đế phát sanh, thời người ấy mới có thể tu tập Đạo Đế (Magga Sacca), đó là họ có thể hành thiền Minh Sát (vipassanā) trên Tam Tướng của Khổ Đế và Tập Đế. Và chỉ khi người ấy tu tập Đạo Đế Hiệp Thế (Lokiya Magga Sacca) thời người ấy mới có thể đạt đến Đạo Đế Siêu Thế (Lokuttarā Magga Sacca) và Diệt Đế (Lokuttarā Nirodha Saccā). Do đó hay ghi nhớ rằng việc phân biệt quá khứ và tương lai để chứng ngộ Duyên Khởi đúng như thực là không thể tránh được.

Đạt Đến Nhân Duyên Phân Biệt Trí (Paccayapariggaha Ñāṇa)

Vipassakena Pariññā Ñāṇa kammantarañca vipākantarañca ekadesato jānitabbaṃ. (Visuddhi Magga)

Ekadesato jānitabbaṃ anavasesato jānitum na sakkā avisayattā. Sabbena sabbaṃ ajānate paccayapariggaho na paripūrati (Mahā Ṭika – Vol.2-380)

Có nghĩa là: Người hành thiền Minh sát (Vipassana) phải tuệ tri một số Nghiệp và Quả của nghiệp trong số những nghiệp và quả sai biệt của nghiệp. Vì việc biết hết tất cả các nghiệp và quả của nghiệp không phải là phạm vi của bậc Thanh Văn Thánh đệ tử của Đức Phật mà chỉ có Toàn Giác Trí của Đức Phật mới thấu triệt được hết vậy. Tuy nhiên, nếu một người không tuệ tri được bất kỳ một nghiệp và quả của nghiệp nào, thời Tuệ Minh Sát thuộc Nhân Duyên Phân Biệt Trí không thể hoàn thành. Đây là những gì Kinh và Chú Giải ở trên nói.

Vì Nhân Duyên Phân Biệt Trí (Paccayapariggaha Ñāṇa) không thể được đạt đến nếu không tuệ tri Nghiệp và Quả của nghiệp, nên hành giả phải nỗ lực để tuệ tri chúng đến một mức độ nào đó để đạt đến Nhân Duyên Phân Biệt Trí.

Như quý vị đã biết, có mười hai Quả Nghiệp (Vipāka) mà Đức Phật phải chịu, chẳng hạn như bị đau lưng nghiêm trọng, bị vu khống bởi nàng Ciñca, bị thương vì một mảnh đá do Devadatta lăn văng trúng... Trong trường hợp này, phải hiểu đó là những nghiệp riêng do quả tương ứng của chúng tạo ra. Tương tự, trong suốt cuộc đời, một người gặp phải những cảnh khả ái (Itthārammaṇa) và không khả ái (Anitthārammaṇa) vốn là những quả thiện và quả bất thiện khác nhau là điều tự nhiên. Gặp cảnh khả ái là do thiện nghiệp (Kusala Kamma). Gặp cảnh không khả ái là do bất thiện nghiệp (Akusala Kamma). Vì có những thiện nghiệp tương ứng khác nhau cho những cảnh khả ái khác nhau và cũng có những bất thiện nghiệp tương ứng khác nhau cho những cảnh bất khả ái khác nhau, nên một bậc Thanh Văn không thể tuệ tri hết tất cả những nghiệp và quả của nghiệp được; mà các vị chỉ có thể tuệ tri một số trong chúng mà thôi.

Thần Thông (Abhiññā) và Minh Sát (Vipassanā)

Người ta có thể chấp nhận việc các kiếp sống quá khứ có thể được phân biệt bằng Túc Mạng Thông (Pubbenivāsānussati Abhiññā) và các kiếp sống tương lai có thể được phân biệt bằng Vị Lai Phần Trí (Anāgatamsa Ñāṇa) vốn là một phần của Thiên Nhân Minh (Dibba Cakkhu); nhưng có lẽ người ta sẽ miễn cưỡng khi chấp nhận các Uẩn quá khứ và tương lai có thể được phân biệt bằng tuệ Minh Sát. Tuy nhiên, giáo lý của Đức Phật và những giải thích trong Chú Giải cho biết rằng Năm Thủ Uẩn quá khứ và tương lai có thể được phân biệt bằng Tuệ Minh Sát như sau:

Ye hi keci bhikkhave samaṇā vā brāhmaṇā vā anekavihitam pubbenivāsam anussaramānā anussaranti, sabbete pañcupādānakkhandhe anussaranti etesaṃ vā aññataram. Katame pañca?

“Evaṃ rūpo ahoṣim atītamaddhāna” nti, iti vā hi bhikkhave anussaramāno rūpam yeva anussarati...Evaṃ vedano...Evaṃ saññā...Evaṃ saṅkhāro...Evaṃ viññāno... (Saṃyutta Nikāya – Vol. 2-71)

Pubbenivāsanti na idam abhiññāvasena anussaraṇam sandhāya vuttam, vipassanāvasena Pariññā Ñāṇa pubbenivāsam anussarante samaṇabrahmaṇe

sandhāyesaṃ vuttaṃ. Tenevāha... “sabbete pañcupādānakkhandhe anussaranti etesaṃ vā aññatara”nti Abhiññāvasena hi samanussarantassa khandhāpi upādānakkhandhāpi khandhapatiḥbaddhāpi paṇṇattipi ārammaṇaṃ hotiyeva. Rūpaṃ yeva anussaratīti evaṃ anussaranto na aññaṃ kiñci sattaṃ vā puggalaṃ vā anussarati, atīte Pariññā Nāṇa niruddhaṃ rūpakkhandhameva anussarati: Vedanādīsupi esevanayoti. (Saṃyutta Comentary-Vol. 2-266)

“Này các tỳ-kheo, có một số sa-môn (Samaṇa) và bà-la-môn (Brahmaṇa), bằng trí tuệ có thể nhớ được các tiến trình Năm Thủ Uẩn của nhiều đời quá khứ và có thể phân biệt chúng. Những sa-môn và bà-la-môn ấy, bằng trí tuệ, có thể nhớ được Năm Thủ Uẩn hay một trong Năm Thủ Uẩn.” (Khajjaniya Sutta)

Trong đoạn Pāli trên, khi dùng từ “pubbenivāsaṃ” Đức Phật không có ý muốn nói rằng sự hồi nhớ các tiến trình uẩn của đời quá khứ là bằng năng lực của Túc Mạng Thông (Pubbenivāsānussati Abhiññā). Những gì Đức Phật thực sự muốn nói bằng từ “pubbenivāsaṃ” là các sa-môn và bà-la-môn hồi nhớ được các tiến trình uẩn của đời quá khứ bằng năng lực của tuệ Minh Sát. Do đó, Đức Phật dạy: “Sabbe te pañcupādānakkhandhe anussaranti etesaṃ vā aññataram...”, nghĩa là: “Các sa-môn (Samaṇa) và bà-la-môn (Brahmaṇa) này, bằng trí tuệ, có thể nhớ được Năm Thủ Uẩn. Hay có thể nhớ được một trong Năm Thủ Uẩn bằng trí tuệ...”

Lý do là chỉ có bốn đối tượng của Túc Trụ Tùy Niệm Thông (Pubbenivāsānussati Abhiññā 宿住隨念通) là:

- 1) Năm Uẩn bao gồm Siêu Thế Pháp (Lokuttara Dhamma),
- 2) Năm Thủ Uẩn không bao gồm Siêu Thế Pháp,
- 3) Dòng tộc, diện mạo, thức ăn, hạnh phúc và khổ đau... liên quan đến Năm Uẩn.
- 4) Các khái niệm về tên khác.

Trong kinh văn Pāli trên, do Đức Phật không dạy phân biệt bốn đối tượng ấy bằng tuệ mà ngài chỉ dạy phân biệt Năm Thủ Uẩn quá khứ hay một trong Năm Thủ Uẩn quá khứ bằng tuệ thôi, nên có thể hiểu được rằng Đức Phật chỉ muốn nói đến sự phân biệt các Uẩn quá khứ bằng Minh Sát Trí chứ không phải bằng Túc Trụ Tùy Niệm Thông (Pubbenivāsānussati Abhiññā 宿住隨念通). Trong việc phân biệt các tiến trình Uẩn (Khandha) quá khứ bằng Minh Sát Trí (Vipassanā Nāṇa), cũng nên hiểu rằng đó không phải là phân biệt các ‘chúng sinh’, ‘người’ mà phân biệt Năm Uẩn - sắc, thọ, tưởng, hành và thức - đã diệt trong đời quá khứ bằng trí tuệ Minh Sát. (Saṃyutta Nikāya – Vol. 2-71; Saṃyutta Comentary-Vol. 2-266)

Trên đây là những tham khảo về sự khác nhau trong sức mạnh giữa Pubbenivāsānussati Abhiññā và Vipassanā Nāṇa.

Kỹ Thuật Tìm Nhân

Paccayasamuppanne hi apariggahite paccayapariggaho na sakkā hoti kātuṃ. Tasmā dhamatṭhitiññāggahaṇeṇeva tassa hetubhūtaṃ pubbe siddhaṃ nāmarūpavavathānaññaṃ vuttameva hotīti veditabbaṃ. (Paṭisambhida Commentary-Vol.I-18)

Theo định nghĩa của Chú Giải Paṭisambhidā Magga ở trên, người hành thiền muốn phân biệt các nhân bằng tuệ (tuệ ở đây là Nhân Duyên Phân Biệt Trí) trước tiên phải cố gắng để đạt đến Danh Sắc Sai Biệt Trí (Nāmarūpa Vavatthāna Nāṇa), đó là phân biệt các Danh Sắc Quả gọi là Paccayasamuppanna.

Những gì muốn nói ở đây là người hành thiền muốn phân biệt các nhân quá khứ bằng tuệ thì trước đã phải phân biệt danh sắc hiện tại gọi là Duyên Sở Sanh Pháp hay Pháp Do Duyên Sanh (Paccayuppannadhamma), tức danh sắc sanh khởi do nhân quá khứ và danh sắc quá khứ vốn nương vào nhân quá khứ xa hơn (đó là Danh và Sắc sanh khởi do một nhân quá khứ xa hơn tương ứng). Thêm nữa, nếu người hành thiền muốn phân biệt để thấy được rằng ‘do năm nhân hiện tại, năm quả tương lai (gọi là paccayuppannadhamma) sanh’, thời vị ấy đã phải phân biệt bằng tuệ Danh và Sắc hiện tại (gọi là paccayuppannadhamma) mà các nhân hiện tại — Vô Minh, Ái, Thủ, Hành và Nghiệp nương; và năm quả tương lai (gọi là paccayuppannadhamma) vốn sẽ sanh do năm nhân hiện tại ấy. Chỉ lúc đó người hành thiền mới có thể tìm ra các nhân quá khứ một cách dễ dàng và mới có thể phân biệt để thấy được rằng do các nhân quá khứ, các quả hiện tại sanh. Tương tự, ‘sự sanh khởi của các quả tương lai là do các nhân hiện tại’ cũng có thể được phân biệt bằng tuệ. Đối với chuỗi các kiếp quá khứ nối tiếp nhau theo tuần tự và các kiếp tương lai nối tiếp theo tuần tự cũng cần hiểu theo cách tương tự.

Do đó, người hành thiền phải ghi nhớ rằng trước khi phân biệt ‘do nhân, quả sanh’, vị ấy đã phải phân biệt Năm Uẩn quá khứ, Năm Uẩn hiện tại và Năm Uẩn tương lai.

Bốn Cách Dạy Duyên Khởi (Paṭicca Samuppāda)

Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga) và Sammoha Vinodanī đề cập bốn cách dạy duyên khởi (Paṭicca Samuppāda) với ảnh dụ về những người đàn ông đi cắt dây leo.

1) Cách thứ nhất dạy duyên khởi theo chiều thuận, Anuloma Paṭicca Samuppāda, bắt đầu từ ‘do Vô Minh (Avijjā), Hành (Saṅkhāra) sanh’ cho đến ‘do Sanh (Jāti), Già Chết (Jarā Marana) sanh’. Như vậy duyên khởi được dạy từ đầu cho đến cuối.

2) Cách thứ hai dạy từ giữa, đó là từ Thọ (Vedanā), cho đến sự sanh của Sanh (Jāti) do Hữu (Bhava). Như vậy, duyên khởi được dạy từ giữa cho đến cuối.

3) Cách thứ ba dạy bắt đầu từ ‘già và chết (Jarā Maraṇa) sanh do nhân Sanh (Jāti)’ cho đến ‘Hành (Saṅkhāra) sanh do nhân Vô Minh (Avijjā)’. Như vậy duyên khởi được dạy từ cuối lên đầu theo chiều nghịch (Patiloma Paṭicca Samuppāda).

4) Cách thứ tư là ‘Thức ăn (Āhāra) sanh do Ái; Ái sanh do Vô Minh’...cho đến ‘Hành sanh do Vô Minh’. Như vậy duyên khởi được dạy từ giữa cho đến đầu.

5) Phương pháp thứ năm được đề cập trong Chú Giải là: “Atīte hetavo pañca, idāni phala pañcakaṃ...v. v’”, có nghĩa là: (a) Do năm nhân quá khứ, năm quả hiện tại sanh’, (b) Do năm nhân hiện tại, năm quả tương lai sanh’.

Người hành thiền có thể tìm các nhân hay tìm các nhân và các quả của chúng bằng bất kỳ phương pháp nào trong năm phương pháp duyên khởi (Paṭicca Samuppāda) trên mà mình thích. Trong số năm phương pháp này, phương pháp thứ năm, phân biệt các mối quan hệ nhân quả giữa các nhân và các quả, chủ yếu được dạy trong tập sách này. Tuy nhiên, ở giai đoạn ban đầu của việc tìm nhân, phương pháp từ giữa lên đầu được sử dụng.

Phù hợp với những lời dạy của Chú Giải Paṭisambhidā Magga (Vô Ngại Giải Đạo) trong việc tìm các nhân từ giữa lên đến đầu như đã nói, người ta thấy rằng sẽ dễ dàng hơn cho các hành giả nếu trước tiên họ có thể phân biệt được chuỗi Năm Uẩn nối tiếp nhau từ Năm Uẩn hiện tại đến Năm Uẩn quá khứ. Do đó, trước hết hành giả nên phân biệt từ Năm Uẩn hiện tại cho đến Năm Uẩn quá khứ. Sự phân biệt này dựa trên phương pháp phân biệt Năm Uẩn quá khứ nối tiếp nhau trong phần Pubbenivāsānussati của Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga). Khi đã có thể phân biệt được chuỗi Năm Uẩn tiếp nối nhau cho đến Năm Uẩn quá khứ người hành thiền phải phân biệt thêm để tuệ tri rằng ‘do năm nhân quá khứ vốn nương vào Năm Uẩn quá khứ xa hơn sanh, mà Năm Uẩn hiện tại sanh’. Nếu như hành giả có thể phân biệt và nối kết nhân quả một cách thành công theo phương pháp thứ năm của duyên khởi (Paṭicca Samuppāda), thời những phương pháp còn lại khác hành giả có thể hiểu được một cách dễ dàng.

Đưa Tâm (Đưa Trí Tuệ Hướng Về Quá Khứ)

Trước tiên hãy thiết lập định tăng lên dần. Phân biệt Danh và Sắc (Nāmarūpa) hiện hữu bên trong và bên ngoài xen kẽ nhau. Đặc biệt, phân biệt bắt đầu từ Danh và Sắc ở hàng thứ sáu (Hàng Cảnh Pháp - Dhammārammaṇa line) đổ về quá khứ. Hầu hết các hành giả đều thành công trong phương pháp này.

Sự phân biệt Danh và Sắc quá khứ bắt đầu từ Danh và Sắc (Nāma Rūpa) phát sanh trong oai nghi mới đây nhất vừa xảy ra và sự phân biệt những mối quan hệ nhân quả sẽ được đề cập thêm.

Sau khi đã cúng dường ánh sáng, nước hay bông hoa đến Đức Phật, ngay trước lúc ngồi thiền, hãy phát nguyện chứng ngộ Niết-bàn. Kế tiếp phát nguyện để được sống (ở đây là trạng thái hiện hữu), như kiếp sống của một vị sư hay kiếp sống của một người phụ nữ mà hành giả thích nếu như hành giả còn phải lưu chuyển trong luân hồi trước khi chứng ngộ Niết-bàn. Lưu ý và nhớ những tiến trình tâm khởi lên trong lúc phát nguyện.

Sau đó, ngồi thiền, thiết lập định tăng dần (sơ, nhị, tam, tứ thiền..) và rồi phân biệt Danh Sắc bên trong cũng như bên ngoài; đặc biệt phân biệt chủ yếu nhóm Danh (Nāma) ở hàng Cảnh Pháp (Dhammārammaṇa line). Nếu người hành thiền là một chỉ thừa hành giả (Samatha Yanaka: người hành thiền định trước) thời phân biệt chủ yếu các Danh Pháp Thiền (Jhāna Nāma Dhamma). Khi ánh sáng trở nên cực mạnh, cố gắng phân biệt Danh Pháp trong các tiến trình tâm thuộc giai đoạn phát nguyện được sống kiếp sống của một vị tỳ-kheo hay kiếp sống của một người nữ; Và Danh Pháp trong tiến trình tâm thuộc giai đoạn phát nguyện chứng đắc Niết-bàn sau khi đã cúng dường ánh sáng, nước hay bông hoa đến Đức Phật trong oai nghi gần đây nhất ngay trước lúc ngồi thiền.

Để phân biệt Danh này, trước hết hãy phân biệt Sắc Ý Vật (Hadaya Vatthu) cùng với 54 loại sắc hiện hữu trong trái tim (Hadaya) mà danh dựa vào. Kế tiếp phân biệt Tâm Hữu Phần (Bhavanga Citta) chủ khởi lên nương vào Sắc Ý Vật (Hadaya Vatthu Rūpa). Sau khi đã phân biệt được Tâm Hữu Phần (Bhavanga) hãy phân biệt trước và sau của Tâm Hữu Phần ấy để thấy Danh gọi là Tâm Lộ (Vīthi) khởi lên ở giữa Tâm Hữu Phần. Khi đã có thể phân biệt được Danh này, hãy xem xét một cách chính xác xem chúng có là một với các tiến trình tâm khi phát nguyện trước lúc tọa thiền không. Nếu chúng như nhau thời hành giả có thể phân biệt Danh và Sắc quá khứ gần nhất.

Nếu Hành Giả là Một Chỉ Thừa Hành Giả

Nếu người hành thiền là một chỉ thừa hành giả (Samatha Yānika) và nguyện kiếp sống của một vị Phạm Thiên (Brahmā) thời phải hành để đắc bậc thiền (Jhāna) có thể đưa người ấy đạt tới nghĩa là tái sinh trong cõi Phạm Thiên vị ấy thích. Chẳng hạn, nếu thiền đó là Đệ Tứ Thiền thời nhập vào Tứ Thiền trở lại. Hoặc là trước hoặc là sau khi nhập thiền, phát nguyện đời sống Phạm Thiên; hay khuynh hướng tâm về đời sống Phạm Thiên ấy. Ở đây, khi phát nguyện hay khuynh hướng tâm về đời sống Phạm Thiên là đang tích tạo Phiền Não Luân (Kilesa Vatta) trong đó Vô Minh (Avijjā), Ái (Taṇhā), Thủ (Upādāna) ưu thế hơn. Nhập vào thiền nhiều lần là đang tích tạo Nghiệp Luân (Kamma Vatta) vốn là Hành (Saṅkhāra) và Nghiệp (Kamma).

Kể tiếp phân biệt lại nhóm danh của Phiền Não Luân, nhóm danh của Nghiệp Luân và Sắc Ý Vật nơi đây các danh này dựa vào. Nếu có thể phân biệt được Danh và Sắc ấy người hành thiền kể như thành công trong việc phân biệt Danh và Sắc quá khứ gần nhất. Trong việc phân biệt Danh và Sắc quá khứ như thế, hành giả chủ yếu phân biệt Sắc Vật (Rūpa Vatthu) bên phía Sắc và Tâm Hữu Phần bên phía Danh.

Phiền Não Luân (Kilesa Vatta) và Nghiệp Luân (Kamma Vatta)

Vô Minh, Ái, Thủ, Hành và Nghiệp đề cập ở trên có thể tạo ra vòng luân hồi (saṃsāra vatta) sẽ được giải thích thêm ở đây. Trong ví dụ thứ nhất của việc phát nguyện:

- 1) Vô Minh: sự hiểu biết sai lầm cho rằng có ‘vị sư’ hay ‘người nữ’ (20 danh pháp)
- 2) Ái: dính mắc vào kiếp sống của vị sư hay kiếp sống của người nữ (20 danh pháp)
- 3) Thủ: chấp chặt vào kiếp sống của vị sư hay người nữ (20 danh pháp) (‘20’ ở đây muốn nói đến nhóm tham và tà kiến. Nó có thể là 19 hay 22 hay 21 tùy theo)
- 4) Hành: nhóm tâm sở thiện (đó là nhóm Tín <Saddhā> - Tuệ <Paññā> (34 danh pháp) trong hành vi cúng dường ánh sáng hay nước, hay bông hoa đến Đức Phật.
- 5) Nghiệp: nghiệp lực (Kamma Satti) của hành vi đó (34 danh pháp).

Vô Minh, Ái và Thủ gọi là Phiền Não Luân (Kilesa Vatta) hầu hết khởi lên như: Ý Môn Hướng tâm (Manodvārāvajjana) và bảy Tốc Hành Tâm (Javana). Nếu các vật dục (Kāma) như cảnh sắc (Rūpārammaṇa) của kiếp sống một vị sư hay kiếp sống người nữ được bắt làm đối tượng, thời Đồng Sở Duyên hay Tâm Thập Di, Đẳng Ký Tâm (Tadālabana) có thể khởi lên. Tốc Hành (Javana) ở đây thuộc nhóm Tham (Lobha) – Tà Kiến (Diṭṭhi) (20 danh pháp). Còn về Nghiệp Luân (Kamma Vatta) vốn là Hành và Nghiệp, chúng là tiến trình Tốc Hành Tâm ý môn thuộc nhóm Tín (Saddha) và Tuệ (Paññā). Nếu Trí (Ñāṇa) và Hỷ (Pīti) đi kèm với Javana thời có 34 Danh Pháp (Nāma Dhamma). Vì nhóm tâm sở thiện (Kusala Cetanā) này là pháp vô thường (Anicca Dhamma), chúng diệt khi tuổi thọ (ba tiểu sát-na sanh-trú-diệt) của chúng chấm dứt. Tuy nhiên chúng chỉ diệt sau khi đã đưa nghiệp lực vào tiến trình Danh và Sắc vốn có thể tạo ra kiếp sống của vị sư hay kiếp sống của người nữ mà người ấy nguyện được trở thành trong tương lai. Chúng không giống như Danh Quả (Vipāka Nāma), Danh Duy Tác (Kiriya Nāma) diệt không để lại chút nghiệp lực nào. Nghiệp lực đó gọi là nghiệp. Nó chính là Nānākhaṇika Kamma Satti, tức Dị Thời (sát-na) Nghiệp Lực hay nghiệp lực thuộc sát-na khác.

Ví Dụ Thứ Hai Về Sự Phát Nguyện

Trong việc phát nguyện để được kiếp sống Phạm Thiên:

- 1) Vô Minh: sự hiểu biết sai cho rằng thực có kiếp sống ‘Phạm Thiên’ (20 danh pháp)
- 2) Ái: dính mắc vào kiếp sống Phạm Thiên (20 danh pháp)
- 3) Thủ: chấp chặt vào kiếp sống Phạm Thiên (20 danh pháp)
- 4) Hành: sau khi đã nguyện để được kiếp sống Phạm Thiên, chính Tư Thiện Tứ Thiên (4th jhāna Kusala Cetanā) đã phát nguyện và tích tạo (31 danh pháp)
- 5) Nghiệp: nghiệp lực của Hành (Saṅkhāra) ấy (31)

Trong trường hợp này, ở vòng Phiền Não Luân (Kilesa Vaṭṭa), Vô Minh, Ái, Thủ, thuộc nhóm tham - tà kiến (lobha - diṭṭhi) có 20 danh pháp (Nāma Dhamma). Hành (Saṅkhāra), đó là các Danh Pháp Tứ Thiên có 31 danh pháp (Nāma Dhamma). Chúng chỉ là tiến trình tâm hay Tâm Lộ Túc Hành Ý Môn (Manodvārika Javana Vīthi).

Nếu người hành thiền, bằng Minh Sát Trí, có thể phân biệt được Danh (Nāma) gọi là Phiền Não Luân và Nghiệp Luân khởi lên ở oai nghi gần nhất, sau khi đã loại trừ nguyên khởi tương về Danh của chúng và đạt đến thực tại tối hậu của Danh thì sự phân biệt Danh và Sắc quá khứ gần nhất kể như đã thành công.

Nếu Hình Ảnh Xuất Hiện

Trong lúc phân biệt Danh và Sắc khởi lên ở oai nghi gần nhất nhờ ánh sáng của Minh Sát Trí đang phân biệt Danh và Sắc bên trong và bên ngoài, nếu hình ảnh của sự phát nguyện trước khi ngồi thiền xuất hiện thời hãy phân biệt Tứ Đại của hình ảnh ấy. Lúc đó, tướng ấy sẽ trở thành những phân tử nhỏ gọi là Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa). Sau khi đã phân tích các Rūpa Kalāpa ấy, hãy phân biệt tất cả sắc trong sáu Căn Xứ, 32 Thân Phần (Kotthāsa) nói chung. Đặc biệt phân biệt 54 loại sắc trong trái tim (Hadaya). Phân biệt chủ yếu Sắc Ý Vật (Hadaya Vatthu Rūpa). Phân biệt thêm nữa Tâm Hữu Phần. Kế đến phân biệt các tiến trình Danh Pháp khởi lên giữa các Tâm Hữu Phần, vốn nương vào Sắc Ý Vật. Khảo sát để thấy xem các tiến trình Danh được phân biệt ấy có giống như các Tiến Trình Danh Pháp (Nāma Dhamma) khởi lên ở thời điểm phát nguyện hay không. Nếu chúng giống nhau thời sự phân biệt Danh và Sắc quá khứ gần nhất kể như thành công. Nếu thành công được như vậy, hãy đưa Minh Sát Trí hướng về quá khứ dần dần để phân biệt Danh và Sắc quá khứ theo tuần tự như Danh và Sắc ngày hôm qua, Danh và Sắc ngày hôm kia, Danh và Sắc tháng trước, Danh và Sắc năm trước... Trong việc phân biệt này, nếu các hình ảnh xuất hiện tùy tiện, hãy phân biệt Tứ Đại trong các hình ảnh ấy và phân biệt thêm Danh và Sắc như đã đề cập ở trên. Tiếp tục phân biệt Danh và Sắc cho đến thời điểm của sự hình thành bào thai ở giai đoạn thứ nhất (kalalarūpa - sắc noãn hoàng) trong dạ con người mẹ.

Hướng Về Thời Cận Tử (Maranasanna) Trong Quá Khứ

Vào thời Tục Sinh (Paṭisandhi) sự hình thành bào thai ở giai đoạn một của con người, có ba loại Tổng Hợp Sắc sanh lên, đó là Hadaya Dasaka Kalāpa (tổng hợp mười sắc thuộc trái tim hay đoàn ý vật), Kāya Dasaka Kalāpa (tổng hợp mười sắc thuộc thân hay đoàn thần kinh thân) và Bhāva Dasaka Kalāpa (tổng hợp mười sắc thuộc tánh hay đoàn sắc tánh) hay ba mươi loại sắc (mặc dù chỉ có ba loại Tổng Hợp Sắc hay ba mươi loại sắc, song tính chất của mỗi loại có nhiều). Còn về Danh (nāma) nếu người ấy là một người Tam Nhân (Tihetuka - Vô Tham, Vô Sân Và Vô Si) mà Kiết Sanh Thức Thức

(Paṭisandhi) được kèm theo bởi Thọ Hỷ (Somanassa Vedanā) thời đó là nhóm Tín - Tuệ (Saddha - Paññā) có ba mươi bốn danh pháp (Nāma Dhamma). Phân biệt các Danh và Sắc này cho đến khi Minh Sát Trí được rõ ràng. Khi có thể phân biệt cho đến lúc thấy được thực tại cùng tột (Paramattha - Chơn Đê) với Minh Sát Trí rõ ràng, hành giả thẩm sát và suy quán theo cách này:

“Idam nāmarūpaṃ na ahetu na appaccayā nibbattam, sahetu sappaccayā nibbattam. Kopaṇassa hetu, ko pana paccayo” ti upaparikkhanto “Avijjāpaccayā taṇhā paccayā kamma-paccayā āhārapaccayā cā” ti tassa paccayaṃ vavatthapetvā “atītepi paccayā ceva paccayasamuppānadharmā ca, anāgatepi etarahipi paccayā suddhasaṅkhārapuñjā evā” ti tīsu addhāsu kaṅkham viharati. Ayam Pariññā Nāṇa vipassanāsaṅkhārasallakkhaṇā ñātapariññā nāma. (Abhidhamma Commentary-Vol-2-241-242).

Theo Chú Giải ở trên thì, nếu một người thẩm sát và suy xét rằng: “Các Danh và Sắc này không sanh khởi mà không có hai nhân — hetu nhân (**năng sanh nhân**) (Janaka) vốn trực tiếp tạo ra quả và paccaya nhân (**hỗ trợ nhân**) (Upatthambhaka) làm nhiệm vụ hỗ trợ; chúng chỉ sanh khởi nếu có hetu nhân (năng sanh nhân). Năng sanh nhân (Janaka Hetu) và hỗ trợ nhân (Upatthambhaka) của chúng là gì? Sau khi đã soi ánh sáng của tuệ về quá khứ, hành giả bắt đầu thấy, hoặc là Danh và Sắc sanh khởi lúc sắp chết, tức thời cận tử trong kiếp quá khứ hoặc là đối tượng (ở đây là Nghiệp, hoặc Nghiệp Tướng hoặc Thú Tướng) của Tốc Hành Tâm cận tử đó.

Nếu một người có thể phân biệt được Danh và Sắc của thời cận tử thì chắc chắn sẽ thấy được một trong ba đối tượng này: Nghiệp (Kamma), Nghiệp Tướng (Kamma Nimitta) hoặc Thú Tướng (Gati Nimitta), vốn là đối tượng của nhóm Danh Pháp (Nāma Dhamma) gọi là Tốc Hành Tâm Cận Tử (Marāṇāsanna Javana). Điều đó không còn khó nữa. Nimitta hay tướng đó xuất hiện là bởi vì sức mạnh (Satti) của nghiệp sắp tạo ra quả vậy. Do đó, nếu hành giả có thể thấy Nimitta ấy chắc chắn rằng hành giả có thể tìm thấy Hành và Nghiệp vốn là các nhân của một Uẩn Quả (Vipāka Khandhā) nào đó như Năm Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Pañcakhandhā) của kiếp hiện tại chẳng hạn. Còn nếu tìm thấy (Hành và Nghiệp) thì hành giả phân biệt thêm Vô Minh, Ái, Thủ ‘vây quanh’ Hành và Nghiệp ấy.

Nếu người hành thiền không tìm thấy Danh và Sắc của thời cận tử khi thẩm sát và suy quán bằng tuệ giác hướng về quá khứ mà chỉ thấy hình ảnh của tử thi thời hãy phân biệt tử đại của tử thi đó. Hành giả sẽ chỉ thấy những phân tử nhỏ và cố gắng phân tích các phân tử nhỏ này. Hầu hết các hành giả sẽ thấy các nhóm sắc mà ở đây dưỡng chất (Ojā) là yếu tố thứ tám và do Hỏa Đại (Tejo Dhātu) tạo ra gọi là Utujajattamaka Rūpa (sắc có vật thực là yếu tố thứ tám do thời tiết sanh).

Sở dĩ nói ‘hầu hết’ vì đôi khi một hành giả cũng có thể thấy Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa) của một số giới bọ sống tồn tại trong xác chết đó. Bởi thế, có khi hành giả thấy các Tổng Hợp Sắc trong suốt và các Tổng Hợp Sắc mờ lẫn lộn với nhau trong xác chết. Tuy nhiên, về các Tổng Hợp Sắc của xác chết, chỉ có Sắc Thời Tiết (Utuja Rūpa) vốn là sắc mờ do thời tiết sanh.

Sau khi đã phân biệt Sắc của xác chết đó xong, hãy hướng tâm thêm nữa về quá khứ một cách dần dần để phân biệt Danh và Sắc khởi lên vào thời cận tử. Nếu có thể phân biệt được Danh và Sắc của thời cận tử, thì phân biệt luôn đối tượng của Tốc Hành

Tâm Cận Tử (Maraṇāsanna Javana) đang sanh khởi ở thời cận tử ấy. Nếu không thành công, hãy phân biệt để có thể ‘bắt’ được Hadaya Vatthu (Sắc Ý Vật) của thời cận tử. Sau đó phân biệt Tâm Hữu Phần chủ vốn nương vào Hadaya Vatthu để sanh khởi. Khi đã có thể phân biệt được Tâm Hữu Phần rồi, thì phải phân biệt Tâm Hữu Phần tới và lui, tức là sớm hơn thời điểm trước khi chết và lúc sắp chết (cận tử), lúc đó người hành thiền có thể thấy và phân biệt được đối tượng của Tốc Hành Tâm Cận Tử (Maraṇāsanna Javana) trong Tâm Hữu Phần, có thể đó là Nghiệp, Nghiệp Tướng hoặc Thú Tướng. Theo kinh nghiệm của các thiền sinh đang hành ở đây thì thường là Nghiệp hoặc Nghiệp Tướng đã xuất hiện đối với nhiều hành giả; rất ít người có Thú Tướng xuất hiện. Điều này phù hợp với kinh nghiệm của những hành giả đang truy tìm các nhân quá khứ và chỉ những người hành thiền ở Thiền Viện Pa - Auk thôi.

Nếu Tướng Cận Tử (Maraṇāsanna Nimitta) ấy là một Nghiệp, nghĩa là tướng khởi lên như thể hành giả đang làm lại một việc thiện nào đó - điều này đã được đề cập như Abhinavakakaraṇavasena trong Vi Diệu Pháp Yếu Nghĩa (Abhidhammatthasangaha) — thời hành giả phải phân tích thêm Danh và Sắc sanh khởi vào lúc đang làm thiện sự đó nữa.

Cách Phân Biệt

Phân biệt tứ đại của hình ảnh đang làm thiện sự. Nếu thấy được các Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa), hãy phân tích chúng cho đến khi đạt đến Sắc Chơn Đế (Rūpa Paramattha). Đặc biệt phân biệt chủ yếu 54 loại sắc vốn sanh khởi cùng với Ý Vật (Hadaya Vatthu) trong trái tim vào lúc đang làm thiện nghiệp đó. Sau đó phân biệt Ý Vật. Phân biệt thêm Tâm Hữu Phần vốn dựa vào Ý Vật đó khởi sanh. Rồi phân biệt nhóm Danh (Nāma) sanh khởi ở giữa các Tâm Hữu Phần, vào lúc đang làm thiện sự. Phân biệt bằng trí tuệ để thấy chính xác loại thiện nghiệp nào đang được làm và loại tâm thiện (Kusala Citta) nào đang khởi lên (ở đây là các tiến trình thuộc Tốc Hành Tâm Thiện Ý Môn — Manodvārika Kusala Javana Vīthi). Nếu phân biệt tới và lui nhiều lần hành giả sẽ thấy các tiến trình thuộc Tốc Hành Tâm thiện đang khởi lên lúc đó và nhóm Vô Minh - Ái - Thủ, qua đó hành giả nhắm tới và phát nguyện khi đang làm thiện sự. Nói cách khác, người hành thiền thấy các Hành và Nghiệp Thiện (Kusala Saṅkhāra và Kamma) được vây quanh bởi Vô Minh – Ái – Thủ vậy.

(Ghi chú: Vì Saṅkhāra và Kamma có thể tạo ra trạng thái hiện hữu con người chỉ là các Hành và Nghiệp Thiện, nên hãy lưu ý rằng chỉ các Hành và Nghiệp Thiện được đề cập trong trường hợp này.)

Lời Nguyện Quá Khứ của Công Chúa Sumana (Thiên Ý)

Để hiểu rõ hơn về Avijjā - Taṇhā - Upādāna - Saṅkhāra - Kamma (Vô Minh – Ái - Thủ - Hành - Nghiệp), lời nguyện quá khứ của công chúa Sumana, con gái của vua Kosala sẽ được đề cập ở đây. Trong thời kỳ Đức Phật Tỳ-bà-thi (Vipassi Buddha), sau khi nàng đã cúng dường một loại hoa gọi là Sumana (hoa lài) và cháo sữa đến Đức Phật Tỳ-bà-thi cùng với hội chúng Tăng nàng phát lời nguyện này: “Bhavābhavābhiniḅbattiyam me sati paritassanajīvitam nāma mā hotu, ayaṃ sumanamālā viya nibbattanibattaṭṭhāne piyāva homi nāmena ca sumanāyeva”—“Bất kỳ kiếp sống nào con sanh ra, cầu mong cho cuộc sống của con không có những lo lắng, phiền não. Bất kỳ kiếp sống nào con sanh ra, cầu mong cho con là một người nữ được mọi người yêu thương giống như những bông hoa lài và cầu mong cho con được gọi là Sumana” (Aṅguttara Commentary-Vol.3-13, 14)

Trong thiện nghiệp và lời phát nguyện trên, Phiền Nã Luân (Kilesa Vatṭa) và Nghiệp Luân (Kamma Vatṭa) đã được bao gồm, đó là:

1) Vô Minh (Avijjā): hiểu biết sai cho rằng thực có một “người nữ” mà cuộc sống không có những lo lắng, não phiền, được mọi người yêu mến và có tên là Sumana.

2) Tham Ái (Taṇhā): dính mắc vào kiếp sống người nữ đó,

3) Thủ (Upādāna): chấp chặt vào kiếp sống người nữ đó,

4) Hành (Saṅkhāra): nhóm tâm sở thiện (Kusala Cetanā) của hành động cúng dường hoa lá và cháo sữa đến hội chúng Tăng có Đức Phật làm tọa chủ.

5) Nghiệp (Kamma): nghiệp lực (Kamma Satti) của nhóm tâm sở thiện ấy.

Năm nhân này là những nhân sẽ cho ra một Uẩn Quả (Vipāka Khandhā) nào đó như Năm Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Pañcakhandhā) của con gái đức vua Kosala tên gọi là công chúa Sumana.

Ví Dụ Thêm Về Một Hành Giả

Để hiểu rõ hơn về điều này, ví dụ về một hành giả sẽ được nêu ra ở đây. Khi hành giả nữ này phân biệt thời cận tử (Maraṇāsanna) trong kiếp quá khứ cô ta thấy Nghiệp Tướng (Kamma Nimitta) của hành động cúng dường trái cây đến một vị tỳ-kheo xuất hiện trong Tâm Hữu Phần của thời cận tử trong kiếp quá khứ đó. Sau khi đã phân biệt tứ đại trên hình ảnh cúng dường trái cây đó, cô phân biệt thêm Danh và Sắc (của hình ảnh đó) cô thấy các tiến trình tâm đang phát nguyện được tái sinh làm một người nữ có học thức ở thành phố (vì cảm thấy không hài lòng với trạng thái hiện hữu như là một thôn nữ nghèo thiếu học lúc đó) và các tiến trình tâm của nhóm tâm sở thiện trong hành động cúng dường trái cây. Đó là:

1) Vô Minh (Avijjā) (20): hiểu biết sai cho rằng thực có kiếp sống như ‘người nữ học thức ở thành phố’

2) Tham Ái (Taṇhā) (20): dính mắc vào kiếp sống người nữ đó,

3) Thủ (Upādāna) (20): chấp chặt vào kiếp sống người nữ đó,

4) Hành (Saṅkhāra) (34): nhóm tâm sở thiện của (việc thực hiện) cúng dường,

5) Nghiệp = nghiệp lực của hành vi ấy

Ở đây, ‘20’ là 20 danh pháp (Nāma Dhamma) thuộc nhóm Tham hiện hữu trong mỗi Tốc Hành Tâm (Javana) của tiến Trình Tâm Tốc Hành Ý Môn thuộc Phiền Nã Luân (Kilesa Vatta Manodvārika Javana Vīthi). Còn về ‘34’, đó là nhóm Danh Pháp (Nāma Dhamma) thuộc Tín - Tuệ (Saddha – Paññā) hiện hữu trong mỗi sát-na tốc hành của tiến trình tâm Tốc Hành Tâm Thiện Ý Môn (Manodvārika Kusala Javana Vīthi) trong việc cúng dường trái cây.

Trong kiếp hiện tại hành giả này trở thành một người nữ có học thức ở thành phố. Khi phân biệt những mối quan hệ nhân quả giữa các nhân và các quả hành giả này tự mình tuệ tri được rằng nghiệp lực của thiện nghiệp cúng dường trái cây đã tạo ra nhiều Uẩn Quả (Vipāka Khandha) như Năm Uẩn Quả Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vipāka Pañcakkhandha) trong kiếp hiện tại... Tuệ thể nhập các mối quan hệ nhân quả giữa các

nhân và các quả như thế này gọi là Tuệ Phân Biệt Nhân Duyên (Paccayapariggaha). Để hiểu rõ hơn, hãy xem ví dụ dưới đây.

Một Ví Dụ Khác

Khi phân biệt đối tượng của sát-na Tốc Hành Tâm Cận Tử (Marāṇāsanna Javana) trong kiếp quá khứ, giả sử rằng nếu nghiệp cúng dường thực phẩm đến một tháp thờ Xá-lợi (Cetiya) xuất hiện, thời sau khi đã phân biệt tứ đại trên hình ảnh cúng dường thực phẩm đó, hãy phân biệt thêm Danh và Sắc. Đặc biệt phân biệt Sắc Ý Vật (Hadaya Vatthu) và Tâm Hữu Phần. Sau khi đã phân biệt Tâm Hữu Phần tới lui nhiều lần giữa giai đoạn Tốc Hành Cận Tử và giai đoạn trước đó, hãy phân biệt các Tiến Trình Tâm Tốc Hành Ý Môn khởi lên giữa những Tâm Hữu Phần này. Rà soát để có thể tìm thấy các tiến trình tâm đang thực hiện việc phát nguyện và các tiến trình tâm của việc cúng dường thực phẩm. Phân biệt các tiến trình tâm này và cố gắng để tìm ra Phiền Não Luân (Kilesa Vatta) và Nghiệp Luân (Kamma Vatta) trong đó.

Trong ví dụ trên, chúng ta hãy giả sử rằng người hành thiền phát nguyện rằng:
“Cầu mong cho tôi được trở thành một vị sư và có thể chứng đắc Niết-bàn.”

Ba Yếu Tố Trong Phiền Não Luân

1) Hiểu biết sai cho rằng thực có kiếp sống ‘vị sư’ có thể chứng đắc Niết-bàn là Vô Minh (Avijjā),

2) Dính mắc vào kiếp sống vị sư (có thể chứng đắc Niết-bàn) đó là Tham Ái (Taṇhā),

3) Chấp chặt vào kiếp sống vị sư đó là Thủ (Upādāna).

Ba yếu tố - Vô Minh, Ái và Thủ - này là Phiền Não Luân. Ba yếu tố gọi là Phiền Não Luân này không chỉ sanh khởi một mình. Nói đúng hơn chúng chỉ có thể khởi khi được kèm theo bởi tâm và tâm sở (Citta - Cetasika) phối hợp, các pháp tương ưng như Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Thức... trong một sát-na tâm. Hầu hết chúng là 20 Danh Pháp (Nāma Dhamma) thuộc nhóm Tham - Tà Kiến (Lobha - Diṭṭhi). (Nếu Hỷ không có mặt thì chỉ có 19). Nó có thể là Hữu Trụ (Sasaṅkhārika) hay Vô Trụ (Asaṅkhārika), tùy theo.

Nếu tính theo Tiến Trình Tâm (Vīthi), thì hầu hết nó xuất hiện như: Manodvāravajjana (Ý Môn Hướng tâm) - Javana (Tốc Hành Tâm - bảy lần); Tadālabana (Đồng Sở Duyên, Đăng Ký Tâm hay Tâm Thập Di) có thể hoặc không thể khởi lên. Nếu người ấy dính mắc vào Danh và Sắc của kiếp sống vị sư mà mình đã nguyện được trở thành, thời Tâm Thập Di hay Đăng Ký Tâm có thể khởi lên.

Như vậy:

1) Trong Ý Môn Hướng Tâm có 12 tâm và tâm sở (Citta - Cetasika).

2) Trong Tốc Hành Tâm có hầu hết 20 tâm và tâm sở (thuộc nhóm Tham - Tà Kiến).

3) Nếu Tâm Đăng Ký khởi lên thì có 12 tâm và tâm sở (Citta - Cetasika), ở đây Hỷ (Pīti) được kể vào.

Trong những Danh (Nāma) này:

- 1) Thọ (Vedanā) là Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā)
- 2) Tưởng là Tưởng Uẩn (Saññākkhandhā)
- 3) Các tâm sở khác còn lại là Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā)
- 4) Thức (Tâm) là Thức Uẩn (Viññāṇakkhandhā).

Những Danh này là bốn Danh Uẩn (Nāmakkhandhā). Sắc Ý Vật (Hadaya Vatthu Rūpa), chỗ nương của bốn danh này và 54 loại sắc trong trái tim là Sắc Uẩn. (Các sắc không thực tùy trường hợp có thể được gồm vào). Nếu tập hợp chúng lại với nhau, thì:

- 1) Trong Ý Môn Hướng (Manodvārāvajjana) có Năm Uẩn
- 2) Trong mỗi Tốc Hành Tâm có Năm Uẩn
- 3) Trong mỗi Đồng Sở Duyên, Đăng Ký Tâm hay Thập Di Tâm có Năm Uẩn.

(Ghi chú: Về Đồng Sở Duyên, Đăng Ký Tâm hay Thập Di Tâm (Tadālabana), Thập Di Thuộc Tâm Đại Quả (Mahā Vipāka Tadālabana) và Thập Di Thuộc Quả Bất Thiện (Ahetuka Akusala Vipāka)/ Thập Di Thuộc Tâm Quả Thiện (Kusala Vipāka Tadālabana) có thể khởi lên tùy theo. Tùy theo loại tâm mà chúng có thể là 34 hay 35... danh pháp (Nāma Dhamma). Ở đây, chỉ có loại Thập Di Thuộc Tâm Suy Xét Thọ Hỷ (Somanassa Santīraṇa Tadālabana) được trình bày.

Trong việc phân biệt Vô Minh, Ái, Thủ vốn là một phần của các nhân quá khứ hay còn gọi là Phiền Não Luân ‘vây quanh’ Hành (Saṅkhāra) và Nghiệp (Kamma) đã làm và tích lũy trong quá khứ, người hành thiền phải làm sao phân biệt được Năm Uẩn này một cách đúng đắn, loại trừ từng loại khỏi tưởng (Ghana) về Danh và Sắc cho đến khi đạt đến tuệ thấy rõ Thực Tại Tối Hậu. Tính theo các giai đoạn tuệ thì đây là Tuệ hay Trí Phân Tích Danh Sắc (Nāmarūpapariccheda Ñāṇa).

Hai Yếu Tố Trong Nghiệp Luân (Kamma Vatta)

Trong việc cúng dường thực phẩm tại tháp thờ xá - lợi hay đến Đức Phật:

- 1) Tiến Trình Tâm Tốc Hành Thiện (Kusala Javana Vīthi) có thể bắt lấy người thọ nhận (ở đây là Đức Phật) làm đối tượng.
- 2) Tiến Trình Tâm Tốc Hành Thiện (Kusala Javana Vīthi) có thể bắt lấy những vật cúng dường (ở đây là thực phẩm) làm đối tượng.
- 3) Kusala Cetanā (Tư Thiện) = Kusala Javana Vīthi có thể bắt lấy Tư Thiện (Kusala Cetanā) đi trước của việc cúng dường làm đối tượng.

Phân biệt chính xác xem Tiến Trình Tâm Tốc Hành Thiện (Kusala Javana Vīthi) đang khởi lên trong lúc cúng dường thực phẩm đó là gì. Nếu những Tốc Hành Tâm thiện đó có Thọ Hỷ (Somanassa Vedanā) và Tương Ứng Trí (Ñāṇa Sampayutta) đi kèm, thời có 34 tâm sở. Những tâm sở này thuộc về nhóm Tín - Tuệ (Saddhā - Paññā). Theo tiến trình tâm, chúng sẽ khởi lên như sau: Ý Môn Hướng (Manodvārāvajjana) - Tốc Hành Bảy Lần (Javana) - Thập Di, Đăng Ký Tâm (Tadālabana). Tadālabana có thể hoặc không thể khởi lên, tùy theo.

Và:

- 1) Trong Ý Môn Hướng (Manodvārāvajjana) có 12 Citta - Cetasika,

- 2) Trong mỗi Tốc Hành Tâm (Javana) có 34 Citta - Cetasika,,
- 3) Trong mỗi Thập Di, Đăng Ký Tâm (Tadāmbana) có 34 Citta - Cetasika,.

Mỗi trong các nhóm Danh Pháp (Nāma Dhamma) này là bốn Danh Uẩn (Nāmakhandhā). Các Sắc Pháp (Rūpa Dhamma) hiện hữu trong trái tim (Hadaya) nơi đây các Danh này nương là Sắc Uẩn (Rūpakhandhā). Do đó có:

- 1) Năm Uẩn trong Ý Môn Hướng (Manodvārāvajjana),
- 2) Năm Uẩn trong mỗi sát-na Tốc Hành (Javana),
- 3) Năm Uẩn trong mỗi sát-na Thập Di Tâm, Đăng Ký Tâm (Tadāmbana).

Theo các giai đoạn tuệ thì tuệ biết, nắm bắt và phân biệt Năm Uẩn này được gọi là Danh Sắc Phân Tích Trí (Nāmarūpapariccheda Ñāṇa). Tuy nhiên Năm Uẩn thuộc Phiền Não Luân (Kilesa Vatṭhu) và Năm Uẩn thuộc Nghiệp Luân (Kamma Vatṭhu) này chỉ là Năm Uẩn Nhân cho Năm Uẩn Quả của kiếp hiện tại (đó là kiếp sống làm một vị sư).

Trong Năm Uẩn kể trên, 34 Danh Pháp (Nāma Dhamma) trong mỗi Tốc Hành Tâm (Javana) là các pháp ‘tạo thành’, nhờ đó Năm Uẩn (Danh và Sắc) của kiếp sống vị sư như đã nguyện đi đến sự khởi sinh được gọi là Hành (Saṅkhāra). Chúng là các nhân ‘phần đầu’ để tạo ra một trạng thái hiện hữu mới.

Vì các Saṅkhāra này là các pháp vô thường (Anicca Dhamma), chúng diệt liền sau khi sanh. Tuy nhiên, không giống như các Uẩn Quả (Vipāka Khandhā), chúng không thể diệt mà không để lại một nghiệp lực (Satta) trong các tiến trình Danh và Sắc. Nói khác hơn, chúng chỉ diệt sau khi đã ấn định trong các tiến trình Danh và Sắc này Nghiệp Lực (Kamma Satti) vốn có thể tạo ra Năm Uẩn trong tương lai, mà ở trường hợp này, là kiếp sống của vị sư có thể đắc chứng Niết-bàn như đã nguyện. Nghiệp Lực này chính là Kamma.

Giai Đoạn Paccaya Pariggaha (Phân Biệt Nhân Duyên)

Nếu người hành thiền thấy được các nhân — Vô Minh, Ái, Thủ, Hành và Nghiệp — đã làm và tích lũy trong quá khứ, thì người ấy phải cố gắng để tìm thấy mối tương quan giữa nghiệp, ở đây là Nghiệp Lực (Kamma Satti), với 30 loại sắc do nghiệp sanh (Kammaja Rūpa) hiện hữu vào thời điểm của sự hình thành bào thai ở giai đoạn thứ nhất, tức giai đoạn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi). Phân biệt để nhận ra xem có bất kỳ mối tương quan nhân quả nào giữa Kamma và Kammaja Rūpa (Sắc Do Nghiệp Sanh) không. Cũng như có sự tương quan nhân quả giữa tâm (Citta) và Sắc do Tâm Sanh (Cittaja Rūpa), hãy phân biệt một cách chính xác xem giữa Nghiệp và Sắc Do Nghiệp Sanh có bất kỳ mối tương quan nhân quả nào không vậy.

Nếu có sự tương quan nhân quả thì người hành thiền phải nhận ra và tự mình thấy rằng Sắc Nghiệp Sanh (Kammaja Rūpa) khởi lên liên tục là do Nghiệp (Kamma) đó. Nếu không có sự tương quan nhân quả, cũng có nghĩa là nếu người hành thiền không bằng trí tuệ thấy ra rằng sự khởi sinh của Sắc Nghiệp Sanh (Kammaja Rūpa) là do Nghiệp đó thì vị ấy phải tìm cho ra **ngiệp - tạo - ra - quả** trở lại. Hành giả tìm nghiệp này bằng cách phân biệt tới lui nhiều lần những đối tượng đang xuất hiện trong Tâm Hữu Phần vào thời cận tử. Bằng cách này hành giả sẽ tìm ra **ngiệp - tạo - ra - quả**.

Đối với một số hành giả, vào thời cận tử, hai hoặc ba nghiệp có thể xuất hiện trong Tâm Hữu Phần nối tiếp nhau không gián đoạn. Những **ngiệp - tạo - ra - quả**

đang hồi hải tranh giành nhau (đề tạo quả). Cũng như bày bò được nhốt chung với nhau và khi cửa chuồng mở vào buổi sáng những con bò này sẽ tranh giành nhau để tìm lối ra như thế nào, ở đây cũng vậy đối với một số người các nghiệp cũng tranh giành nhau vào thời cận tử. Cũng như con bò khoẻ nhất đứng ở gần cổng chuồng sẽ đi ra trước bằng cách tranh giành và húc vào những con bò khác (đề ra) như thế nào, trong số những nghiệp xuất hiện vào thời cận tử cũng vậy, nghiệp mạnh nhất cuối cùng có thể tạo ra quả. Như vậy, nghiệp sẽ tạo ra quả là đối tượng của Tốc Hành Tâm Cận Tử cuối cùng. Nói khác hơn, do sức mạnh của nghiệp sẽ tạo ra quả, hoặc một trong ba cảnh này: Nghiệp (Kamma), hoặc Nghiệp Tướng (Kamma Nimitta) hoặc Thú Tướng (Gati Nimitta) sẽ là đối tượng của Tốc Hành Cận Tử (Maraṇāsanna Javana). Trong trường hợp nhiều nghiệp đang khởi lên như vậy vào thời cận tử, thời sau khi đã có thể ‘bắt’ lấy đối tượng của Tốc Hành Cận Tử (Maraṇāsanna Javana) người hành thiền phải phân biệt Vô Minh (Avijjā), Ái (Taṇhā), Thủ (Upādāna), Hành (Saṅkhāra) và Nghiệp (Kamma) trong đối tượng đó, như trong phương pháp đã đề cập ở trên.

Trong trường hợp nhiều nghiệp xuất hiện tranh nhau vào thời cận tử, khi một trong những nghiệp ấy trở thành Sanh Nghiệp (Janaka Kamma), nghiệp trực tiếp tạo ra quả (tái sanh), thời những nghiệp khác có thể trở thành Trì Nghiệp (Upatthambhaka Kamma) hỗ trợ cho Sanh Nghiệp đó. Khi cố gắng để phân biệt đối tượng đang xuất hiện trong Tâm Hữu Phần vào thời cận tử ở kiếp quá khứ, người hành thiền có thể đã phân biệt các đối tượng xuất hiện trong Tâm Hữu Phần trước khi Tốc Hành Cận Tử (Maraṇāsanna Javana) khởi lên và do đó bỏ qua đối tượng của Tốc Hành Cận Tử. Nếu người hành thiền phân biệt bỏ qua như vậy họ sẽ chỉ thấy Trì Nghiệp (Upatthambhaka Kamma) trước. Và nếu hành giả này cố gắng để phân biệt xem có bất kỳ tương quan nhân quả nào giữa Trì Nghiệp đó và Sắc Nghiệp Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Kammaja Rūpa - Sắc Do Nghiệp Sanh Vào Lúc Tục Sanh) hay không, thời họ sẽ thấy rằng không có tương quan nhân quả nào giữa chúng. Tuy nhiên, nếu vị ấy thấy Sanh Nghiệp trước và nếu vị ấy, bằng trí tuệ, phân biệt xem có bất kỳ tương quan nhân quả nào giữa nghiệp đó và Sắc Nghiệp Kiết Sanh Thức không thời vị ấy sẽ thấy rằng có sự tương quan nhân quả giữa chúng.

Do đó, trong việc truy tìm nghiệp quá khứ, có thể người hành thiền thấy được Sanh Nghiệp trước; hoặc cũng có thể thấy Trì Nghiệp trước bởi vì vị ấy tình cờ bỏ qua Tốc Hành Cận Tử (Maraṇāsanna Javana). Vì thế, trong việc phân biệt, người hành thiền phải kiểm tra và liên kết tới lui nhiều lần để có thể ‘bắt’ được đối tượng của Tốc Hành Cận Tử (Maraṇāsanna Javana) vốn khởi lên sau cùng hết, tức là gần với Tử Tâm (Cutī Citta) nhất hay ngay trước tâm tử một cách chính xác. Vì Nghiệp Tướng (Nimitta) xuất hiện do sức mạnh của Nghiệp sẽ tạo ra quả, nên trong việc truy tìm Nghiệp, ở đây có thể là Nghiệp, hoặc Nghiệp Tướng hoặc Thú Tướng, thời hành giả phải kiểm tra và liên kết tới lui nhiều lần để có thể phân biệt một cách chính xác.

Sự Thay Đổi Của Nimitta (Tướng)

Những Nghiệp xuất hiện quanh thời cận tử trước khi Tốc Hành Cận Tử (Maraṇāsanna Javana) cuối cùng khởi lên đôi khi có thể thay đổi theo Như Lý Tác Ý (Yoniso Manasikāra), hoặc Phi Như Lý Tác Ý (Ayoniso Manasikāra), v.v... Chẳng hạn như câu chuyện của vị tỳ-kheo là thân phụ của Tôn giả Soṇa, một bậc A-la-hán. Đầu tiên tướng địa ngục xuất hiện trong tâm của vị này, rồi tướng ấy thay đổi khi ông có thể bắt lấy hình ảnh cúng dường bông hoa tại Bảo Tháp làm đối tượng và cuối cùng tướng thiên

giới đã xuất hiện. Trong trường hợp của vị tỳ-kheo này, cần lưu ý rằng Tướng Cận Tử có thể bị thay đổi phù hợp với sự khởi lên của Như Lý Tác Ý (Yoniso Manasikāra) hoặc Phi Như Lý Tác Ý (Ayoniso Manasikāra). Do những thay đổi như vậy trong Nimitta, vấn đề có thể xảy ra là trong Minh Sát Trí của người hành thiền đang thẩm sát và truy tìm các nhân quá khứ, Trì Nghiệp (Upatthambhaka Kamma) có thể xuất hiện trước chứ không phải Sanh Nghiệp (Janaka Kamma). Khi phân biệt kiếp quá khứ và truy tìm các nhân, đôi lúc người hành thiền có thể bỏ qua đối tượng của Tốc Hành Cận Tử (Maraṇāsanna Javana) và vô tình phân biệt các đối tượng trong tiến trình Danh (Nāma) kiếp quá khứ đang khởi lên trước khi Tốc Hành Cận Tử (Maraṇāsanna Javana) sanh. Trong những trường hợp như vậy, sau khi đã thấy Trì Nghiệp trước, Sanh Nghiệp sẽ được thấy sau đó bằng cách kiểm tra.

Hơn nữa, trong giai đoạn trước khi Tốc Hành Cận Tử (Maraṇāsanna Javana) khởi lên có thể có những đối tượng khác phát sanh. Cũng vậy, đối tượng của Tốc Hành Cận Tử có thể xuất hiện sớm hơn, nghĩa là xuất hiện trước khi Tốc Hành Cận Tử xảy ra. Giống như trường hợp của nam cư sĩ Dhammika. Vào thời cận tử của ông ta, Nimitta hay tướng của sáu cỗ xe ngựa từ sáu cõi trời đã xuất hiện. Khi cư sĩ Dhammika này chọn cỗ xe của cõi trời Đâu Suất (Tusita) trong số sáu cỗ xe đó, thời chỉ còn cỗ xe cõi trời Tusita xuất hiện trong sát-na cuối cùng của Tốc Hành Cận Tử mà thôi.

Cách Phân Biệt Các Nhân và Quả

Trong việc phân biệt và truy tìm các nhân quá khứ dựa trên Nimitta xuất hiện vào thời cận tử giống như trên, chúng ta hãy liên hệ lại Nimitta, đối tượng của sự cúng dường thực phẩm tại Bảo Tháp, xuất hiện vào lúc Tốc Hành Cận Tử (Maraṇāsanna Javana) khởi lên như đã nói ở trên. Sau khi đã phân biệt Vô Minh (Avijjā), Ái (Taṇhā), Thủ (Upādāna), Hành (Saṅkhāra) và Nghiệp (Kamma) trong các Tiến Trình Danh Sắc của việc cúng dường thực phẩm, hãy thẩm tra và tìm xem có mối tương quan nhân quả nào giữa nghiệp lực (Kamma Satti) và 30 loại Sắc (Rūpa) của sát-na (Khaṇa) hình thành bào thai giai đoạn thứ nhất không. Phân biệt nhân và quả xen kẽ nhau, cố gắng để thấy xem chúng có tương xứng không. Nếu hành giả thấy rằng có sự tương quan nhân quả giữa các nhân và các quả (cũng như có sự tương quan nhân quả giữa Tâm và Sắc Do Tâm Sanh [Cittaja Rūpa] vậy) thời hành giả nên phân biệt các nhân và các quả như sau:

Do Vô Minh sanh (20), Sắc Nghiệp Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Kammaja Rūpa) sanh.

Vô Minh là nhân; Paṭisandhi Kammaja Rūpa là quả...

Phân biệt các nhân và các quả theo cách này, sau khi đã liên kết mối tương quan nhân quả giữa các nhân và các quả; phân biệt nó bằng trí tuệ. Sự phân biệt này được gọi là Nhân Duyên Phân Biệt Trí (Paccaya Pariggaha Ñāṇa).

Những Điểm Chính Cần Ghi Nhớ Trước

Các nhân quá khứ của Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā = Rūpa Dhamma: Sắc Pháp) là Vô Minh (Avijjā), Ái (Taṇhā), Thủ (Upādāna), Hành (Saṅkhāra) và Nghiệp (Kamma); các nhân hiện tại là Tâm (Citta), Thời Tiết (Utu) và Vật Thực (Āhāra).

Nói cách khác:

1) Các nhân của Sắc Nghiệp - Kammaja Rūpa (vốn là một phần của Sắc Uẩn) là Vô Minh, Ái, Thủ, Hành và Nghiệp. Đây là các nhân quá khứ.

2) Nhân của Sắc Tâm - Cittaja Rūpa là tâm (Citta) vốn sanh khởi dựa vào Sắc Ý Vật (Hadaya Vatthu).

3) Nhân của Sắc Thời Tiết - Utuja Rūpa là thời tiết (Utu) còn gọi Hỏa Đại (Tejo Dhātu) vốn đạt đến giai đoạn trú (Thīti) ở hầu hết mọi Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa).

(Lưu ý: Như đã được đề cập ở giai đoạn Rūpa Kammatthāna (Quán Sắc) thì trong việc tạo ra Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa) do thời tiết (Utu) hay còn gọi Hỏa Đại (Tejo Dhātu) lần lượt trong Tổng Hợp Sắc Do Tâm Sanh (Cittaja Kalāpa), Tổng Hợp Sắc Do Thời Tiết Sanh (Utuja Kalāpa), Tổng Hợp Sắc Do Vật Thực Sanh (Āhāraja Kalāpa), Tổng Hợp Sắc Do Nghiệp Sanh (Kammaja Kalāpa) như Tổng Hợp Nhãn Mười Sắc (Cakkhu Dasaka Kalāpa), thì Hỏa Đại của các Tổng Hợp Sắc vốn được tạo ra như thế ở giai đoạn cuối (giai đoạn diệt) không thể tạo ra sắc do thời tiết sanh nữa. Đó là lý do vì sao ở đoạn trên nói ‘trong hầu hết mọi Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa) thôi. Hãy ghi nhớ rằng đối với sắc do vật thực sanh, đề cập dưới đây, cũng giống như vậy.)

4) Nhân của Sắc Vật Thực - Āhāraja Rūpa, là vật thực (Āhāra) vốn là dưỡng chất do nghiệp sanh (Kammaja Ojā), dưỡng chất do tâm sanh (Cittaja Ojā), dưỡng chất do thời tiết sanh (Utuja Ojā) và dưỡng chất do vật thực sanh (Āhāraja Ojā).

(Lưu ý: tham khảo lại phần nói về bằng cách nào dưỡng chất do đoàn thực sanh (Kabalīkākāhāra Ojā), tức thức ăn được ăn vào, tạo ra sắc (Rūpa) và bằng cách nào mỗi loại dưỡng chất do nghiệp sanh, dưỡng chất do tâm sanh, dưỡng chất do thời tiết sanh lại tạo ra sắc khi chúng có được sự hỗ trợ của dưỡng chất do vật thực sanh đó. Dưỡng chất trong Ojaṭṭhamaka Rūpa (sắc dưỡng chất đệ bát, hay sắc có dưỡng chất là yếu tố thứ tám) tạo ra các thể hệ Ojaṭṭhamaka Rūpa mới khác nếu sau đó nó có được sự hỗ trợ của dưỡng chất do vật thực sanh (Āhāraja Ojā). Do đó dưỡng chất do vật thực sanh được nói đến như một **nhân** của sắc vật thực.

Bốn Danh Uẩn (Nāma Khandhā)

Nhân quá khứ của các Danh Pháp (Nāma Dhamma) này là:

(i) bốn Danh Uẩn Quả (Vipāka Nāma Khandhā) ngoài tiến trình tâm, đó là Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi), Hữu Phần (Bhavaṅga) và Tâm Tử (Cutī)

(ii) bốn Danh Uẩn Quả trong các tiến trình tâm, như Ngũ Song Thức: Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa)... (Pañca Viññāṇa) , Tiếp Thọ Tâm (Sampaticchana), Suy Xét (Suy Đạc) Tâm (Santīraṇa) và Đãng Ký Tâm (Tadālabana), là Vô Minh (Avijjā), Ái (Taṇhā), Thủ (Upādāna), Hành (Saṅkhāra) và Nghiệp (Kamma). Các nhân hiện tại của những Danh Pháp (Nāma Dhamma) là:

1) Vật hay Sắc Vật (Vatthu Rūpa): danh không thể sanh mà không có sắc vật.

2) Đối tượng: danh chỉ có thể sanh khi một đối tượng tương ứng tác động trên một môn (Dvāra) tương ứng. Nói chung chỉ khi có một đối tượng để biết thì cái biết mới có thể khởi sanh.

3) Xúc: Chỉ khi có các pháp tương ưng đi kèm như Xúc (Phassa)... hỗ trợ lẫn nhau bằng sức mạnh (Satti) như đồng sanh (Sahajāta), hỗ tương (aññamañña), y chỉ (Nissaya) thời những Nāma hay Danh này mới có thể khởi lên.

Thêm nữa, vì các danh pháp thiện, bất thiện, duy tác (Kusala - Akusala Kiriya Nāma Dhamma) vốn là Ngũ Môn Hướng (Pañcadvāravajjana), Xác Định Tâm

(Votṭhabbana), Túc Hành Tâm (Javana) và Ý Môn Hướng (Manodvārāvajjana) hiện hữu trong các tiến trình tâm không do các nhân quá khứ tạo ra mà chúng là các danh pháp (Nāma Dhamma) được tạo ra bởi các nhân như Vật (Vatthu) - Đối Tượng - Xúc - Như Lý Tác Ý (Yoniso Manasikāra) - Phi Như Lý Tác Ý (Ayoniso Manasikāra). Như vậy, chúng không có các nhân quá khứ, chúng chỉ có các nhân hiện tại như Vật - Đối Tượng - Xúc... Nếu hành giả có thể hiểu được điều này thì hy vọng rằng hành giả có thể hiểu sự phân biệt sẽ đề cập ở sau.

Bốn Cách Phân Biệt

I. Cách Nhất Cảnh Tánh (Ekatta)

Khi hành giả phân biệt những mối tương quan nhân quả hay duyên khởi (Paṭicca Samuppāda), hành giả phải phân biệt để hiểu bốn cách, đó là cách Nhất Cảnh Tánh (Ekatta), cách Ý Nghĩa Biệt (Nānatta), cách Bất Doanh Vụ (Abyāpāra?) và cách Như Thị Pháp (Evaṃ Dhammatā)

Trong số đó, đối với cách Nhất Cảnh Tánh: Có Danh Sắc (Nāma Rūpa) quá khứ, Danh Sắc hiện tại, Danh Sắc tương lai:

1) Danh và Sắc (Nāma Rūpa) quá khứ tích tạo các nhân quá khứ,

2) Danh Sắc hiện tại là Danh Sắc đang khởi đầu từ Kiết Sanh Thức Thức (Paṭisandhi) kiếp hiện tại cho đến lúc đang hành thiền Minh Sát (Vipassanā) hay đang phân biệt các mối tương quan nhân quả,

3) Nếu có những kiếp sống tương lai, khi một người chưa thể thiền để đạt đến sự chứng đắc cuối cùng (A-la-hán thánh quả), thời sẽ có Danh và Sắc (Nāma Rūpa) tương lai bắt đầu từ thời điểm hiện tại (đó là bắt đầu từ lúc phân biệt những tương quan nhân quả hay Duyên Khởi, cho đến kiếp tương lai cuối cùng có thể phân biệt được).

Hành giả phải phân biệt để thấy rằng Danh và Sắc (Nāma Rūpa) đã sanh, đang sanh và sẽ sanh trong ba giai đoạn quá khứ - hiện tại - tương lai chỉ là một tiến trình tương tục của Danh Sắc trong trình tự thời gian.

Để làm sáng tỏ ý nghĩa trên: Trong việc phân biệt Tâm Hữu Phần của một giai đoạn nào đó trong kiếp quá khứ khi đang tích tạo Thiện Nghiệp (Kusala Kamma) vốn tạo ra kiếp sống con người này và Tâm Hữu Phần của kiếp hiện tại, hành giả phân biệt để hiểu rằng chúng khởi lên trong một tiến trình nối tiếp nhau như tiến trình tương tục (Santati). Hãy phân biệt chính xác xem Tâm Hữu Phần vốn là một phần của tiến trình tương tục Danh Sắc trong khi đang tạo thiện nghiệp trong kiếp quá khứ có phải là Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) của hành giả hay không. Nếu nó thực sự là Tâm Hữu Phần của hành giả thì hành giả sẽ dễ dàng hiểu được sự kiện rằng nó là Tâm Hữu Phần của mình. Vì Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) khởi lên rất thường xuyên trong suốt đời người, cho nên nó được đề cập để cho người ta có thể hiểu một cách dễ dàng vậy thôi. Hãy lưu ý rằng đối với các tiến trình Danh (Nāma) khác cách thức phân biệt cũng tương tự. Các tiến trình tương tục của sắc cũng khởi lên như thế, trong một tiến trình nối tiếp nhau theo thứ tự thời gian.

Ba Hay Bốn Người

Đối với một số hành giả đôi khi có ba hay bốn người cùng làm các thiện nghiệp trong đối tượng (Nimitta) lúc đang tạo thiện nghiệp của mình. Nếu sự tình là vậy, hãy

phân biệt Tứ Đại và phân biệt Danh Sắc của họ, tuần tự từng người một. Kế tiếp phân biệt Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) của mỗi người. Hành giả có thể dễ dàng hiểu được Tâm Hữu Phần đó có phải là của mình hay không. Lý do là, khi hành giả, bằng Tuệ Nhân (Paññā Cakkhu), nhận ra rằng Tâm Hữu Phần của kiếp hiện tại và Tâm Hữu Phần của kiếp quá khứ đang khởi lên trong một tiến trình nối tiếp nhau như một tương tục danh, thời hành giả có thể dễ dàng hiểu được Tâm Hữu Phần quá khứ ấy là của mình. Tuy nhiên, nếu Tâm Hữu Phần quá khứ mà hành giả phân biệt không phải của mình hành giả cũng dễ dàng hiểu được nó không phải là Tâm Hữu Phần của mình. Lý do, tiến trình Danh (Nāma) ấy không nối kết với nhau. Nếu Danh Sắc quá khứ không phải của mình thời tiến trình tương tục Danh Sắc của những người khác ở quá khứ và tiến trình tương tục Danh Sắc của hành giả không khởi trong cùng một tiến trình nối tiếp nhau; hay nói một cách khác là các tiến trình tương tục không nối kết với nhau.

Tiến trình Danh Sắc kiếp quá khứ và tiến trình Danh Sắc kiếp hiện tại của một người đang khởi lên một cách liên tục, do được nối kết giữa (Danh Sắc) trước và (Danh Sắc) sau trong một tiến trình có thứ tự thời gian. Nếu người hành thiền nhận ra được Danh Sắc đang khởi lên nối tiếp nhau trong một tiến trình có thứ tự thời gian như thế thì có thể nói rằng hành giả này đã nhận ra tính cách Nhất Cảnh Tánh (Ekatta). Và hiểu được rằng điều này cũng là vậy trong sự phân biệt các tiến trình tương tục Danh Sắc hiện tại và các tiến trình tương tục Danh Sắc tương lai đang khởi lên nối tiếp nhau trong một tiến trình có thứ tự thời gian, do được nối kết như một tiến trình tương tục (Santati).

Đoạn Kiến (Uccheda) và Thường Kiến (Sassata)

Tuệ, vốn tuệ tri tiến trình tương tục Danh Sắc không gián đoạn, liên kết những mối quan hệ nhân quả giữa các nhân và các quả, như giữa nhân của kiếp quá khứ và quả của kiếp hiện tại; giữa nhân của kiếp hiện tại và quả của kiếp tương lai... này có thể loại trừ Đoạn Kiến (Uccheda) cho rằng: ‘Cuộc đời chỉ nằm giữa cái nôi và quan tài.’ Tuy nhiên, không nhận ra được những mối quan hệ nhân quả giữa nhân và quả như trên mà chỉ thấy một cách sai lầm thời Thường Kiến (Sassata) có thể khởi lên. Thấy sai ở đây có nghĩa rằng người ta chấp theo tà kiến cho rằng những mối quan hệ nhân quả không gián đoạn giữa các nhân và các quả, tiến trình tương tục Danh Sắc không gián đoạn như là một sự khởi lên đơn độc. Vì họ không nhận ra bản chất vô thường, khổ và vô ngã của Danh Sắc nhân lẫn Danh Sắc quả, họ chấp tà kiến cho rằng đó là một tiến trình Danh Sắc thường hằng. Loại tà kiến này gọi là Thường Kiến.

II. Cách Ý Nghĩa Biệt (Nānatta)

Khi một người có thể phân biệt được Vô Minh - Hành - Thức - Danh Sắc - Lục Nhập - Xúc - Thọ - Ái - Thủ - Hữu - Sanh - Già Chết... là những mối quan hệ nhân quả khởi lên trong một tiến trình tương tục theo thứ tự thời gian, chỉ thấy trong đó có những Danh Sắc nhân và Danh Sắc quả:

– Nếu nhận ra chúng một cách rõ ràng như những sát-na (Khaṇa) tâm riêng rẽ và như những Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa) riêng rẽ.

– Và nếu, sau khi bằng trí tuệ phá vỡ được các Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa) và các nhóm Danh (Nāma) vốn hiện hữu trong một sát-na tâm, hãy phân biệt và khu biệt chúng tách bạch ra.

– Như đã đề cập ở trên, các chi phần duyên khởi như Vô Minh (Avijjā), Hành (Saṅkhāra), Thức (Viññāṇa), Danh Sắc (Nāmarūpa), Lục Nhập (Saḷāyatana), Xúc (Phassa), Thọ (Vedanā), Ái (Taṇhā), Thủ (Upādāna), Hữu (Bhava), Sanh (Jāti), Già Chết (Jarāmaraṇa) không thể khởi lên một mình; điều tự nhiên là nó chỉ sanh khởi theo nhóm như Nāma Kalāpa – Rūpa Kalāpa. Và nếu có thể, hãy tuệ tri sự sanh của chi Giới Chân Đế (Paramattha Dhātu) mới, sau khi đã phân biệt chúng đúng như thực, đặc tính nội tại hay tướng tự tánh (Sabhāva Lakkhaṇa) của mỗi Giới Chân Đế (Paramattha Dhātu) hiện hữu trong một Nāma Kalāpa (nhóm hay Tổng Hợp Danh, ở đây là một nhóm Danh Pháp - Nāma Dhamma - sanh khởi trong một sát- na tâm) và đặc tính nội tại của mỗi Giới Chân Đế (Paramattha Dhātu) hiện hữu trong một Rūpa Kalāpa (Tổng Hợp Sắc).

Để biết theo cách Ý Nghĩa Biệt (Nānatta), một người phải phân biệt Giới Chân Đế (Paramattha Dhātu) theo đặc tính (Lakkhaṇa), nhiệm vụ (Rasa), sự thể hiện (Paccupaṭṭhāna) và nhân gần (Padatṭhāna) của chúng một cách thấu đáo, nhờ vậy họ mới có thể tuệ tri được theo cách Nānatta. Nếu một người tuệ tri tốt theo cách Nānatta, họ sẽ tự mình hiểu rõ được sự sanh khởi của Giới Chân Đế (Paramattha Dhātu) mới liên kết giữa các nhân và các quả và như vậy Thường Kiến (tà kiến chấp vào sự thường hằng của Danh Sắc) có thể được loại trừ. Tuy nhiên, nếu một người thấy sai, tức là khi người đó chấp giữ tà kiến cho rằng các nhóm Danh Sắc sanh khởi trong một tiến trình Danh Sắc riêng rẽ là những tiến trình khác nhau, thì họ sẽ chấp Đoạn Kiến (Uccheda Diṭṭhi) cho rằng: ‘Đời này, người này tạo (nghiệp), đời khác người khác thọ (quả)’. (Đoạn Kiến có nghĩa là khi một người chấp vào quan niệm cho rằng họ là những tiến trình riêng biệt, khác nhau, đó là, người làm nghiệp thiện hay bất thiện là một và người cảm thọ các quả thiện hay ác là người khác).

III. Cách Nỗ Lực (Abyāpāra)

Về phía các nhân, không có nỗ lực (Abyāpāra) nghĩ rằng chúng sẽ làm cho các quả sanh. Về phía các quả cũng vậy, không có nỗ lực (Abyāpāra) như: “Các quả chúng ta sẽ sanh nếu các nhân sanh”. Không có nỗ lực trong Vô Minh (Avijjā) như, “Ta sẽ tạo ra các Hành (Saṅkhāra)”. Trong các Hành (Saṅkhāra) cũng vậy, không có nỗ lực như, “Chúng ta sẽ tạo ra Thức (Viññāṇa)”. Như vậy không có nỗ lực trong Vô Minh (Avijjā), Hành (Saṅkhāra)... là cách Abyāpara. Nếu người hành thiền tự mình tuệ tri theo cách Abyāpara này một cách đúng đắn, họ có thể loại trừ được Ngã Kiến (Atta Diṭṭhi) chấp giữ tà kiến cho rằng có bản mệnh ngã (Jiva Atta) là người sáng tạo. Điều này là vì người hành thiền đã tự mình thấy rõ được rằng không có nỗ lực trong các nhân để tạo ra các quả. Không tuệ tri theo cách nỗ lực (Abyāpāra) một cách đúng đắn, mà còn thấy sai chấp lầm, người ta không thể chấp nhận sự kiện rằng mặc dù không có nỗ lực để tạo ra quả song các nhân như Vô Minh (Avijjā) có thể tạo ra các Hành (Saṅkhāra) là một **quy luật cố nhiên** (Sabhāva Niyāma), thời họ sẽ chấp theo tà kiến về sự phi tác nghiệp (Akiriya Diṭṭhi — Vô Hành Tà Kiến) kiến chấp cho rằng ‘mặc dù đã làm, (song) đó không phải đã làm (tác nghiệp)’.

Quy Luật Cố Nhiên (Sabhāva Niyāma)

Nếu nhân, như Vô Minh (Avijjā) có mặt, thời quả, như các Hành (Saṅkhāra) sẽ sanh. Nếu nhân, như Vô Minh (Avijjā) không có mặt, thời quả, như các Hành cũng không có mặt. Nói cách khác, nếu các nhân như Vô Minh (Avijjā), Ái (Taṇhā), Thủ (Upādāna), Hành (Saṅkhāra) và Nghiệp (Kamma) có mặt, thời quả như Thức (Viññāṇa),

Danh Sắc (Nāmarūpa), Lục Nhập (Salāyatana), Xúc (Phassa), Thọ (Vedanā) sanh. Nếu các nhân như Vô Minh (Avijjā), Ái (Taṇhā), Thủ (Upādāna), Hành (Saṅkhāra) và Nghiệp (Kamma) không có mặt, thì các quả như Thức (Viññāṇa), Danh Sắc (Nāmarūpa), Lục Nhập (Salāyatana), Xúc (Phassa), Thọ (Vedanā) không sanh. Đây là sự xuất hiện theo tự nhiên (Sabhāva Niyāma Siddha Hotū Bhāva). Nếu một người không chấp nhận sự hiện hữu của sức mạnh tự nhiên trong các nhân như Vô Minh có thể tạo ra các quả như Hành, thì Phi Tác Nghiệp Kiến hay Vô Hành Kiến (Akiriya Diṭṭhi) vốn bác sự hiện hữu của Nghiệp và Quả của nghiệp sẽ sanh trong người đó.

IV. Cách Như Thị Pháp (Evaṃ Dhammatā)

Như sữa đông chỉ sinh ra từ sữa, tương tự quả sanh do nhân Vô Minh (Avijjā) cũng chỉ là các Hành. Không có quả nào khác sanh. Nói cách khác, các quả sẽ sanh do các nhân Vô Minh (Avijjā), Ái (Taṇhā), Thủ (Upādāna), Hành (Saṅkhāra) và Nghiệp (Kamma) chỉ là Thức Viññāṇa, Danh Sắc (Nāmarūpa), Lục Nhập (Salāyatana), Xúc (Phassa), Thọ (Vedanā) mà thôi. Đây gọi là cách Như Thị Pháp (Evaṃ Dhammatā). Nếu người hành thiền tuệ tri theo cách Như Thị Pháp này một cách đúng đắn, vị ấy sẽ thấy được bằng Tuệ Nhãn sự sanh của quả đúng theo nhân thích hợp, và như vậy vị ấy có thể loại trừ được cả **Vô Nhân Kiến** (Ahetuka Diṭṭhi), vốn chấp vào quan niệm cho rằng không có nhân, lẫn **Vô Hành Kiến** (Akiriya Diṭṭhi), vốn chấp vào quan niệm cho rằng **‘những gì đã làm kể như không làm’** đó là hai tà kiến bác bỏ quả sanh ra từ nhân, hay nói cách khác, bác không có nhân và quả.

Không tuệ tri đúng đắn, mà chỉ thấy một cách sai lầm, do không đồng ý và không chấp nhận rằng sự sanh của quả là theo nhân thích hợp, không chấp nhận rằng nhân thích hợp tạo ra quả thích hợp, người ta sẽ chấp giữ những tà kiến như Vô Nhân Kiến và Quyết Định Thuyết (Niyata Vāda).

Niyata Vāda (Quyết Định Thuyết)

Niyata Vāda (Quyết Định Thuyết # Định Mệnh Thuyết) là niềm tin cho rằng các quả tốt và xấu của các hữu tình chúng sinh trong đời này là cố định. Đây là một niềm tin vốn bác bỏ Nghiệp và Quả của nghiệp. Do đó, chúng ta nên biết rằng sự Tuệ Tri Duyên Khởi (Paṭicca Samuppāda) hay các mối tương quan nhân quả là vũ khí hữu hiệu nhất để loại trừ những tà kiến khác nhau này.

Lưu Ý Quan Trọng

Đối tượng của bốn loại tâm sau là như nhau:

- 1) Đối tượng của Túc Hành Cận Tử (Maraṇāsanna Javana) tức là đối tượng xuất hiện vào lúc sắp chết trong kiếp quá khứ
- 2) Đối tượng của Tâm Tục Sanh (Paṭisandhi Citta) trong kiếp hiện tại
- 3) Đối tượng của Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) trong kiếp hiện tại
- 4) Đối tượng của Tâm Tử (Cuti Citta) sẽ khởi lên trong kiếp hiện tại.

Vì người hành thiền vẫn chưa phân biệt được tương lai, vị ấy phải bằng trí tuệ, phân biệt và kiểm tra một cách chính xác, cẩn thận các đối tượng 1, 2 và 3 trong số bốn loại đối tượng này để thấy xem chúng có giống nhau hay không. Điểm quan trọng khác là tính chất của tâm - tâm sở (Citta - Cetasika) trong Kiết Sanh Thức Tâm (Paṭisandhi Citta) và Tử Tâm (Cuti Citta) phải giống nhau. Hãy kiểm tra một cách chăm chú và chính xác.

Phân biệt đi phân biệt lại nhiều lần. Ở giai đoạn này người hành thiền lẽ ra đã có thể phân biệt được Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) một cách chính xác. Song nếu hành giả vẫn không thể phân biệt được nó, thời nên phân biệt lại các Danh Pháp Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Nāma Dhamma) một cách chính xác. Sau đó phân biệt thêm Citta - Cetasika, tức nhóm Danh Pháp (Nāma Dhamma) đang sanh khởi nối tiếp nhau, sau đó đến sự diệt của nhóm tâm - tâm sở Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Citta - Cetasika), ngay trước sự khởi lên của các Tâm Lộ hay Tiến Trình Tâm (Vīthi Citta). Đây là loại tâm cứ tiếp tục sanh khởi khi các tâm lộ không sanh, nhờ vậy mà tiến trình tâm không bị gián đoạn trong suốt một kiếp sống – cũng là nhân của sự sống (Bhava-Sanh Hữu). Nếu hiểu được điều này, thời tiếp tục phân biệt các Danh Pháp Hữu Phần (Bhavaṅga Nāma Dhamma) đang sanh khởi ở giữa các tiến trình tâm. Hành giả sẽ thành công.

Tập Hợp Vào Năm Uẩn

Trong việc phân biệt các nhân và các quả của những mối quan hệ nhân quả theo phương pháp thứ năm của Duyên Khởi (Paṭicca Samuppāda), hành giả phải phân biệt theo **phương pháp Năm Uẩn**, sau khi đã tập hợp mọi sát-na (Khaṇa) tâm vào Năm Uẩn và sau khi đã nối kết các nhân và các quả với nhau. Kiết Sanh Thức Tâm, Hữu Phần Tâm và Tử Tâm là những tâm ngoài tiến trình (Vīthi Mutta Citta [without vīthi]). Trong những tâm ngoài tiến trình này, hành giả liên kết các nhân và các quả sau khi đã tập hợp vào Năm Uẩn. Trong các tâm thuộc tiến trình cũng vậy, các nhân và các quả phải được phân biệt sau khi đã tập hợp chúng vào Năm Uẩn và sau khi đã liên kết các nhân và các quả trong từng sát-na tâm.

‘Khandhā’ có nghĩa là uẩn.

1) Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā) hiện hữu trong mười một cách này: quá khứ, hiện tại, vị lai, trong, ngoài, thô, tế, hạ liệt, cao thượng, xa, gần, là đối tượng của các pháp lậu hoặc (Asava Dhamma) và khi bị ái và kiến (Taṇhā - Diṭṭhi) chấp thủ như ‘tôi và của tôi’ thì gọi là Sắc Thủ Uẩn (Rūpupādānakkhandhā).

2) Thọ Uẩn hiện hữu trong mười một cách này: quá khứ, hiện tại, vị lai, trong, ngoài, thô, tế, hạ liệt, cao thượng, xa, gần là đối tượng của các pháp lậu hoặc (Asava Dhamma) và khi bị ái và kiến (Taṇhā - Diṭṭhi) chấp thủ như ‘tôi và của tôi’ thì gọi là Thọ Thủ Uẩn (Vedanupādānakkhandhā).

3) Tưởng Uẩn, theo cách tương tự như trên, được gọi là Tưởng Thủ Uẩn (Saññupādānakkhandhā).

4) Hành Uẩn, cũng vậy, được gọi là Hành Thủ Uẩn (Saṅkhārupādānakkhandhā).

5) Thức Uẩn, cũng vậy, được gọi là Thức Thủ Uẩn (Viññānupādānakkhandhā).

(Tham khảo thêm Kinh Uẩn trong Tương Ưng Kinh (Saṃyutta Nikāya) Phẩm Uẩn)

Sau khi đã tập hợp từng sát-na tâm khởi lên trong bất kỳ cách nào thuộc mười một cách này cùng với Sắc Vật (Vatthu Rūpa) và Sắc Đối Tượng thì như vậy Năm Uẩn có thể được liệt kê. Trong mỗi sát-na (Khaṇa) tâm có:

1) Sắc Vật (Vatthu) và Sắc Đối Tượng là Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā)

2) Thọ là Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā)

3) Tưởng là Tưởng Uẩn (Saññākkhandhā)

4) Trừ Thọ - Tưởng - Thức ra, tất cả các tâm sở còn lại trong một sát-na tâm là Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā);

5) Thức là Thức Uẩn (Viññāṇakkhandhā).

Nếu hiểu được sự định nghĩa trên hành giả cũng sẽ hiểu được sự phân loại Năm Uẩn cho mỗi sát-na tâm sẽ được đề cập thêm ở đây: Vì mỗi trong Năm Uẩn này có nhân tương ứng của nó, hãy phân biệt các nhân và các quả tương ứng sau khi đã liên kết những mối quan hệ nhân quả giữa các nhân và các quả tương xứng.

Paṭisandhi Pañcakkhandhā

(Năm Uẩn vào thời tục sinh, ở đây là lúc hình thành bào thai giai đoạn thứ nhất)

Vào sát-na tục sinh (Paṭisandhi), ở giai đoạn thứ nhất của sự hình thành bào thai có:

1) Ba mươi loại sắc hay ba loại Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa), đó là Hadaya Dasaka Kalāpa (đoàn tâm hay tổng hợp mười sắc thuộc trái tim), Kāya Dasaka Kalāpa (đoàn thân hay tổng hợp mười sắc thuộc thân), Bhāva Dasaka Kalāpa (đoàn tánh - nam hay nữ - hay tổng hợp mười sắc thuộc tánh) gọi chung là Sắc Uẩn.

2) Thọ trong ba mươi bốn danh pháp (Nāma Dhamma) của Kiết Sanh Thức Thức (Paṭisandhi) là Thọ Uẩn.

3) Tưởng trong ba mươi bốn Danh Pháp của Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi) là Tưởng Uẩn.

4)- (cách thứ nhất) Tư (cetanā) trong ba mươi bốn Danh Pháp của Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi) là Hành Uẩn.

- (cách thứ hai) ngoại trừ Thọ, Tưởng, Thức trong ba mươi bốn Danh Pháp của Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi) ra, ba mươi một danh pháp còn lại là Hành Uẩn.

5) Thức (Viññāṇa) trong ba mươi bốn Danh Pháp (Nāma Dhamma) của Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi) là Thức Uẩn.

(Năm Uẩn này là đối với người Tam Nhân (Tihetuka) mà Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi) của họ được đi kèm với Thọ Hỷ (Somanassa Vedanā). Nếu một người Tam Nhân mà Kiết Sanh Thức đi kèm với Thọ Xả (Upekkhā Vedanā), thời do không có Thọ Hỷ, nên chỉ có ba mươi ba Danh Pháp (Nāma Dhamma). Nếu một người là người Nhị Nhân (Dvihetuka), thời có thể có ba mươi ba hay ba mươi hai Danh Pháp (Nāma Dhamma).

Còn về việc trình bày hai cách phân biệt trong Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandha): Khi dạy Hành Uẩn theo Pháp Môn Kinh (Suttanta), Đức Phật chủ yếu dạy chỉ **Tư Tâm Sở** (Cetanā) như trong Uẩn Phân Tích (Khandhā Vibhaṅga) của Pāli. Do đó mà trong cách thứ nhất, **Cetanā** được trình bày như **Saṅkhārakkhandhā** (Hành Uẩn). Như vậy, nếu chỉ Cetanā được xem là Hành Uẩn, các tâm sở còn lại khác sẽ bị loại khỏi Năm Uẩn sao? Thêm nữa, người ta có thể hỏi: “Cũng không có các nhân tương ứng cho các tâm sở khác còn lại sao?”. Chính vì thế, cách thứ hai về sự tạo thành Hành Uẩn được trình bày vì những lí do sau: (1) để cho người ta có thể nhận ra rằng các tâm sở còn lại cũng có những nhân tương ứng của chúng và (2) để cho không một Giới Chân Đế (Paramattha Dhātu) nào bị bỏ ra. Điều này cũng tương tự như vậy trong mọi trường hợp của Hành Uẩn.

Phân Biệt Những Mối Tương Quan Nhân Quả Giữa Các Nhân và Các Quả

Trước tiên người hành thiền phải phân biệt để hiểu ra rằng, trong số năm nhân quá khứ được ‘tìm thấy’ (phân biệt), sự sanh khởi của Nghiệp Luân (Kamma Vaṭṭa), vốn là Hành Nghiệp (Saṅkhāra Kamma), là do Phiền Não Luân (Kilesa Vaṭṭa) tức Vô Minh (Avijjā), Ái (Taṇhā), Thủ (Upādāna). Kế tiếp hành giả liên kết những mối quan hệ nhân quả và phân biệt để nhận ra rằng sự sanh khởi của Sắc Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Rūpakkhanda), một phần của Quả Luân (Vipāka Vaṭṭa) là do Nghiệp Lực (Kamma Satti) một phần của Nghiệp Luân (Kamma Vaṭṭa) là Hành Nghiệp (Saṅkhāra Kamma). Khi người hành thiền bằng trí tuệ thấy nhân (ở đây là Kamma) và quả, tức Sắc Nghiệp Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Kammaja Rūpa), hay nói cách khác, trong việc thấy **nhân**, đó là thấy Hành Nghiệp được vây quanh bởi Vô Minh (Avijjā), Ái (Taṇhā), Thủ (Upādāna) và **quả** (Sắc Nghiệp Kiết Sanh Thức [Paṭisandhi Kammaja Rūpa]), là thấy sự khởi sanh của các quả tùy thuộc vào các nhân, hành giả hãy phân biệt nhân và quả như sau:

Paṭisandhi Rūpakkhanda (Sắc Uẩn Kiết Sanh Thức)

1) Do sự sanh khởi của Vô Minh (20), Sắc Nghiệp Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Kammaja Rūpa) sanh.

Ở đây Vô Minh (20 Danh Pháp) là nhân, Sắc Nghiệp Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Kammaja Rūpa) là quả.

2) Do sự sanh khởi của Ái (Taṇhā) (20), Sắc Nghiệp Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Kammaja Rūpa) sanh.

Ở đây, Taṇhā (20) là nhân, Sắc Nghiệp Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Kammaja Rūpa) là quả.

3) Do sự sanh khởi của Thủ (Upādāna) (20), Sắc Nghiệp Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Kammaja Rūpa) sanh.

Ở đây Thủ (20) là nhân, Sắc Nghiệp Kiết Sanh Thức là quả.

4) Do sự sanh khởi của Hành (Saṅkhāra) (34), Sắc Nghiệp Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Kammaja Rūpa) sanh.

Ở đây Hành (34) là nhân, Sắc Nghiệp Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Kammaja Rūpa) là quả.

5) Do sự sanh khởi của Nghiệp Lực (Kamma Satti) = Hành (Saṅkhāra) (34), Sắc Nghiệp Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Kammaja Rūpa) sanh.

Ở đây Nghiệp Lực = Hành (34) là nhân, Sắc Nghiệp Kiết Sanh Thức là quả.

Lưu ý: Con số ‘20’ trong Vô Minh, Ái, Thủ muốn nói đến nhóm Danh Pháp (Nāma Dhamma) Tham - Tà Kiến (Lobha - Diṭṭhi) trong mỗi Tốc Hành Tâm Tham (Lobha Javana) ở Tâm Lộ Ý Môn (Manodvārika Javana Vīthi) thuộc Phiền Não Luân (Kilesa Vaṭṭa). Con số ‘34’ trong Hành Nghiệp (Saṅkhāra Kamma) nói đến nhóm Danh Pháp Tín - Tuệ (Saddhā - Paññā) trong mỗi Tốc Hành Tâm Đại Thiện (Mahā Kusala Javana) ở Tâm Lộ Ý Môn (Manodvārika Javana Vīthi) thuộc Nghiệp Luân (Kamma Vaṭṭa). Nếu người hành thiền đã tích tạo nghiệp đi kèm với Thọ Xả (Upekkhā Vedanā), thời do Hỷ (Pīti) không bao gồm trong Hành Nghiệp (Saṅkhāra Kamma), vì đã kèm với Thọ Xả (Upekkhā Vedanā), nên chỉ có ba mươi ba Danh Pháp (Nāma Dhamma). Với những người có thể phân biệt được Danh Sắc, nhân quả tới mức này thì hầu hết đều là những người Tam Nhân (Tihetuka), nên chỉ có ví dụ về người Tam Nhân được đề cập ở

đây. Đối với những người Nhị Nhân (Dvihetuka), cần hiểu rằng có thể có ba mươi ba hay ba mươi hai... Danh Pháp. Vì Sắc Tâm (Cittaja Rūpa), Sắc Thời Tiết (Utuja Rūpa) và Sắc Vật Thực (Ahāraja Rūpa) vẫn chưa sanh ở sát-na sanh (Uppāda) của Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi), nên chỉ những mối tương quan nhân quả với Sắc Nghiệp được trình bày ở đây mà thôi.

Tương tự, trong Danh Uẩn (Nāma Khandhā) như Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā) chẳng hạn, được phân biệt trước để thấy rằng ‘do sự sanh khởi rõ ràng hay sự hiện hữu rõ ràng của nhân mà quả sanh’. Chỉ khi hành giả tự mình tuệ tri được nó với Tuệ Nhãn Chánh Kiến (sammādiṭṭhi paññā ‘eye’), thời sự phân biệt các nhân và các quả mới diễn ra như sau:

Paṭisandhi Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức)

Năm nhân quá khứ:

1) Do Vô Minh (Avijjā) sanh (20), Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā) sanh.

Vô Minh (20) là nhân, Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā) là quả.

2) Do Ái sanh (=20), Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā) sanh.

Ái (20) là nhân, Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā) là quả.

3) Do Thủ (Upādānasanh) (20), Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā) sanh.

Thủ (20) là nhân, Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā) là quả.

4) Do Hành (Saṅkhāra) (34) sanh, Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā) sanh.

Hành (34) là nhân, Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā) là quả.

5) Do Nghiệp Lực (Saṅkhāra) (34) sanh, Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā) sanh.

Nghiệp Lực (Saṅkhāra) (34) là nhân, Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā) là quả.

Ba nhân hiện tại:

1. Do Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (30) sanh, Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā) sanh.

Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (30) là nhân, Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā) là quả.

2. Do Đối Tượng (= ———) sanh, Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā) sanh.

Đối tượng (= ———) là nhân, Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā) là quả.

3. Do Xúc (Phassa) sanh (34 – vedanā = 33), Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā) sanh .

Phassa (34 – vedanā = 33) là nhân. Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā) là quả.

Cứ phân biệt nhân và quả theo cách này. Từ đây, để ngắn gọn lại, chỉ những câu như "Vô Minh (20) là nhân, Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā) là quả" được đề cập, còn những câu như "Do Vô Minh sanh (20), Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā) sanh" sẽ được lược bỏ đi. Tuy nhiên, khi phân biệt các nhân và các quả trong lúc hành thiền, hành giả hãy phân biệt đầy đủ như trên. Để quý vị có thể theo dõi được cách viết này, chúng tôi sẽ viết lại sự phân biệt Thọ Uẩn dưới đây theo lối trình bày ngắn gọn.

Paṭisandhi Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức)

Năm nhân quá khứ:

1) Vô Minh (20) là nhân, Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā) là quả.

2) Ái (20) là nhân, Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā) là quả.

3) Thủ (20) là nhân, Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā) là quả.

4) Hành (34) là nhân, Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā) là quả.

5) Nghiệp Lực = Saṅkhāra (34) là nhân, Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā) là quả.

Ba nhân hiện tại:

1. Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (30) là nhân, Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā) là quả.

2. Đối tượng (= —) là nhân, Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā) là quả.

3. Xúc (34 – Vedanā = 33) là nhân, Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā) là quả.

Giải Thích

1) Vatthu: Trong cõi Ngũ Uẩn (Pañcavokāra) ở đây năm uẩn hiện hữu, Danh Pháp (Nāma Dhamma) chỉ có thể sanh nếu có Sắc Vật (Vatthu Rūpa). Không có Sắc Vật, danh pháp không sanh. Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā) là một phần của Danh Pháp Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Nāma Dhamma) chỉ sanh được do nương vào Sắc Ý Vật (Hadaya Vatthu Rūpa), một loại sắc đồng sanh với nó vào sát-na tục sanh. Không dựa vào nó Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức không thể sanh. Thêm nữa, Sắc Ý Vật cũng không thể sanh một mình; nó chỉ có thể sanh trong nhóm gọi là Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa). Đặc biệt nó chỉ có thể sanh khi có được chỗ dựa trên bốn Đại Chung (Tứ Đại) của cùng Kalāpa vốn hỗ trợ nó bằng lực hay sức mạnh (Satti) như pháp đồng sanh (Sahajāta); nó không thể sanh mà không có được chỗ dựa trên đó. Lại nữa, Hadaya Dasaka Kalāpa (đoàn tâm hay tổng hợp mười sắc thuộc trái tim) chỉ có thể sanh cùng một

lần với Kāya Dasaka Kalāpa (đoàn thân hay tổng hợp mười sắc thuộc thân) và Bhāva Dasaka Kalāpa (đoàn tánh hay tổng hợp mười sắc thuộc tánh).

Do đó, theo Pháp Môn Kinh đã đề cập ở trên — Vatthu nāma karajakāyo... so atthato bhūtāni ceva upādārūpāni ca — Vật (Vatthu) là Nghiệp Sanh Thân (Karaja Kāya). Những Nghiệp Sanh Thân ấy là Sắc Đại Chung (Bhūta Rūpa) và Sắc Y Đại Sanh (Upādā Rūpa) trong Sắc Chơn Đế (Thực Tại Tối Hậu). Chú Giải thì nói như vậy, sau khi đã phá vỡ khối tưởng về sắc và đạt đến tuệ thấy rõ Sắc Chơn Đế, lấy Sắc Đại Chung và Sắc Y Đại Sanh kể như Sắc Vật (Vatthu Rūpa). Như vậy, theo Vi Diệu Pháp (Abhidhamma), chỉ Sắc Ý Vật (Hadaya Vatthu Rūpa) được xem như Sắc Vật (Vatthu Rūpa) của Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā). Còn theo Pháp Môn Kinh, Sắc Ý Vật cùng với ba mươi loại sắc (đoàn tâm, đoàn thân và đoàn tánh) được xem như Sắc Vật (Vatthu Rūpa) và Pháp Môn Kinh là pháp môn hành giả đang hành theo. Để phá vỡ nguyên khối tưởng và để đạt đến tuệ về Thực Tại Tối Hậu, trước hết 30 loại sắc phải được phân biệt. Do đó, hãy lưu ý rằng theo Pháp Môn Kinh, Hadaya Vatthu (Ý Vật) cùng với ba mươi loại sắc được gọi là Vatthu Rūpa. Sau khi đã tự mình tuệ tri với Chánh Kiến Tuệ Nhãn (Sammādiṭṭhi Paññā ‘Eye’) rằng Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā) chỉ có thể sanh khởi khi nó được dựa trên Sắc Vật đó, hãy phân biệt các nhân và các quả. Lưu ý rằng nó là như nhau trong mọi trường hợp dành cho Vatthu. Phân biệt nó theo những giải thích dưới đây:

1) Do sự sanh khởi của Vật (Vatthu) = Hadaya Vatthu (30), Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā) sanh.

Vatthu = Hadaya Vatthu (30) là nhân, Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā) là quả.

2) Đối Tượng: Như đã được nói ở trên, đối tượng của Danh Kiết Sanh Thức (Nāma Paṭisandhi) là đối tượng của Tốc Hành Cận Tử (Maraṇāsanna Javana) trong kiếp quá khứ. Thọ (Vedanā) kinh nghiệm những cảm giác của đối tượng ấy. Bằng trí tuệ hãy phân biệt để hiểu rằng nếu không có đối tượng để kinh nghiệm thì Thọ (Vedanā) không thể sanh. Đối tượng của việc cúng dường thực phẩm tại bảo tháp đã đề cập ở trước là một ví dụ. Giữa những người hành thiền với nhau, hầu như nghiệp mỗi người mỗi khác, không ai giống ai. Đối với một số người, nghiệp bố thí (Dāna Kamma) của họ tạo ra quả; trong khi một số người khác nghiệp giữ giới (Sīla Kamma) của họ tạo ra quả và số khác nghiệp tu thiền (Bhāvanā Kamma) của họ tạo ra quả. Thêm nữa, trong nghiệp bố thí cũng có nhiều loại khác nhau như nghiệp bố thí trong việc để bát cúng dường, nghiệp bố thí trong việc cúng dường y phục... Còn về nghiệp giữ giới cũng thế, có nhiều loại khác nhau như nghiệp giữ ngũ giới, nghiệp giữ bát giới, nghiệp giữ mười giới... Đối với nghiệp tu thiền, cũng có nghiệp tu thiền kasiṇa (Kasiṇa Bhāvanā Kamma), nghiệp tu thiền bất tịnh (Asubha Bhāvanā Kamma), nghiệp tu thiền hơi thở (ānāpāna bhāvanā kamma), nghiệp tu thiền tâm từ (Mettā Bhāvanā Kamma), nghiệp tu thiền Minh Sát (Vipassanā Bhāvanā Kamma)... Vì có nhiều loại nghiệp khác nhau như vậy, nên các đối tượng cũng có nhiều loại khác nhau. Sau khi đã phân biệt bằng trí tuệ để thấy rằng Thọ chỉ sanh khi có một đối tượng để kinh nghiệm, hãy phân biệt thêm nhân và quả như sau:

Do đối tượng (= —) sanh, Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā) sanh.

Đối tượng (= —) là nhân, Thọ Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Vedanākkhandhā) là quả.

3) Xúc (Phassa): Trong những lời Đức Phật dạy như: “Phassa samudayā vedanā samudayo (Do Xúc sanh, Thọ sanh)”, Xúc trong trường hợp này gần như có ưu thế hơn cả (các Danh Pháp khác). Tuy nhiên, trong Paṭṭhāna (Bộ Vị Trí) thì dạy như sau:

Cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ saḥajātapaccayena paccayo

Cattāro khandhā arūpino aññamaññaṃ nissayapaccayena paccayo

Có nghĩa là: Bốn Danh Uẩn (Nāma Khandhā) hỗ trợ lẫn nhau bằng Đồng Sanh Duyên Lực (Sahajātapaccaya Satti - sức mạnh của sự đồng sanh) và Y Chỉ Duyên Lực (Nissayapaccaya Satti - sức mạnh của sự nương tựa lẫn nhau).

Như vậy, trong lời dạy này, các Danh Pháp (Nāma Dhamma) nương tựa lẫn nhau, hỗ trợ lẫn nhau; cũng giống như câu thành ngữ Miến Điện: “Đảo dựa vào đất mà hiện hữu, đất dựa vào đảo mà tồn tại” (the island exist dependent upon land, the land exist dependent upon island).

Trong khi đang ăn một loại đồ ăn nào đó, nếu quý vị càng nhai nhiều thì tinh chất càng sanh ra nhiều và vị của nó càng trở nên đậm đà hơn. Tương tự, nếu Xúc (Phassa) trong các Danh Pháp (Nāma Dhamma) đồng sanh trong một sát-na tâm và Xúc trong các danh pháp của các sát-na tâm khác tác động trên đối tượng một cách hoàn toàn, nghĩa là, nếu Xúc nối kết tâm với đối tượng, thời Thọ (Vedanā) vốn là tinh chất của đối tượng sẽ được hoàn toàn hơn. Đó là lý do vì sao kinh dạy rằng Thọ sanh do Xúc theo cách chiếm ưu thế. Tuy nhiên, Xúc không thể tự sanh một cách độc lập. Chỉ khi có các pháp tương ưng tâm và tâm sở (Citta Cetasika Sampayutta Dhamma) hỗ trợ, nó mới có thể sanh cùng với các pháp tương ưng tâm và tâm sở (Citta Cetasika Sampayutta Dhamma) này. Do đó, như thành ngữ nói “**bứt dây động rừng**” (khi kéo một cọng dây leo, thì cả mớ bông bong dây leo kia sẽ đi theo), hãy lưu ý rằng nếu Xúc được đề cập thì các pháp tương ưng đi kèm cũng đã được bao gồm.

Những điểm chính yếu cần lưu ý là giữa nhóm Danh Pháp tương ưng đi kèm cùng hiện hữu trong một sát-na (khaṇa) tâm, nếu một Danh Pháp (Nāma Dhamma) được xem như quả, thời các Danh Pháp còn lại sẽ là các nhân. Nếu hai hay ba Danh Pháp được xem như quả thời các Danh Pháp còn lại sẽ là các nhân. Đây là một điểm quan trọng cần lưu ý. Đối với các Danh Uẩn còn lại cũng thế, cần phải hiểu dựa trên phương pháp phân biệt Thọ Uẩn này. Phân biệt để thấy bằng trí tuệ rằng Danh Pháp hỗ trợ lẫn nhau như Xúc hỗ trợ cho Thọ; nói cách khác, Tướng Uẩn, Hành Uẩn và Thức Uẩn hỗ trợ Thọ Uẩn bằng Đồng Sanh Duyên Lực (Sahajātapaccaya Satti), Hỗ Tương Duyên Lực (Aññamañña Paccaya Satti) và Y Chỉ Duyên Lực (Nissayapaccaya Satti), cứ như thế pháp này nương tựa pháp khác, hay (có thể nói) đó là những mối quan hệ nhân quả giữa pháp này với pháp khác. Chỉ sau khi đã nhận ra nó bằng trí tuệ, hành giả mới phân biệt nhân và quả như sau:

Do Xúc (34 - thọ = 33) sanh, Thọ Uẩn sanh.

Xúc (34 - thọ = 33) là nhân, Thọ Uẩn là quả.

Saññākkhandhā Paṭisandhi (Tướng Uẩn Kiết Sanh Thức)

Năm nhân quá khứ:

1) Vô Minh (20) là nhân, Tướng Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Saññākkhandhā) là quả.

2) Ái (20) là nhân, Tướng Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Saññākkhandhā) là quả.

3) Thủ (20) là nhân, Tướng Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Saññākkhandhā) là quả.

4) Hành (34) là nhân, Tướng Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Saññākkhandhā) là quả.

5) Nghiệp Lực (Kamma Satti) (34) là nhân, Tướng Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Saññākkhandhā) là quả

Ba nhân hiện tại:

1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (30) là nhân, Tướng Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Saññākkhandhā) là quả.

2) Đối tượng (= ———) là nhân, Tướng Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Saññākkhandhā) là quả. (Xem lại giải thích ở trên)

3) Xúc (Phassa) (34 - saññā = 33) là nhân, Tướng Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Saññākkhandhā) là quả.

Paṭisandhi Saṅkhārakkhandhā (Hành Uẩn Kiết Sanh Thức)

- Cách thứ nhất: Hành được xem như Tư (Cetanā)

Năm nhân quá khứ:

1) Vô Minh (20) là nhân, Hành Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Saṅkhārakkhandhā) là quả.

2) Ái (20) là nhân, Hành Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Saṅkhārakkhandhā) là quả.

3) Thủ (20) là nhân, Hành Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Saṅkhārakkhandhā) là quả.

4) Hành (34) là nhân, Hành Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Saṅkhārakkhandhā) là quả.

5) Nghiệp Lực = Hành (34) là nhân, Hành Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Saṅkhārakkhandhā) là quả.

Ba nhân hiện tại:

1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (30) là nhân, Hành Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Saṅkhārakkhandhā) là quả.

2) Đối tượng (= ———) là nhân, Hành Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Saṅkhārakkhandhā) là quả.

3) Xúc (Phassa) (34 - cetanā = 33) là nhân, Hành Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Saṅkhārakkhandhā) là quả.

(Trong cách thứ nhất này, chỉ có Tư (Cetanā), tâm sở nổi bật trong nhóm được xem là Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandha). Để không một Giới Chân Đế (Paramattha Dhātu) nào bị bỏ ra, một cách phân biệt khác sẽ được trình bày.

- Cách thứ hai: Hành được xem như 31 cetanā

Năm nhân quá khứ:

1) Vô Minh (20) là nhân, Hành Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Saṅkhāra-kkhandhā) là quả.

2) Ái (20) là nhân, Hành Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Saṅkhāra-kkhandhā) là quả.

3) Thủ (20) là nhân, Hành Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Saṅkhāra-kkhandhā) là quả.

4) Hành (34) là nhân, Hành Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Saṅkhāra-kkhandhā) là quả.

5) Nghiệp Lực = Hành (34) là nhân, Hành Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Saṅkhāra-kkhandhā) là quả.

Ba nhân hiện tại:

1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (30) là nhân, Hành Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Saṅkhāra-kkhandhā) là quả.

2) Đối tượng (= ———) là nhân, Hành Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Saṅkhāra-kkhandhā) là quả.

3) Ba Danh Uẩn (Nāma Khandhā) còn lại là nhân, Hành Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Saṅkhāra-kkhandhā) là quả.

Lưu ý: Trong việc khấu trừ Thọ, Tưởng và Thức khỏi ba mươi bốn Danh Pháp Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi 34 Nāma Dhamma), chỉ còn có ba mươi một tâm sở (Cetasika) trong đó Xúc (Phassa) và Tư (Cetanā) là nổi bật. Trong cách thứ hai này, ba mươi một tâm sở ấy được gọi là Hành Uẩn (Saṅkhāra-kkhandha) và là các quả. Nếu hành giả tìm các nhân hiện tại của Hành Uẩn nơi đây Xúc và Tư nổi bật, thì chính ba Danh Uẩn còn lại - Thọ Uẩn, Tưởng Uẩn, Thức Uẩn - là các nhân gần (Sesakkhandhattayapadaṭṭhānā) vậy. Vì người ta có thể hỏi: ‘Nếu Xúc là nhân của Danh Uẩn (Nāma Khandhā), như vậy chẳng có nhân nào cho Xúc đó hay cho các Tâm Sở còn lại gọi là Hành Uẩn (Saṅkhāra-kkhandhā) sao?’. Bởi thế, trong cách thứ hai này việc phân biệt các nhân và quả đã được phân biệt. Lưu ý rằng đối với các trường hợp khác phương pháp phân biệt là như nhau.

Paṭisandhi Viññāṇa-kkhandhā (Thức Uẩn Kiết Sanh Thức)

Năm nhân quá khứ:

1) Vô Minh (20) là nhân, Thức Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Viññāṇa-kkhandhā) là quả.

2) Ái (20) là nhân, Thức Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Viññāṇa-kkhandhā) là quả.

3) Thủ (20) là nhân, Thức Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Viññāṇa-kkhandhā) là quả.

4) Hành (34) là nhân, Thức Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Viññāṇa-kkhandhā) là quả.

5) Nghiệp Lực = Hành (34) là nhân, Thức Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Viññāṇa-kkhandhā) là quả.

Ba nhân hiện tại:

1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (30) là nhân, Thức Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Viññāṇa-kkhandhā) là quả.

2) Đối Tượng (= ———) là nhân, Thức Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Viññāṇa-kkhandhā) là quả.

3) Nāma - Rūpa là nhân, Thức Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Viññāṇakkhandhā) là quả.

‘Nāma’ = 33 tâm sở đi kèm;

‘Rūpa’ = Sắc Vật (3 = 30) + Sắc Đối Tượng

Lưu ý: ‘Nāma’ ở đây là nhóm tâm sở cùng sanh với Thức (Viññāṇa) trong một sát-na tâm. Trong Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi) nó muốn nói tới ba mươi ba tâm sở sanh cùng với Thức Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Viññāṇakkhandhā). Nếu Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi) của hành giả đi kèm với Thọ Xả (Upekkhā Vedanā), thời do Hỷ (Pīti) không thể đi kèm, nên chỉ có ba mươi hai tâm sở trong Danh. Sắc (Rūpa) muốn nói tới Sắc Vật và Sắc Đối tượng. Còn về đối tượng của Tâm Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Citta), nó có thể là một trong ba đối tượng này: Kamma (Nghiệp) hay Kamma Nimitta (Nghiệp Tướng) hay Gati Nimitta (Thú Tướng). Nếu đó là một Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa), thì Cảnh Sắc là Sắc Đối Tượng. Nếu đó là một Cảnh Thanh (Saddārammaṇa) thì Cảnh Thanh là Sắc Đối Tượng. Về đối tượng cần phải hiểu theo cách như vậy. Trong Tương Ưng Kinh (Saṃyutta Nikāya) Đức Phật có dạy: ‘Nāmarūpasamudayā viññāṇasamudayo (Do Danh và Sắc sanh, Thức sanh)’ và cũng trong bộ kinh này: ‘Viññāṇapaccayā nāmarūpaṃ (Do sự sanh khởi của Thức, Danh và Sắc sanh khởi)’. Do đó, hãy lưu ý rằng Thức và Danh Sắc tương hỗ lẫn nhau. Trong trường hợp này, bằng trí tuệ người hành thiền phải phân biệt nhân và quả sau khi đã phân biệt các mối quan hệ nhân quả trong Danh Sắc (Nāmarūpa) tạo ra Viññāṇa, cũng là sự sanh khởi của Thức Uẩn (Viññāṇakkhandhā). Ở đây, mặc dù các nhân, ‘Vatthu’+ ‘Đối Tượng’ + ‘Xúc’ và các nhân ‘Nāma Rūpa’ có khác về chữ (dị tự), song về bản chất của Thực Tại Tối Hậu hay Giới Chân Đế (Paramattha Dhātu) chúng là như nhau. Hành giả phân biệt nó như sau:

Do Nāma Rūpa sanh, Thức Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Viññāṇakkhandhā) sanh.

Nāma Rūpa là nhân, Thức Uẩn Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Viññāṇakkhandhā) là quả.

Kế tiếp theo đó đến Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi), sau khi Hữu Phần (Bhavaṅga) đã sanh lên mười lăm hay mười sáu lần, các Tiến Trình Tâm (Vīthi Citta) vốn là: Ý Môn Hướng (Manodvārāvajjana [1 lần]) - Tốc Hành Tâm Tham (Bhāva Nikantika Lobha Javana [7 lần]). Tốc Hành Tâm Tham mong muốn được hiện hữu là sự dính mắc vào trạng thái hiện hữu hay tái sanh mới bắt đầu khởi lên. Vào sát-na Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga), chẳng hạn như ở sát-na Tâm Hữu Phần thứ nhất, Sắc Tâm (Cittaja Rūpa - Sắc Do Tâm Sanh) và Sắc Thời Tiết (Uttuja Rūpa - Sắc Do Thời Tiết hay Nhiệt Sanh) đã sanh khởi. Kinh Điển Pāḷi nói rằng Sắc Thời Tiết bắt đầu sanh ở sát-na trú của Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi). Sắc Vật Thực (Āhāraja Rūpa) bắt đầu sanh khi thức ăn do người mẹ ăn vào truyền đến bào thai. Do đó, nếu người hành thiền muốn phân biệt Năm Uẩn Hữu Phần (Bhavaṅga Pañcakkhandhā) tiếp theo Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi), thời sau khi đã liên kết các mối tương quan nhân quả, hãy thêm vào và phân biệt hai nhân và quả hiện tại trong Sắc Uẩn (Rūpakhandhā) sau:

1) Do sự sanh khởi của Tâm (Citta), Sắc Do Tâm Sanh (Cittaja Rūpa) sanh.

Tâm là nhân, Sắc Do Tâm Sanh là quả.

2) Do sự sanh khởi của Thời tiết (Utu), Sắc Do Thời Tiết Sanh (Utujā Rūpa) sanh.

Thời tiết là nhân, Sắc Do Thời Tiết Sanh là quả.

Việc phân biệt bốn Danh Uẩn (Nāma Khandhā) là như nhau đối với bốn Danh Uẩn trong thời tục sinh hay Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi). Sự phân biệt các mối tương quan nhân quả trong Năm Uẩn thuộc Ý Môn Hướng (Manodvārāvajjana Pañcakkhandhā) và Năm Uẩn thuộc Tốc Hành Tâm (Javana Pañcakkhandhā) vốn sanh sau khi Hữu Phần đã sanh mười lăm hay mười sáu lần nối tiếp theo Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi) sẽ được giải thích thêm như sau:

Manodvārāvajjana Pañcakkhandhā (Năm Uẩn Thuộc Ý Môn Hướng)

1) Năm loại Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa), tức bốn mươi sáu loại sắc hay Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā). Đó là: Ba loại Tổng Hợp Sắc do nghiệp sanh (Kammaja Rūpa Kalāpa) bao gồm Sắc Ý Vật (Hadaya Vatthu) hiện hữu trong Hadaya (trái tim) nơi đây Ý Môn Hướng (Manodvārāvajjana) nương tựa, một loại Tổng Hợp Sắc do tâm sanh (Cittaja Rūpa Kalāpa) và một loại Tổng Hợp Sắc do thời tiết sanh (Utujā Rūpa Kalāpa) [vì vào sát-na đó, Sắc Do Vật Thực Sanh (Ahāraja Rūpa), vẫn chưa có thể sanh.]

2) Thọ (Vedanā) trong Ý Môn Hướng (Manodvārāvajjana), 12 Danh Pháp (Nāma Dhamma) là Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā).

3) Tưởng (Saññā) trong Ý Môn Hướng (Manodvārāvajjana), 12 Danh Pháp (Nāma Dhamma) là Tưởng Uẩn (Saññā khandhā).

4)(i) Cetanā (Tu) trong Ý Môn Hướng (Manodvārāvajjana), 12 Danh Pháp (Nāma Dhamma) là Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) [cách thứ nhất].

(ii) 9 tâm sở còn lại trong Ý Môn Hướng (Manodvārāvajjana), 12 Danh Pháp (Nāma Dhamma) là Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) [cách thứ hai].

5) Thức (Viññāṇa) trong Ý Môn Hướng (Manodvārāvajjana), 12 Danh Pháp (Nāma Dhamma) là Thức Uẩn (Viññāṇakkhandhā)

Manodvārāvajjana Rūpakkhandhā (Sắc Uẩn Trong Ý Môn Hướng)

Năm nhân quá khứ:

1) Vô Minh (20) là nhân, Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā) là quả.

2) Ái (20) là nhân, Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā) là quả.

3) Thủ (20) là nhân, Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā) là quả.

4) Hành (34) là nhân, Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā) là quả.

5) Nghiệp Lực = Hành (Saṅkhāra) (34) là nhân, Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā) là quả.

Hai nhân hiện tại:

1) Tâm là nhân, (Cittaja Rūpa) Rūpakkhandhā là quả.

2) Thời tiết (Utu) là nhân, (Utujā Rūpa) Rūpakkhandhā là quả.

Manodvārāvajjana Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Trong Ý Môn Hướng)

[Vi nhóm Danh Pháp trong Ý Môn Hướng (Manodvārāvajjana Nāma Dhamma) này chỉ là những trạng thái Tâm Duy Tác (Kiriya Citta), không phải các Danh Pháp Quả (Vipāka Nāma Dhamma), nên chúng không do các nhân quá khứ tạo ra. Do đó hãy lưu ý rằng Danh Pháp trong Ý Môn Hướng (Manodvārāvajjana Nāma Dhamma) không có các nhân quá khứ mà chỉ có các nhân hiện tại mà thôi].

Ba nhân hiện tại:

1) Vatthu (Năm loại Tổng Hợp Sắc = 46 loại sắc) là nhân, Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā) là quả.

2) Đối Tượng (trạng thái hiện hữu mới là Ārammaṇa hay Cảnh Sở Duyên) là nhân, Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā) là quả.

3)(i) Bhavaṅga Manosamphassa hay Ý Xúc trong Hữu Phần (34) là nhân, Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā) là quả.

(ii) Manodvārāvajjana Manosamphassa hay Ý Xúc trong Ý Môn Hướng (12 - vedanā = 11) là nhân, Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā) là quả.

Giải thích

1) Vatthu (Vật): Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā) chỉ có thể sanh khởi khi nó có được chỗ nương trên Hadaya Vatthu (Sắc Ý Vật). Vào lúc đó, vì Sắc Vật Thực (Āhāraja Rūpa) chưa thể sanh, thời do không có Sắc Vật Thực (Āhāraja Rūpa) nó là 46.

2) Đối Tượng: Nếu một người là nữ nhân, thời nó bắt lấy trạng thái hiện hữu của người nữ mới làm đối tượng. Nếu là nam nhân, thời nó bắt lấy trạng thái hiện hữu của người nam mới làm đối tượng. Nó kinh nghiệm cảm giác của trạng thái hiện hữu mới đó (trạng thái hiện hữu mới là Cảnh Sở Duyên (Ārammaṇa)).

3) Xúc (Phassa): Chỉ khi trạng thái hiện hữu mới (Ārammaṇa - Cảnh Sở Duyên) xuất hiện trong Hữu Phần (Bhavaṅga) [= Ý Môn (Manodvāra)] thời lúc đó Hữu Phần (Bhavaṅga) dừng lại và Ý Môn Hướng Tâm (Manodvārāvajjana) mới có thể sanh. Nếu trạng thái hiện hữu mới (Ārammaṇa) không xuất hiện hay không tác động trên Hữu Phần (Bhavaṅga), tức Ý Môn (Manodvāra), thời Ý Môn Hướng Tâm (Manodvārāvajjana) vốn suy xét và quyết định trên trạng thái hiện hữu mới đó không thể khởi lên. Thêm nữa, khi trạng thái hiện hữu mới (Ārammaṇa) ấy tác động trên Bhavaṅga, thời Danh Pháp (Nāma Dhamma) mà trong đó Xúc (Bhavaṅga Manosamphassa hay Ý Xúc trong Hữu Phần) là nổi bật mới dừng lại sau khi rung động. (Đây là Hữu Phần Rung Động [Bhavaṅga Calana] và Hữu Phần Dứt Dòng [Bhavaṅgupaccheda]).

Chỉ khi những Danh Pháp Hữu Phần (Bhavaṅga Nāma Dhamma) này dừng lại, thời Danh Pháp Ý Môn Hướng Tâm (Manodvārāvajjana Nāma Dhamma) mới có thể sanh. Nói cách khác, Danh Pháp Hữu Phần hỗ trợ Danh Pháp Ý Môn Hướng sau khi đã diệt, nhờ vậy Ý Môn Hướng Tâm (Manodvārāvajjana) mới có thể sanh lên vậy. Sự hỗ trợ như thế đã được nói tới như 'hỗ trợ bằng sức mạnh của Vô Gian Duyên Lực (Anantara Satti) (Vô Gian Duyên Lực: tức hỗ trợ bằng cách nối nhau sinh diệt)'. Do đó, Ý Xúc Trong Hữu Phần (Bhavaṅga Manosamphassa) cũng giúp để hỗ trợ cho Danh Pháp Trong Ý Môn Hướng Tâm (Manodvārāvajjana Nāma Dhamma) vốn bao gồm Thọ Uẩn trong Ý Môn Hướng (Manodvārāvajjana Vedanākkhandhā). Đó là lý do vì sao Ý Xúc Trong Hữu

Phần (Bhavaṅga Manosamphassa) (34) cũng là nhân của Thọ Uẩn trong Ý Môn Hướng (Manodvārāvajjana Vedanākkhandhā).

Thêm nữa, trong nhóm mười hai Danh Pháp Ý Môn Hướng Tâm (Manodvārāvajjana Nāma Dhamma) có Xúc. Đó là Ý Xúc trong Ý Môn Hướng (Manodvārāvajjana Manosamphassa). Chỉ khi Xúc đó kết nối giữa trạng thái hiện hữu mới (Ārammaṇa - Cảnh Sở Duyên) và Thức, thời nhóm danh pháp Ý Môn Hướng (Manodvārāvajjana Nāma Dhamma) mới có thể sanh. (Hãy lưu ý rằng đối với các trường hợp khác phương pháp cũng tương tự như vậy). Do đó, hai loại Xúc (Phassa) đã được trình bày. Ý Xúc Trong Hữu Phần (Bhavaṅga Manosamphassa) là Vô Giác Nhân (Anantara), trong khi Ý Xúc trong Ý Môn Hướng (Manodvārāvajjana Manosamphassa) là nhân đồng sanh (Sahajāta), hỗ tương (Aññamaña), y chỉ (Nissaya)... Mặc dù chỉ Xúc được đề cập, song cần phải hiểu rằng nó đã hàm ý toàn nhóm Nāma Dhamma (Danh Pháp) trong đó Xúc là nổi bật mà thôi. Nếu trừ quả (Thọ Quả) ra khỏi mười hai Nāma Dhamma trong Ý Môn Hướng (Manodvārāvajjana), thời mười một Danh Pháp còn lại là Ý Xúc trong Ý Môn Hướng (Manodvārāvajjana Manosamphassa) .

Điều này phù hợp với lời dạy “yampidaṃ manosamphassa paccayā uppajjati vedayitam sukhaṃ vā dukkhaṃ vā adukkhamasukkhaṃ vā tampi aniccaṃ...” trong Kinh Āditta Pariyāya Sutta và “samphassā mudayā vedanā samudayo”.

Manodvārāvajjana Saññākkhandhā (Tướng Uẩn Trong Ý Môn Hướng)

1) Vatthu [năm loại Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa) = 46 loại sắc] là nhân; Tướng Uẩn (Saññākkhandhā) là quả.

2) Đối tượng [trạng thái hiện hữu mới (Ārammaṇa - Cảnh Sở Duyên)] là nhân, Tướng Uẩn (Saññākkhandhā) là quả.

3) (i) Ý Xúc trong Hữu Phần (Bhavaṅga Manosamphassa) (34) là nhân, Tướng Uẩn (Saññākkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc trong Ý Môn Hướng (Manodvārāvajjana Manosamphassa) (12 - saññā = 11) là nhân, Tướng Uẩn (Saññākkhandhā) là quả.

Manodvārāvajjana Saṅkhārakkhandhā (Cetanā – cách thứ nhất)

1) Vatthu [Năm loại Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa) = 46 loại sắc] là nhân, Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) là quả.

2) Đối tượng [trạng thái hiện hữu mới (Ārammaṇa)] là nhân, Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) là quả.

3)(i) Ý Xúc Hữu Phần (Bhavaṅga Manosamphassa) (34) là nhân, Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Ý Môn Hướng (Manodvārāvajjana Manosamphassa) (12 – cetanā = 11) là nhân, Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) là quả.

Manodvārāvajjana Saṅkhārakkhandhā (9 Nāma Dhamma, cách thứ hai)

1) Vatthu [Năm loại Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa) = 46 loại sắc] là nhân, Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) là quả.

2) Đối tượng [trạng thái hiện hữu mới (Ārammaṇa - Cảnh Sở Duyên) là nhân, Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) là quả.

3) (i) Ý Xúc Hữu Phần (Bhavaṅga Manosamphassa) (34) là nhân, Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) là quả.

(ii) Ba Danh Uẩn (Nāma Khandhā) còn lại là nhân, Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) là quả.

Manodvārāvajjana Viññāṇakkhandhā (Thức Uẩn Ý Môn Hướng)

1) Ý Xúc Hữu Phần (Bhavaṅga Manosamphassa) (34) là nhân, Thức Uẩn (Viññāṇakkhandhā) là quả.

2) Danh Sắc (Nāmarūpa) là nhân, Thức Uẩn (Viññāṇakkhandhā) là quả.

[Trong trường hợp này Danh (Nāma) có nghĩa là mười một tâm sở; Sắc (Rūpa) là Sắc Vật (Vatthu Rūpa) và Sắc Đối Tượng vốn là một phần của trạng thái hiện hữu mới.]

Pañcakkhandhā Bhava Nikantika Lobha Javana (Năm Uẩn Trong Tốc Hành Tâm Tham Mong Muốn Tái Sanh)

1) Sắc Vật [Năm loại Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa) = 46 loại sắc] vốn hiện hữu trong Hadaya (trái tim) là Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā).

2) Thọ (Vedanā) hiện hữu trong Javana (Tốc Hành Tâm) là Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā).

3) Tưởng (Saññā) hiện hữu trong Javana (Tốc Hành Tâm) là Tưởng Uẩn (Saññākkhandhā).

4) Tư (Cetanā) hiện hữu trong Javana (Tốc Hành Tâm) là Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) (cách thứ nhất);

Các tâm sở (Cetasika) còn lại hiện hữu trong Javana là Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) (cách thứ hai).

5) Thức (Viññāṇa) hiện hữu trong Javana (Tốc Hành Tâm) là Thức Uẩn (Viññāṇakkhandhā).

[Lưu ý: Nhóm Danh Pháp Tốc Hành Tâm Tham Mong Muốn Tái Sanh (Bhava Nikantika Lobha Javana Nāma Dhamma) này là nhóm Lobha - Diṭṭhi Nāma Dhamma, tức nhóm Danh Pháp Tham – Tà Kiến. Chúng có thể sanh như 20 hay 19 hay 22 hay 21 Danh Pháp tùy theo. Trong Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) của cách thứ hai, nó có thể là 17 hay 16 hay 19 hay 18 Danh Pháp (Nāma Dhamma) tùy theo. Sau khi đã liên kết những mối tương quan nhân quả, hãy phân biệt Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā) vốn là căn cứ hay vật (Vatthu) của Tốc Hành Tâm Tham Mong Muốn Tái Sanh (Bhava Nikantika Lobha Javana) này theo như cách đã làm trong Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā) của Ý Môn Hướng (Manodvārāvajjana).

Bhava Nikantika Lobha 1st Javana (Tốc Hành Tâm Tham Mong Muốn Tái Sanh Thứ Nhất) – Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā)

1) Vatthu (5 = 46 trong Hadaya) là nhân, Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā) là quả.

2) Đối tượng [trạng thái hiện hữu mới (Ārammaṇa - Cảnh Sở Duyên)] là nhân, Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā) là quả.

3) (i) Ý Xúc Hữu Phần (Bhavaṅga Manosamphassa) (34) là nhân, Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Tốc Hành (Javana Manosamphassa) (20 - vedanā = 19) là nhân, Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā) là quả.

4) Ayoniso Manasikāra (Phi Như Lý Tác Ý) (12) là nhân, Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā) là quả.

[Lưu ý: Trong trường hợp này Ayoniso Manasikāra (Phi Như Lý Tác Ý) có nghĩa là tác ý một cách sai lầm như (mong cầu) ‘kiếp sống một người nữ’ hay ‘kiếp sống một người nam’. Nếu biết trạng thái hiện hữu mới có đạt được cũng chỉ là Danh Sắc (Nāma Rūpa) hay chỉ là ‘các nhân và các quả’ hay ‘Vô Thường - Anicca’ hay ‘Khổ - Dukkha’ hay ‘Vô Ngã - Anatta’, thời cái biết đó là cái biết đúng. Đó là Như Lý Tác ý (Yoniso Manasikāra). Ngược lại, đã không biết và tác ý đúng mà còn tác ý (mong cầu) ‘kiếp sống của người nữ’ hay ‘kiếp sống của người nam’ thì đó là Ayoniso Manasikāra (Tác Ý Không Như Lý). Hãy lưu ý rằng chính Ý Môn Hướng (Manodvārāvajjana) khởi lên ngay trước Tốc Hành Tâm Tham Mong Muốn Tái Sanh (Bhava Nikantika Lobha Javana), hay nói cách khác, **tâm sở thắng giải** hay **quyết định** (Adhimokkha Cetasika) vốn là một phần của nhóm Danh Pháp trong Ý Môn Hướng (Manodvārāvajjana) đó được gọi là Ayoniso Manasikāra (Phi Như Lý Tác Ý) hay Yoniso Manasikāra (Tác Ý Như Lý). Ở đây, chính sự quyết định sai lầm của tâm sở quyết định (Adhimokkha) như ‘kiếp sống của người nam’ hay ‘kiếp sống của người nữ’ là Ayoniso Manasikāra (Phi Như Lý Tác Ý). Vì quyết định hay thắng giải (Adhimokkha) không thể khởi lên một mình mà chỉ có thể khởi sanh cùng với các Pháp Tương Ứng (Sampayutta Dhamma), nên hãy nhớ rằng trong trường hợp này ‘12’ Danh Pháp (Nāma Dhamma) - vốn là tâm sở quyết định cùng với các pháp tương ứng - được nói đến như Ayoniso Manasikāra (Phi Như Lý Tác Ý). Phi Như Lý Tác Ý là một nhân gần để tạo ra Tốc Hành Tâm Bất Thiện (Akusala Javana).

Bhāva Nikantika Lobha 1st Javana (Tốc Hành Tâm Tham Mong Muốn Tái Sanh Thứ Nhất) - Saññākkhandhā (Trưởng Uẩn)

1) Vatthu (5 = 46 trong Hadaya) là nhân, Trưởng Uẩn (Saññākkhandhā) là quả.

2) Đối tượng (trạng thái hiện hữu mới [Ārammaṇa - Cảnh Sở Duyên]) là nhân, Trưởng Uẩn (Saññākkhandhā) là quả.

3) (i) Ý Xúc Hữu Phần (Bhavaṅga Manosamphassa) (34) là nhân, Trưởng Uẩn (Saññākkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Trong Tốc Hành (Javana Manosamphassa) (20 - saññā = 19) là nhân, Trưởng Uẩn (Saññākkhandhā) là quả.

4) Ayoniso Manasikāra (Phi Như Lý Tác Ý) (12) là nhân, Trưởng Uẩn (Saññākkhandhā) là quả.

Bhāva Nikantika Lobha 1st Javana (Tốc Hành Tâm Tham Mong Muốn Tái Sanh Thứ Nhất) – Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) (Cetanā - cách thứ nhất)

1) Vatthu (5 = 46 trong Hadaya) là nhân, Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) là quả.

2) Đối tượng (trạng thái hiện hữu mới [Ārammaṇa - Cảnh Sở Duyên]) là nhân, Hành Uẩn (Saṅkhāra-kkhandhā) là quả.

3)(1) Ý Xúc Hữu Phần (Bhavaṅga Manosamphassa) (34) là nhân, Hành Uẩn (Saṅkhāra-kkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Trong Tốc Hành (Javana Manosamphassa) (20 - cetanā = 19) là nhân, Hành Uẩn (Saṅkhāra-kkhandhā) là quả.

4) Ayoniso Manasikāra (Phi Như Lý Tác Ý) (12) là nhân, Hành Uẩn (Saṅkhāra-kkhandhā) là quả.

Bhāva Nikantika Lobha 1st Javana (Tốc Hành Tâm Tham Mong Muốn Tái Sanh thứ nhất) – Saṅkhāra-kkhandhā (Hành Uẩn) (Cetana - cách thứ hai)

1) Vatthu (5 = 46 trong Hadaya) là nhân, Hành Uẩn (Saṅkhāra-kkhandhā) là quả.

2) Đối tượng (trạng thái hiện hữu mới [Ārammaṇa - Cảnh Sở Duyên]) là nhân, Hành Uẩn (Saṅkhāra-kkhandhā) là quả.

3)(i) Ý Xúc Hữu Phần (Bhavaṅga Manosamphassa) (34) là nhân, Hành Uẩn (Saṅkhāra-kkhandhā) là quả.

(ii) Ba Danh Uẩn (Nāma-kkhandha) còn lại là nhân, Hành Uẩn (Saṅkhāra-kkhandhā) là quả.

4) Ayoniso Manasikāra (Phi Như Lý Tác Ý) (12) là nhân, Hành Uẩn (Saṅkhāra-kkhandhā) là quả.

Bhāva Nikantika Lobha 1st Javana (Tốc Hành Tâm Tham Mong Muốn Tái Sanh Thứ Nhất) – Viññāṇa-kkhandhā (Thức Uẩn)

1) Ý Xúc Hữu Phần (Bhavaṅga Manosamphassa) (34) là nhân, Thức Uẩn (Viññāṇa-kkhandhā) là quả.

2) Danh Sắc (Nāmarūpa) là nhân, Thức Uẩn (Viññāṇa-kkhandhā) là quả.

3) Ayoniso Manasikāra (Phi Như Lý Tác Ý) (12) là nhân, Thức Uẩn (Viññāṇa-kkhandhā) là quả.

(‘Nāma’ có nghĩa là 19 tâm sở đi kèm hoặc tùy theo; ‘Rūpa’ có nghĩa là Vatthu Rūpa [5 = 46] và Sắc Đối Tượng.)

Bhāva Nikantika Lobha 2nd Javana – Thọ Uẩn (Vedanā-kkhandhā)

1) Vatthu (5 = 46 trong Hadaya) là nhân, Thọ Uẩn (Vedanā-kkhandhā) là quả.

2) Đối tượng (trạng thái hiện hữu mới [Ārammaṇa - Cảnh Sở Duyên]) là nhân, Thọ Uẩn (Vedanā-kkhandhā) là quả.

3) (i) Ý Xúc Hữu Phần (Bhavaṅga Manosamphassa) (34) là nhân, Thọ Uẩn (Vedanā-kkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc của Tốc Hành Thứ Nhất (1st Javana Manosamphassa) (20) là nhân, Thọ Uẩn (Vedanā-kkhandhā) là quả

(iii) Ý Xúc của Tốc Hành Thứ Hai (2nd Javana Manosamphassa) (20 - vedanā = 19) là nhân, Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā) là quả.

4) Ayoniso Manasikāra (Phi Như Lý Tác Ý) (12) là nhân, Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā) là quả.

[Lưu ý: Vì Tốc Hành Tâm trước hỗ trợ Tốc Hành Tâm sau; hay nói cách khác, vì tâm trước hỗ trợ tâm sau bằng Vô Gian Duyên Lược (Anantara Paccaya Satti), nên Tốc Hành Tâm thứ nhất được trình bày như nhân của Tốc Hành Tâm thứ hai trong phần 3 (ii) ở trên. Cũng ghi nhớ rằng đối với các Danh Uẩn còn lại và các Tốc Hành Tâm còn lại cách thức cũng giống nhau.]

Những Điểm Quan Trọng

Tiếp theo tiến trình (Vīthi) này, Tiến Trình Ý Môn (Manodvāra Vīthi) có thể xuất hiện tùy theo các điều kiện. Cần hiểu rằng, sau khi đã liên kết các mối tương quan nhân quả, sự phân biệt Năm Uẩn của từng sát-na tâm trong Tiến Trình Ý Môn (Manodvāra Vīthi) được dựa trên phương pháp dành cho sự phân biệt theo **hàng (line) cảnh pháp (dhammārammaṇa)**. Sau khi các căn đã hoàn tất, Tiến Trình Ngũ Môn (Pañcadvāra Vīthi) và Tiến Trình Ý Môn (Manodvāra Vīthi) tùy theo đó sẽ khởi lên trong suốt cả đời người. Đối với hàng Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa), sau khi đã liên kết các mối tương quan nhân quả của chúng, phương pháp phân biệt sẽ được trình bày theo ví dụ sau:

Sắc Do Vật Thực Sanh (Āhāraja Rūpa) có thể bắt đầu sanh khi thức ăn do người mẹ ăn vào truyền đến bào thai. Do đó, sự phân biệt các nhân và các quả trong Ngũ Uẩn Hữu Phần (Bhavaṅga Pañca Khandhā) sẽ được trình bày lại. Sáu loại Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa), đó là năm mươi bốn loại sắc trong Hadaya, nơi đây Hữu Phần (Bhavaṅga), sẽ được phân biệt lát nữa, nương vào là Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā).

Bhavaṅga Pañcakkhandhā (Năm Uẩn Hữu Phần)

1) Căn cứ hay vật của Hữu Phần (Bhavaṅga) hiện đang phân biệt nằm trong Hadaya (trái tim), tức sáu loại Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa = 54 loại sắc) là Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā). Nếu đối tượng của Bhavaṅga là Sắc Pháp (Rūpa Dhamma), thời cũng phải phân biệt luôn cả Sắc Pháp (Rūpa Dhamma) này.

2) Vedanā trong 34 Danh Pháp Hữu Phần (Bhavaṅga Nāma Dhamma) là Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā).

3) Saññā trong 34 Danh Pháp Hữu Phần (Bhavaṅga Nāma Dhamma) là Tưởng Uẩn (Saññākkhandhā).

4) Cetanā (Tu) trong 34 Danh Pháp Hữu Phần (Bhavaṅga Nāma Dhamma) là Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) (cách thứ nhất),

31 tâm sở còn lại trong 34 Danh Pháp Hữu Phần (Bhavaṅga Nāma Dhamma) là Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) (cách thứ hai)

Bhavaṅga Rūpakkhandhā (Sắc Uẩn Hữu Phần)

Năm nhân quá khứ:

1) Vô Minh (20) là nhân, Bhavaṅga Rūpakkhandhā (Sắc Uẩn Hữu Phần ở đây là Sắc Nghiệp [Kammaja Rūpa]) là quả.

2) Ái (20) là nhân, Bhavaṅga Rūpakkhandhā (Sắc Uẩn Hữu Phần ở đây là Sắc Nghiệp [Kammaja Rūpa]) là quả.

3) Thủ (20) là nhân, Bhavaṅga Rūpakkhandhā (Sắc Uẩn Hữu Phần ở đây là Sắc Nghiệp [Kammaja Rūpa]) là quả.

4) Hành (34) là nhân, Bhavaṅga Rūpakkhandhā (Sắc Uẩn Hữu Phần ở đây là Sắc Nghiệp [Kammaja Rūpa]) là quả.

5) Nghiệp Lực = Hành (34) là nhân, Bhavaṅga Rūpakkhandhā (Sắc Uẩn Hữu Phần ở đây là Sắc Nghiệp [Kammaja Rūpa]) là quả.

Ba nhân hiện tại:

1) Tâm (Citta) là nhân, Bhavaṅga Rūpakkhandhā (Sắc Uẩn Hữu Phần ở đây là Sắc Do Tâm Sanh [Cittaja Rūpa]) là quả.

6) Thời tiết (Utu) là nhân, Bhavaṅga Rūpakkhandhā (Sắc Uẩn Hữu Phần ở đây là Sắc Do Thời Tiết Sanh [Utujā Rūpa]) là quả.

7) Vật thực (Āhāra) là nhân, Bhavaṅga Rūpakkhandhā (Sắc Uẩn Hữu Phần ở đây là Sắc Do Vật Thực Sanh [Āhāraja Rūpa]) là quả.

Bhavaṅga Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Hữu Phần)

Năm nhân quá khứ:

1) Vô Minh (20) là nhân, Bhavaṅga Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Hữu Phần) là quả.

2) Ái (20) là nhân, Bhavaṅga Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Hữu Phần) là quả.

3) Thủ (20) là nhân, Bhavaṅga Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Hữu Phần) là quả.

4) Hành (34) là nhân, Bhavaṅga Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Hữu Phần) là quả.

5) Nghiệp Lực (Kamma Satti) = Hành (34) là nhân, Bhavaṅga Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Hữu Phần) là quả.

Ba nhân hiện tại:

1) Vatthu [6 loại Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa) = 54 loại sắc] là nhân, Bhavaṅga Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Hữu Phần) là quả.

6) Đối tượng (= ———) là nhân, Bhavaṅga Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Hữu Phần) là quả.

7) Xúc (Phassa):

(i) Bhavaṅga Manosamphassa (34) hay Ý Xúc Hữu Phần ‘đi trước’ là nhân, Bhavaṅga Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Hữu Phần) là quả.

(ii) Bhavaṅga Manosamphassa (34) hay Ý Xúc Hữu Phần ‘theo sau’ là nhân, Bhavaṅga Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Hữu Phần) là quả.

[Lưu ý: Bhavaṅga Manosamphassa (34) hay Ý Xúc Hữu Phần đi trước ở đây là Anantara Bhavaṅga (Vô Gián Hữu Phần) có mặt trước Bhavaṅga mà hành giả đang phân biệt. Bhavaṅga Manosamphassa hay Ý Xúc Hữu Phần ‘theo sau’ là Bhavaṅga mà hành giả đang phân biệt. Nếu Vedanā (Thọ) là quả, thời trừ Thọ đó đi (tức 34 - Vedanā = 33).

Hãy ghi nhớ rằng trong Tướng Uẩn Hữu Phần (Bhavaṅga Saññākkhandhā),... phương pháp là như nhau.]

Bhavaṅga Saññākkhandhā (Tướng Uẩn Hữu Phần)

(Các nhân từ 1 đến 7 tương tự như cách phân biệt các nhân của Thọ Uẩn - Vedanākkhandhā)

8. Xúc (Phassa):

(i) Bhavaṅga Manosamphassa hay Ý Xúc Hữu Phần 'đi trước' (34) là nhân, Bhavaṅga Saññākkhandhā (Tướng Uẩn Hữu Phần) là quả.

(ii) Bhavaṅga Manosamphassa hay Ý Xúc Hữu Phần 'theo sau' (34 - cetanā = 33) là nhân, Bhavaṅga Saññākkhandhā (Tướng Uẩn Hữu Phần) là quả.

Bhavaṅga Saṅkhārakkhandhā (Cetanā - cách thứ nhất) - Hành Uẩn Hữu Phần

(Các nhân từ 1 đến 7 tương tự như cách phân biệt các nhân của Thọ Uẩn - Vedanākkhandhā)

8. Xúc (Phassa):

(i) Bhavaṅga Manosamphassa hay Ý Xúc Hữu Phần 'đi trước' (34) là nhân, Bhavaṅga Saṅkhārakkhandhā (Hành Uẩn Hữu Phần) là quả.

(ii) Bhavaṅga Manosamphassa hay Ý Xúc Hữu Phần 'theo sau' (34 - cetanā = 33) là nhân, Bhavaṅga Saṅkhārakkhandhā (Hành Uẩn Hữu Phần) là quả.

Bhavaṅga Saṅkhārakkhandhā (được xem như 31 cetasika – cách thứ hai)

(Các nhân từ 1 đến 7 cũng như trước)

8. Xúc (phassa):

(i) Bhavaṅga Manosamphassa hay Ý Xúc Hữu Phần đi trước (34) là nhân, Bhavaṅga Saṅkhārakkhandhā (Hành Uẩn Hữu Phần) là quả.

(ii) Ba Danh Uẩn (Nāma Khandhā) còn lại là nhân, Bhavaṅga Saṅkhārakkhandhā (Hành Uẩn Hữu Phần) là quả.

Bhavaṅga Viññānakkhandhā (Thức Uẩn Hữu Phần)

(Các nhân từ 1 đến 5 giống như trên)

6. Xúc (Phassa):

(i) Bhavaṅga Manosamphassa hay Ý Xúc Hữu Phần đi trước (34) là nhân, Bhavaṅga Viññānakkhandhā (Thức Uẩn Hữu Phần) là quả.

(ii) Danh Sắc (Nāmarūpa) là nhân, Bhavaṅga Viññānakkhandhā (Thức Uẩn Hữu Phần) là quả.

[‘Nāma’ ở đây là 33 tâm sở (cetasika) đi kèm; ‘Rūpa’ là Sắc Vật (Vatthu Rūpa) và Sắc Đối Tượng (nếu phù hợp)].

Rūparammana (Cảnh Sắc): Pañcadvārāvajjana Pañcakkhandhā (Năm Uẩn Ngũ Môn Hướng)

1) 54 loại sắc trong Hadaya vốn là căn cứ của Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana) và Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) là Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā).

2) Vedanā (Thọ) trong 11 Danh Pháp (Nāma Dhamma) Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana) là Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā).

3) Saññā (Trởng) trong 11 Danh Pháp (Nāma Dhamma) Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana) là Trởng Uẩn (Saññākkhandhā).

4) Cetanā (Tư) trong 11 Danh Pháp (Nāma Dhamma) Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana) là Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) (cách thứ nhất).

8 tâm sở (Cetasika) còn lại trong 11 Danh Pháp (Nāma Dhamma) Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana) là Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) (cách thứ hai).

5) Viññāṇa (Thức) trong 11 Danh Pháp (Nāma Dhamma) Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana) là Thức Uẩn (Viññāṇakkhandhā).

Pañcadvārāvajjana (= Tác Ý³) Rūpakkhandhā (Sắc Uẩn Ngũ Môn Hướng)

Năm nhân quá khứ:

1) Vô Minh (20) là nhân, Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā) [Kammaja Rūpa (Sắc Do Nghiệp Sanh) = 30] là quả.

2) Ái (20) là nhân, Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā) [Kammaja Rūpa (Sắc Do Nghiệp Sanh) = 30] là quả.

3) Thủ (20) là nhân, Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā) [Kammaja Rūpa (Sắc Do Nghiệp Sanh) = 30] là quả.

4) Hành (34) là nhân, Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā) [Kammaja Rūpa (Sắc Do Nghiệp Sanh) = 30] là quả.

5) Nghiệp Lực = Hành (34) là nhân, Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā) [Kammaja Rūpa (Sắc Do Nghiệp Sanh) = 30] là quả.

Ba nhân hiện tại:

1) Tâm (Citta) là nhân, Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā) [Cittaja Rūpa (Sắc Do Tâm Sanh)] là quả.

2) Thời tiết (Utu) là nhân, Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā) [Utuja Rūpa (Sắc Do Thời Tiết Sanh)] là quả.

3) Vật thực (Āhāra) là nhân, Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā) [Āhāraja Rūpa (Sắc Do Vật Thực Sanh)] là quả.

³ Tác ý: Có ba loại tác ý:

1. Tác ý kể như nhân căn bản cho đối tượng (Ārammaṇa Paṭipādaka Manasikāra), tức tâm sở tác ý.

2. Tác ý kể như nhân căn bản cho tiến trình tâm (Vīthi Paṭipādaka Manasikāra), tức Ngũ Môn Hướng Tâm (Pañcadvārāvajjana) trong tiến trình ngũ môn (Pañcadvārāvīthi).

3. Tác ý kể như nhân căn bản cho Tốc Hành Tâm (Javana Paṭipādaka Manasikāra), tức Ý Môn Hướng tâm (Manodvārāvajjana) trong tiến trình ý môn (Manodvārāvīthi) và Xác Định Tâm (Voṭṭhabbana) trong tiến trình ngũ môn.

Pañcadvārāvajjana (= Tác Ý) Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Ngũ Môn Hướng)

Ba nhân hiện tại:

1) Vatthu = Hadaya Vatthu (6 = 54) là nhân, Thọ Uẩn Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana Vedanākkhandhā) là quả.

2) Đối tượng [= Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)] là nhân, Thọ Uẩn Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana Vedanākkhandhā) là quả.

3) Xúc (Phassa):

(i) Ý Xúc Hữu Phần (Bhavaṅga Manosamphassa) (34) là nhân, Thọ Uẩn Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana Vedanākkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana Manosamphassa) (11- vedanā = 10) là nhân, Thọ Uẩn Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana Vedanākkhandhā) là quả.

Pañcadvārāvajjana (= Tác Ý) Saññākkhandhā (Tưởng Uẩn Ngũ Môn Hướng)

Ba nhân hiện tại:

1) Vatthu = Hadaya Vatthu (6 = 54) là nhân, Tưởng Uẩn Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana Saññākkhandhā) là quả.

2) Đối tượng [Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)] là nhân, Tưởng Uẩn Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana Saññākkhandhā) là quả.

3)(i) Ý Xúc Hữu Phần (Bhavaṅga Manosamphassa) (34) là nhân, Tưởng Uẩn Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana Saññākkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana Manosamphassa) (11 - saññā = 10) là nhân, Tưởng Uẩn Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana Saññākkhandhā) là quả.

Pañcadvārāvajjana (= Tác ý) Saṅkhārakkhandhā (Cetanā - cách thứ nhất) (Hành Uẩn Ngũ Môn Hướng)

Ba nhân hiện tại:

1) Vatthu = Hadaya Vatthu (54) là nhân, Hành Uẩn Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

2) Đối tượng [Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)] là nhân, Hành Uẩn Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

3)(i) Ý Xúc Hữu Phần (Bhavaṅga Manosamphassa) (34) là nhân, Hành Uẩn Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana Manosamphassa) (11- cetanā = 10) là nhân, Hành Uẩn Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

Pañcadvārāvajjana (= Tác Ý) Saṅkhārakkhandhā (8 cetasika - cách thứ hai) (Hành Uẩn Ngũ Môn Hướng)

Ba nhân hiện tại:

1) Vatthu = Hadaya Vatthu (54) là nhân, Hành Uẩn Ngũ Môn Hương (Pañcadvārāvajjana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

2) Đối tượng [Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)] là nhân, Hành Uẩn Ngũ Môn Hương (Pañcadvārāvajjana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

3) (i) Ý Xúc Hữu Phần (Bhavaṅga Manosamphassa) (34) là nhân, Hành Uẩn Ngũ Môn Hương (Pañcadvārāvajjana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

(ii) Ba Danh Uẩn (Nāma Khandhā) còn lại là nhân, Hành Uẩn Ngũ Môn Hương (Pañcadvārāvajjana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

Pañcadvārāvajjana (= Tác Ý) Viññāṇakkhandhā (Thức Uẩn Ngũ Môn Hương)

Hai nhân hiện tại:

1) Ý Xúc Hữu Phần (Bhavaṅga Manosamphassa) (34) là nhân, Thức Uẩn Ngũ Môn Hương (Pañcadvārāvajjana Viññāṇakkhandhā) là quả.

2) Danh Sắc (Nāma Rūpa) là nhân, Thức Uẩn Ngũ Môn Hương (Pañcadvārāvajjana Viññāṇakkhandhā) là quả.

('Nāma' ở đây là 10 tâm sở đi kèm, 'Rūpa' là Hadaya Vatthu (54) và Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa).

Rūpārammaṇa (Cảnh Sắc = Màu): Cakkhu Viññāṇa (Nhãn Thức) Pañcakkhandhā (Năm Uẩn).

1) Sắc Pháp (Rūpa Dhamma) vốn là Nhãn Vật (Cakkhu Vatthu) (6 = 54 loại sắc) và Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) là Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā).

2) Vedanā (Thọ) trong 8 Danh Pháp (Nāma Dhamma) của Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa) là Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā).

3) Saññā (Tưởng) trong 8 Danh Pháp (Nāma Dhamma) của Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa) là Tưởng Uẩn (Saññākkhandhā).

4) Cetanā (Tư) trong 8 Danh Pháp (Nāma Dhamma) của Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa) là Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) (cách thứ nhất).

5 tâm sở còn lại trong 8 Danh Pháp (Nāma Dhamma) của Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa) là Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) (cách thứ hai).

5) Viññāṇa (Thức) trong 8 Danh Pháp (Nāma Dhamma) của Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa) là Thức Uẩn (Viññāṇakkhandhā).

Cakkhu Viññāṇa Rūpakkhandhā (Sắc Uẩn Nhãn Thức)

Năm nhân quá khứ

1) Vô Minh (20) là nhân, Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā) (Kammaja Rūpa [Sắc Do Nghiệp Sanh = 30]) là quả.

2) Ái (20) là nhân, Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā) (Kammaja Rūpa [Sắc Do Nghiệp Sanh = 30]) là quả.

3) Thủ (20) là nhân, Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā) (Kammaja Rūpa [Sắc Do Nghiệp Sanh = 30]) là quả.

4) Hành (34) là nhân, Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā) (Kammaja Rūpa [Sắc Do Nghiệp Sanh = 30]) là quả.

5) Nghiệp Lực = Saṅkhāra (34) là nhân, Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā) (Kammaja Rūpa [Sắc Do Nghiệp Sanh = 30]) là quả.

Ba nhân hiện tại:

1) Tâm là nhân, Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā) (Cittaja Rūpa [Sắc Do Tâm Sanh]) là quả.

2) Thời tiết (Utu) là nhân, Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā) (Utuja rūpa [Sắc Do Thời Tiết Sanh]) là quả.

3) Vật thực (Āhāra) là nhân, (Āhāraja Rūpa [Sắc Do Vật Thực Sanh]) là quả.

Cakkhu Viññāṇa Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Nhãn Thức)

Năm nhân quá khứ

1) Vô Minh (20) là nhân, Thọ Uẩn Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa Vedanākkhandhā) là quả.

2) Ái (20) là nhân, Thọ Uẩn Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa Vedanākkhandhā) là quả.

3) Thủ (20) là nhân, Thọ Uẩn Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa Vedanākkhandhā) là quả.

4) Hành (34) là nhân, Thọ Uẩn Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa Vedanākkhandhā) là quả.

5) Nghiệp Lực = Saṅkhāra (=34) là nhân, Thọ Uẩn Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa Vedanākkhandhā) là quả.

Năm nhân hiện tại:

1) Vatthu = Cakkhu Vatthu (Nhãn Vật: con mắt) (54) là nhân, Thọ Uẩn Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa Vedanākkhandhā) là quả.

2) Đối tượng [Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)] là nhân, Thọ Uẩn Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa Vedanākkhandhā) là quả.

3) Cakkhusamphasa (Nhãn Xúc [8 - vedanā = 7]) là nhân, Thọ Uẩn Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa Vedanākkhandhā) là quả.

4) Āloka (ánh sáng) là nhân, Thọ Uẩn Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa Vedanākkhandhā) là quả.

5) Manasikāra (tác ý = 11) là nhân, Thọ Uẩn Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa Vedanākkhandhā) là quả.

Manasikāra: ở đây có nghĩa là tác ý. Nó là ngũ môn hướng (Pañcadvārāvajjana) đến đối tượng (Cảnh Sắc - Rūpārammaṇa), được gọi là Vīthi Paṭipāḍaka Manasikāra trong Chú Giải Vi Diệu Pháp. Nó là nhân căn bản của các tiến trình tâm mà nhiệm vụ là chú ý đến và bắt lấy đối tượng để cho các tiến trình tâm theo đó khởi lên. (Xem lại phần ghi chú cuối trang ở trên).

Ākoka: ánh sáng. Có bốn loại ánh sáng: (i) ánh sáng của mặt trăng, (ii) ánh sáng của mặt trời, (iii) ánh sáng của lửa và (iv) ánh sáng của trí tuệ đề cập trong bài Kinh Ánh Sáng (Ābhā Sutta) của Tăng Chi Bộ Kinh,... Vào lúc ngồi thiền với mắt nhắm, ánh sáng

của trí tuệ đặc biệt quan trọng hơn. Không có ánh sáng trí tuệ thời không thể phân biệt hay thấy được các Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa), màu của Tổng Hợp Sắc (Rūpa Kalāpa), các Sắc Pháp Chân Đế (Paramattha Rūpa Dhamma), Danh Pháp Chân Đế (Paramattha Nāma Dhamma). Khi chưa phải thời phát sanh trí tuệ Minh Sát (Vipassana) hay khi không phải lúc tu tập thiền chỉ (Samatha Bhāvanā) và thiền Minh Sát (Vipassanā Bhāvanā), nếu thấy Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) bằng mắt thường, thì một trong ba loại ánh sáng này (i) ánh sáng của mặt trăng, (ii) ánh sáng của mặt trời, (iii) ánh sáng của lửa là nhân của nhóm Danh Pháp Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa Nāma Dhamma). Mặc dù khi đề cập đến bốn nhân cho Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa), Chú Giải Aṭṭhasālinī không nói đến Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa). Song, theo lời dạy của Đức Phật: ‘Phassasamudaya vedanāsamudayo (Xúc tập khởi, Thọ tập khởi hay khi Xúc sanh khởi thì Thọ sanh khởi)’ (Tương Ưng Vol. 2 -p 49); như vậy cộng thêm Nhãn Xúc (Cakkhusamphasa), năm nhân hiện tại được trình bày ở đây.

Cakkhu Viññāṇa Saññākkhandhā (Tướng Uẩn Nhãn Thức)

Năm nhân quá khứ

- 1) Vô Minh (20) là nhân, Tướng Uẩn Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa Saññākkhandhā) là quả.
- 2) Ái (20) là nhân, Tướng Uẩn Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa Saññākkhandhā) là quả.
- 3) Thủ (20) là nhân, Tướng Uẩn Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa Saññākkhandhā) là quả.
- 4) Hành (34) là nhân, Tướng Uẩn Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa Saññākkhandhā) là quả.
- 5) Nghiệp Lực = Saṅkhāra (=34) là nhân, Tướng Uẩn Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa Saññākkhandhā) là quả.

Năm nhân hiện tại:

- 1) Vatthu = Cakkhu Vatthu (Nhãn Vật: con mắt) (54) là nhân, Tướng Uẩn Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa Saññākkhandhā) là quả.
- 2) Đối tượng [Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)] là nhân, Tướng Uẩn Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa Saññākkhandhā) là quả.
- 3) Nhãn Xúc (Cakkhusamphasa [8 - saññā = 7]) là nhân, Tướng Uẩn Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa Saññākkhandhā) là quả.
- 4) Āloka (ánh sáng) là nhân, Tướng Uẩn Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa Saññākkhandhā) là quả.
- 5) Manasikāra (tác ý = 11) là nhân, Tướng Uẩn Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa Saññākkhandhā) là quả.

Cakkhu Viññāṇa Saṅkhārakkhandhā (Hành Uẩn Nhãn Thức)

(Cách thứ nhất)

Các nhân quá khứ và hiện tại tương tự như các nhân của Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā). Chỉ có:

- 3) Nhãn Xúc (Cakkhusamphasa [8 - cetanā = 7]) là nhân, Hành Uẩn Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa Saṅkhārakkhandhā) là quả.

Cakkhu Viññāna Saṅkhārakkhandhā (Hành Uẩn Nhân Thức)

(Được xem như 5 cetasika - cách thứ hai)

Các nhân quá khứ và các nhân hiện tại tương tự như các nhân của Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā). Chỉ có:

3) Ba Danh Uẩn (Nāma Khandhā) còn lại là nhân, Hành Uẩn Nhân Thức (Cakkhu Viññāna Saṅkhārakkhandhā) là quả.

Cakkhu Viññāna Viññānakkhandhā (Thức Uẩn Nhân Thức)

Các nhân từ 1 đến 5 tương tự như các nhân của Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā).

Ba nhân hiện tại:

1) Nāma Rūpa (Danh Sắc) là nhân, Thức Uẩn Nhân Thức (Cakkhu Viññāna Viññānakkhandhā) là quả.

2) Āloka (ánh sáng) là nhân, Thức Uẩn Nhân Thức (Cakkhu Viññāna Viññānakkhandhā) là quả.

3) Manasikāra (Tác Ý = 11) là nhân, Thức Uẩn Nhân Thức (Cakkhu Viññāna Viññānakkhandhā) là quả.

'Nāma' hay Danh ở đây là 7 tâm sở đi kèm; 'Rūpa' = Vatthu Rūpa (Sắc Vật) và Rūpārammaṇa (Sắc Cảnh Sắc).

(Xúc [Phassa], được kể trong 7 tâm sở đi kèm).

Rūparammaṇa (Hàng Màu): Sampaticchana⁴ Pañcakkhandhā (Năm Uẩn Trong Tiếp Thọ Tâm)

1) 54 loại bao gồm trong Ý Vật (Hadaya Vatthu) của Tiếp Thọ Tâm (Sampaticchana) và Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) là Sắc Uẩn (Rūpakhandhā).

2) Vedanā (Thọ) trong 11 Danh Pháp của Tiếp Thọ Tâm (Sampaticchana) là Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā).

3) Saññā (Trưởng) trong 11 Danh Pháp của Tiếp Thọ Tâm (Sampaticchana) là Trưởng Uẩn (Saññākkhandhā).

4) Cetanā (Tư) trong 11 Danh Pháp của Tiếp Thọ Tâm (Sampaticchana) là Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) (cách thứ nhất).

8 tâm sở còn lại trong 11 Danh Pháp của Tiếp Thọ Tâm (Sampaticchana) là Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) (cách thứ hai).

5) Viññāna (Thức) trong 11 Danh Pháp của Tiếp Thọ Tâm (Sampaticchana) là Thức Uẩn (Viññānakkhandhā).

Phân biệt Sắc Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Rūpakhandhā) y như cách phân biệt Ngũ Môn Hương (Rūpakhandhā của Pañcadvāravajjana) vậy.

Sampaticchana Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Tiếp Thọ)

⁴ Sampaticchana (tiếp thọ, tiếp thu): là trạng thái tâm tiếp nhận ngũ trần (sắc, thanh, hương, vị và xúc)

Năm nhân quá khứ:

- 1) Vô Minh (20) là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả.
- 2) Ái (20) là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả.
- 3) Thủ (20) là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả.
- 4)
- 5) Nghiệp Lực = Hành (34) là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả.

Ba nhân hiện tại

- 1) Vatthu = Hadaya Vatthu (54) là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả.
- 2) Đối tượng [Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)] là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả.
- 3) (i) Nhãn Xúc (Cakkhusamphassa) (8) là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả
(ii) Ý Xúc Tiếp Thọ (Sampaticchana Manosamphassa) (11- vedanā = 10) là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả.

Sampaticchana Saññākkhandhā (Tuởng Uẩn Tiếp Thọ)

Các nhân tương tự như ở Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā). Riêng:

- 3) (i) Nhãn Xúc (Cakkhusamphassa) (8) là nhân, Tuởng Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Saññākkhandhā) là quả.
(ii) Ý Xúc Tiếp Thọ (Sampaticchana Manosamphassa) (11 - saññā = 10) là nhân, Tuởng Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Saññākkhandhā) là quả.

Sampaticchana Saṅkhārakkhandhā (Hành Uẩn Tiếp Thọ) (Cetanā – cách thứ nhất)

Các nhân quá khứ và hiện tại tương tự như của Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā). Chỉ có:

- 3) (i) Nhãn Xúc (Cakkhusamphassa) (8) là nhân, Hành Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Saṅkhārakkhandhā) là quả.
(ii) Ý Xúc Tiếp Thọ (Sampaticchana Manosamphassa) (11 - cetanā = 10) là nhân, Hành Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

Sampaticchana Saṅkhārakkhandhā (Hành Uẩn Tiếp Thọ) (8 cetasika - cách thứ hai)

Các nhân quá khứ và hiện tại tương tự như của Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā). Còn:

- 3) (i) Nhãn Xúc (Cakkhusamphassa) (8) là nhân, Hành Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Saṅkhārakkhandhā) là quả.
(ii) Ba Danh Uẩn (Nāma Khandhā) còn lại là nhân, Hành Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

Sampaticchana Viññānakkhandhā (Thức Uẩn Tiếp Thọ)

Phân biệt năm nhân quá khứ từ 1 đến 5 như ở Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā). Còn lại:

1) Nhãn Xúc (Cakkhusamphassa) (8) là nhân, Thức Uẩn Tiếp Thọ (Sampaṭicchana Viññāṇakkhandhā) là quả.

2) Danh Sắc Tiếp Thọ (Sampaṭicchana Nāma Rūpa) là nhân, Thức Uẩn Tiếp Thọ (Sampaṭicchana Viññāṇakkhandhā) là quả.

Rūpārammaṇa (Hàng Màu): Santīraṇa⁵ (Suy Xét, Suy Đặc) Pañcakkhandhā

Sắc Uẩn:

1) 54 loại sắc (Rūpa) cùng với Hadaya Vatthu (Ý Vật) của Santīraṇa và Rūpārammaṇa (Cảnh Sắc) là Sắc Uẩn (Rūpakkhanda).

2) Thọ (Vedanā) trong 12 danh pháp của Tâm Suy Xét (Nāma Dhamma Santīraṇa) là Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā).

3) Tưởng (Saññā) trong 12 danh pháp của Tâm Suy Xét (Nāma Dhamma Santīraṇa) là Tưởng Uẩn (Saññākkhandhā).

4) Tư (Cetanā) trong 12 danh pháp của Tâm Suy Xét (Nāma Dhamma Santīraṇa) là Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) (cách thứ nhất).

9 tâm sở còn lại trong 12 danh pháp của Tâm Suy Xét (Nāma Dhamma Santīraṇa) là Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) (cách thứ hai).

5) Viññāṇa (Thức) trong 12 danh pháp của Tâm Suy Xét (Nāma Dhamma Santīraṇa) là Thức Uẩn (Viññāṇakkhandhā).

Lưu ý: Nếu là Thọ Hỷ (Somanassa Vedanā) trong Suy Xét Tâm (Santīraṇa), thời có 12 danh pháp (Nāma Dhamma); vì có Hỷ (Pīti) đi kèm. Tuy nhiên, nếu đó là Thọ Xả (Upekkhā Vedanā), thời chỉ có 11 danh pháp (Nāma Dhamma); vì Hỷ (Pīti) không đi kèm. Nếu Hỷ (Pīti) đi kèm trong Tốc Hành Tâm (Javana) thời nó cũng đi kèm trong Suy Xét Tâm (Santīraṇa). Hãy phân biệt Sắc Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Rūpakkhanda) theo như cách của Sắc Uẩn Ngũ Môn Hướng (Pañcadvāravajjana Rūpakkhanda).

Santīraṇa Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Suy Xét)

Năm nhân quá khứ

1) Vô Minh (20) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.

2) Ái (20) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.

3) Thủ (20) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.

4) Hành (34) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.

5) Nghiệp Lực = Hành (34) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.

Ba nhân hiện tại

⁵ Santīraṇa (Suy Xét, Suy Đặc Tâm): là trạng thái tâm xem xét đối tượng mà tâm Tiếp Thọ vừa nhận lãnh.

1) Vatthu = Hadaya Vatthu (54) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.

2) Đối tượng [Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)] là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.

3) (i) Nhãn Xúc (Cakkhusamphassa) (8) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Tiếp Thọ (Sampaṭicchana Manosamphassa) (11 hay 10, tức 12 - vedanā = 11 hay 11 - vedanā = 10) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.

Santīraṇa Saññākkhandhā (Tưởng Uẩn Suy Xét)

Phân biệt các nhân từ 1 đến 7 như trong Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā). Còn:

3) (i) Nhãn Xúc (Cakkhusamphassa) (8) là nhân, Tưởng Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Saññākkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Tiếp Thọ (Sampaṭicchana Manosamphassa) (11) là nhân, Tưởng Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Saññākkhandhā) là quả.

(iii) Ý Xúc Suy Xét (Santīraṇa Manosamphassa) (11 hay 10, tức 12 - saññā = 11 hay 11 - saññā = 10) là nhân, Tưởng Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Saññākkhandhā) là quả.

Santīraṇa Saṅkhārakkhandhā (Hành Uẩn Suy Xét) (Cetanā - cách thứ nhất)

Phân biệt các nhân từ 1 đến 7 như trong Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā). Còn:

3) (i) Nhãn Xúc (Cakkhusamphassa) (8) là nhân, Hành Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Saṅkhārakkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Tiếp Thọ (Sampaṭicchana Manosamphassa) (11) là nhân, Hành Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Saṅkhārakkhandhā) là quả.

(iii) Ý Xúc Suy Xét (Santīraṇa Manosamphassa) (11 hay 10, tức 12 - saññā = 11 hay 11 - saññā = 10) là nhân, Hành Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Saṅkhārakkhandhā) là quả.

Santīraṇa Saṅkhārakkhandhā (Hành Uẩn Suy Xét) (9 hay 8 cetasika - cách thứ hai)

Phân biệt các nhân từ 1 đến 7 như trong Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā). Riêng:

3)(i) Nhãn Xúc (Cakkhusamphassa) (8) là nhân, Hành Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Saṅkhārakkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Tiếp Thọ (Sampaṭicchana Manosamphassa) (11) là nhân, Hành Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Saṅkhārakkhandhā) là quả.

(iii) Ba Danh Uẩn (Nāmakkhanda) còn lại là nhân, Hành Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Saṅkhārakkhandhā) là quả.

Santīraṇa Viññānakkhandhā (Thức Uẩn Suy Xét)

Phân biệt các nhân từ 1 đến 7 như trong Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā). Còn:

* (i) Nhân Xúc (Cakkhusamphassa) (8) là nhân, Thức Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Viññāṇakkhaṇḍhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Tiếp Thọ (Sampaticchana Manosamphassa) (11) là nhân, Thức Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Viññāṇakkhaṇḍhā) là quả

* Danh Sắc Suy Xét (Santīraṇa Nāma Rūpa) là nhân, Thức Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Viññāṇakkhaṇḍhā) là quả.

Ở đây Nāma chính là các tâm sở đi kèm. Nếu nó là Thọ Hỷ (Somanassa) thời 11 Danh Pháp (Nāma Dhamma); nếu nó là Thọ Xả (Upekkhā) thời 10 Danh Pháp.

‘Sắc’ ở đây là Sắc Ý Vật (Hadaya Vatthu Rūpa) cùng với 54 loại sắc và Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa).

Rūpārammaṇa (Hàng Màu): Voṭṭhabbana⁶ Pañcakkhandhā

1) 54 loại sắc vốn bao gồm Ý Vật (Hadaya Vatthu) của Voṭṭhabbana (Xác Định Tâm) và Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) là Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā).

2) Vedanā (Thọ) trong 12 Danh Pháp của Voṭṭhabbana (Xác Định Tâm) là Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā).

3) Saññā (Tuồng) trong 12 Danh Pháp của Voṭṭhabbana (Xác Định Tâm) là Tuồng Uẩn (Saññākkhandhā).

4) Cetanā (Tu) trong 12 Danh Pháp của Voṭṭhabbana (Xác Định Tâm) là Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) (cách thứ nhất).

Và 9 tâm sở còn lại trong 12 Danh Pháp của Voṭṭhabbana (Xác Định Tâm) là Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) (cách thứ hai).

5) Viññāṇa (Thức) trong 12 Danh Pháp của Voṭṭhabbana (Xác Định Tâm) là Thức Uẩn (Viññāṇakkhaṇḍhā).

[Lưu ý: Phân biệt Sắc Uẩn Xác Định (Voṭṭhabbana Rūpakkhandhā) tương tự như trong Sắc Uẩn Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana Rūpakkhandhā) vậy. Vì Voṭṭhabbana (Xác Định Tâm) không phải do các nhân quá khứ tạo ra mà chỉ là một Tâm Duy Tác (Kiriya Citta), nên không có nhân quá khứ cho bốn Danh Uẩn trong Xác Định Tâm (Voṭṭhabbana). Và vì chúng được tạo ra bởi các nhân hiện tại, nên chúng chỉ có các nhân hiện tại.]

Voṭṭhabbana Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Xác Định)

Ba nhân hiện tại:

1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (Sắc Ý Vật = 54) là nhân, Thọ Uẩn Xác Định (Voṭṭhabbana Vedanākkhandhā) là quả.

2) Đối tượng [Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)] là nhân, Thọ Uẩn Xác Định (Voṭṭhabbana Vedanākkhandhā) là quả.

3)(i) Nhân Xúc (Cakkhusamphassa) (8) là nhân, Thọ Uẩn Xác Định (Voṭṭhabbana Vedanākkhandhā) là quả.

⁶ Voṭṭhabbana (Xác Định Tâm): là trạng thái tâm xác định đối tượng tốt, xấu ...

(ii) Ý Xúc Suy Xét (Santīraṇa Manosamphassa) (12 hay 11) là nhân, Thọ Uẩn Xác Định (Voṭṭhabbana Vedanākkhandhā) là quả.

(iii) Ý Xúc Xác Định (Voṭṭhabbana Manosamphassa) (12 - Vedanā = 11) là nhân, Thọ Uẩn Xác Định (Voṭṭhabbana Vedanākkhandhā) là quả.

Voṭṭhabbana Saññākkhandhā (Tưởng Uẩn Xác Định)

Ba nhân hiện tại:

1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (54) là nhân, Tưởng Uẩn Xác Định (Voṭṭhabbana Saññākkhandhā) là quả.

2) Đối tượng [Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)] là nhân, Tưởng Uẩn Xác Định (Voṭṭhabbana Saññākkhandhā) là quả.

3)(i) Nhãn Xúc (Cakkhusamphassa) (8) là nhân, Tưởng Uẩn Xác Định (Voṭṭhabbana Saññākkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Suy Xét (Santīraṇa Manosamphassa) (12 hay 11) là nhân, Tưởng Uẩn Xác Định (Voṭṭhabbana Saññākkhandhā) là quả.

(iii) Ý Xúc Xác Định (Voṭṭhabbana Manosamphassa) (12 - saññā = 11) là nhân, Tưởng Uẩn Xác Định (Voṭṭhabbana Saññākkhandhā) là quả.

Voṭṭhabbana Saṅkhārakkhandhā (Hành Uẩn Xác Định) (Cetanā – cách thứ nhất)

Ba nhân hiện tại:

1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (54) là nhân, Hành Uẩn Xác Định (Voṭṭhabbana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

2) Đối tượng [Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)] là nhân, Hành Uẩn Xác Định (Voṭṭhabbana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

3)(i) Nhãn Xúc (Cakkhusamphassa) (8) là nhân, Hành Uẩn Xác Định (Voṭṭhabbana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Suy Xét (Santīraṇa Manosamphassa) (12 hay 11) là nhân, Hành Uẩn Xác Định (Voṭṭhabbana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

(iii) Ý Xúc Xác Định (Voṭṭhabbana Manosamphassa) (12 - Cetanā = 11) là nhân, Hành Uẩn Xác Định (Voṭṭhabbana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

Voṭṭhabbana Saṅkhārakkhandhā (9 cetasika - cách thứ hai)

Ba nhân hiện tại:

1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (Sắc Ý Vật = 54) là nhân, Hành Uẩn Xác Định (Voṭṭhabbana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

2) Đối tượng [Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)] là nhân, Hành Uẩn Xác Định (Voṭṭhabbana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

3)(i) Nhãn Xúc (Cakkhusamphassa) (8) là nhân, Hành Uẩn Xác Định (Voṭṭhabbana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Suy Xét (Santīraṇa Manosamphassa) (12 hay 11) là nhân, Hành Uẩn Xác Định (Voṭṭhabbana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

(iii) Ba Danh Uẩn còn lại là nhân, Hành Uẩn Xác Định (Voṭṭhabbana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

Votṭhabbana Viññānakkhandhā (Thứ Uẩn Xác Định)

Hai nhân hiện tại:

1)(i) Nhãn Xúc (Cakkhusamphassa) (8) là nhân, Thứ Uẩn Xác Định (Voṭṭhabbana Viññānakkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Suy Xét (Santīraṇa Manosamphassa) (12 hay 11) là nhân, Thứ Uẩn Xác Định (Voṭṭhabbana Viññānakkhandhā) là quả.

2) Danh Sắc Xác Định (Voṭṭhabbana Nāma Rūpa) là nhân, Thứ Uẩn Xác Định (Voṭṭhabbana Viññānakkhandhā) là quả.

Ở đây, ‘Nāma’ là 11 tâm sở (cetasika) đi kèm với Voṭṭhabbana.

‘Rūpa’ = Hadaya Vatthu Rūpa (Sắc Ý Vật) cùng với 54 loại sắc và Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa).

Javanapatipādaka Manasikāra (Tác Ý Kể Như Nhân Căn Bản Cho Tốc Hành Tâm)

Nếu sự xác định của Voṭṭhabbana trên đối tượng là thuộc loại: ‘khả ái (iṭṭha)’ hay ‘không khả ái (aniṭṭha)’... thời - do là Phi Như Lý Tác Ý (Ayoniso Manasikāra) - Tốc Hành Tâm Bất Thiện (Akusala Javana) sẽ khởi lên hợp theo đó. Tuy nhiên, Voṭṭhabbana trong Tiến Trình Ngũ Môn (Pañcadvāra Vīthi) thực sự ra không thể xác định đối tượng đó là khả ái, không khả ái, hay thường, lạc, ngã, tịnh... (iṭṭha, aniṭṭha, nicca, sukha, atta, subha...). Mà sau khi đã xác định trên đối tượng kể như khả ái, không khả ái, thường, lạc, ngã, tịnh... nhiều lần bằng các Tiến Trình Ý Môn (Manodvāra Vīthi) đi trước, rồi — do sự sanh khởi của các Tiến Trình Ngũ Môn (Pañcadvāra Vīthi) theo sau được hỗ trợ bởi các Tiến Trình Ý Môn (Manodvāra Vīthi) đi trước bằng sức mạnh của Thân Y Duyên (Upanissaya paccayasatti)⁷ — Voṭṭhabbana bao gồm trong những Tiến Trình Ngũ Môn (Pañcadvāra Vīthi) theo sau đó mới khởi lên như thể đang quyết định đối tượng đó là khả ái, không khả ái, thường, lạc, ngã, tịnh... mà thôi. Đây là Phi Như Lý Tác Ý (Ayoniso Manasikāra). Với Phi Như Lý Tác Ý đó như nhân căn bản, Tốc Hành Tâm Bất Thiện (Akusala Javana) liền sanh khởi theo sau Xác Định Tâm (Voṭṭhabbana) ấy. Hơn nữa, nếu sự xác định của Xác Định Tâm (cho đối tượng đó) là thuộc loại Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) mà ở đây là màu hay Sắc Cảnh Sắc..., thời - vì nó là Như Lý Tác Ý (Yoniso Manasikāra), Tốc Hành Tâm Thiện (Kusala Javana) sẽ khởi lên tiếp theo sau Xác Định Tâm đó. Trong trường hợp này cũng vậy, Xác Định Tâm (Voṭṭhabbana) được gọi là **Tác Ý Kể Như Nhân Căn Bản Cho Tốc Hành Tâm**. (Abhidhamma Commentary Vol.1-p 177 bản tiếng Miến). Ở đây sự phân biệt trong các Tốc Hành Tâm Thiện (Kusala Javana), sau khi đã liên kết các mối tương quan nhân quả, vốn có Như Lý Tác Ý (Yoniso Manasikāra) kể như nhân căn bản sẽ được trình bày trước.

(Đoạn giải thích trên được trích từ cuốn sách hướng dẫn mới trong khi đoạn giải thích sau đây được trích từ cuốn cũ dưới cùng tiêu đề)

⁷Upanissaya paccayo, Thân Y Duyên, là sự trợ giúp bằng cách nương nhờ.

Nếu sự xác định của Voṭṭhabbana quyết định nó là ‘thường, lạc, ngã, tịnh,...’, thời — do là Ayoniso Manasikāra (Phi Như Lý Tác Ý) nên Tốc Hành Tâm Bất Thiện sẽ khởi lên theo sau Voṭṭhabbana ấy. Nếu sự xác định của Voṭṭhabbana quyết định nó là Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa: Màu...), thời, do là Như Lý Tác Ý (Yoniso Manasikāra), nên Tốc Hành Tâm Thiện sẽ khởi lên theo sau Voṭṭhabbana đó. Bởi lẽ ấy, Voṭṭhabbana được gọi là **Tác Ý Kể Như Nhân Căn Bản Cho Tốc Hành Tâm (Javana Paṭipādaka Manasikāra)**. Sự phân biệt trong Tốc Hành Tâm Thiện, sau khi đã liên kết các mối tương quan nhân quả, vốn có nhân căn bản là Như Lý Tác Ý (Yoniso Manasikāra) sẽ được trình bày trước.

Rūpārammaṇa (Hàng Màu): Kusala 1st Javana Pañcakkhandhā

1) 54 loại sắc bao gồm Hadaya Vatthu (Ý Vật) của Tốc Hành Tâm thứ nhất, và Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) là Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā).

2) Thọ (Vedanā) trong 34 Danh Pháp (Nāma Dhamma) của Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana) là Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā).

3) Tưởng (Saññā) trong 34 Danh Pháp (Nāma Dhamma) của Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana) là Tưởng Uẩn (Saññākkhandhā).

4) Tư (Cetanā) trong 34 Danh Pháp (Nāma Dhamma) của Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana) là Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) (cách thứ nhất) .

31 tâm sở còn lại trong 34 Danh Pháp (Nāma Dhamma) của Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana) là Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) (cách thứ hai).

5) Thức (Viññāṇa) trong 34 Danh Pháp (Nāma Dhamma) của Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana) là Thức Uẩn (Viññāṇakkhandhā).

Lưu ý: Phân biệt Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā) trong Tốc Hành Tâm Thiện thứ nhất (1st Javana) như trong Sắc Uẩn Ý Môn Hướng (Manodvārāvajjana Rūpakkhandhā). Vì các Danh Pháp Tốc Hành (Javana Nāma Dhamma) không phải do các nhân quá khứ tạo ra mà là được tạo ra bởi các nhân hiện tại, do đó trong Javana Nāma Dhamma không có các nhân quá khứ; chỉ có các nhân hiện tại hiện hữu mà thôi.

Mahākusala 1st Javana Vedanākkhandhā

Bốn nhân hiện tại:

1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (54) là nhân, Thọ Uẩn trong Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Vedanākkhandhā) là quả.

2) Đối tượng [Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)] là nhân, Thọ Uẩn trong Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Vedanākkhandhā) là quả.

3) (i) Nhãn Xúc (Cakkhusamphassa) (8) là nhân, Thọ Uẩn trong Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Vedanākkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Trong Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Manosamphassa) (34 - vedanā = 33) là nhân, Thọ Uẩn trong Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Vedanākkhandhā) là quả.

4) Như Lý Tác Ý (Yoniso Manasikāra) (= Voṭṭhabbana = 12) là nhân, Thọ Uẩn trong Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Vedanākkhandhā) là quả.

Mahākusala 1st Javana Saññākkhandhā

Bốn nhân hiện tại:

1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (54) là nhân, Tưởng Uẩn trong Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Saññākkhandhā) là quả.

2) Đối tượng [Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)] là nhân, Tưởng Uẩn trong Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Saññākkhandhā) là quả.

3)(i) Nhãn Xúc (Cakkhusamphassa) (8) là nhân, Tưởng Uẩn trong Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Saññākkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Trong Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Manosamphassa) (34 - saññā = 33) là nhân, Tưởng Uẩn trong Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Saññākkhandhā) là quả.

4) Như Lý Tác Ý (Yoniso Manasikāra) (= Voṭṭhabbana = 12) là nhân, Tưởng Uẩn trong Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Saññākkhandhā) là quả.

Mahākusala 1st Javana Saṅkhārakkhandhā (cetanā - cách thứ nhất)

Bốn nhân hiện tại:

1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (54) là nhân, Hành Uẩn trong Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

2) Đối tượng [Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)] là nhân, Hành Uẩn trong Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

3)(i) Nhãn Xúc (Cakkhusamphassa) (8) là nhân, Hành Uẩn trong Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Trong Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Manosamphassa) (34 – Cetanā = 33) là nhân, Hành Uẩn trong Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

4) Như Lý Tác Ý (Yoniso Manasikāra) (= Voṭṭhabbana = 12) là nhân, Hành Uẩn trong Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

Mahākusala 1st Javana Saṅkhārakkhandhā (31 cetasika - cách thứ hai)

Bốn nhân hiện tại:

1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (54) là nhân, Hành Uẩn trong Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

2) Đối tượng [Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)] là nhân, Hành Uẩn trong Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

3)(i) Nhãn Xúc (Cakkhusamphassa) (8) là nhân, Hành Uẩn trong Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

(ii) Ba Danh Uẩn còn lại là nhân, Hành Uẩn trong Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

4) Như Lý Tác Ý (Yoniso Manasikāra) (= Voṭṭhabbana = 12) là nhân, Hành Uẩn trong Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

Mahākusala 1st Javana Viññānakkhandhā

1) Nhãn Xúc (Cakkhusamphassa) (8) là nhân, Thức Uẩn trong Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Viññānakkhandhā) là quả.

2) Nāma Rūpa là nhân, Thức Uẩn trong Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Viññānakkhandhā) là quả.

3) Như Lý Tác Ý (Yoniso Manasikāra) (= Voṭṭhabbana = 12) là nhân, Thức Uẩn trong Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Viññānakkhandhā) là quả.

‘Nāma’ gồm 33 tâm sở đi kèm;

‘Rūpa’ ở đây là 54 loại sắc bao gồm Sắc Ý Vật (Hadaya Vatthu Rūpa) và Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa).

Lưu ý: Nếu có Thọ Xả (Upekkhā Vedanā) trong Tốc Hành Tâm thời Hỷ (Pīti) không được kể trong đó; như vậy trừ Hỷ (Pīti) ra khỏi 34 Nāma trên, tùy trường hợp. Nếu không có Trí (Ñāṇa), thời trừ Trí (Ñāṇa). Nếu cả Trí (Ñāṇa) và Hỷ (Pīti) đều không bao gồm, thời trừ cả hai. Ngoài trừ Vedanā – Saññā – Viññāṇa (Thọ - Tưởng - Thức) ra, các tâm sở còn lại, dù còn ít hay nhiều, được gọi là Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā). Còn về Tốc Hành Tâm thứ hai (2nd Javana) – như Đức Phật đã dạy' trong Paṭṭhāna rằng: "Purimā purimā kusalā dhammā pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ anantara paccayena paccayo..." (Paṭṭhāna Vol. 1 –p.3 bản tiếng Miến) — Tốc Hành Tâm đi trước là Vô Gian Duyên (Anantara) của Tốc Hành Tâm theo sau. Nói cách khác, "Yesaṃ yesaṃ dhammānaṃ ye ye dhammā uppajjanti cīnta - cetasikā dhammā, te te dhammā tesāṃ dhammānaṃ anantarapaccayena paccayo" (Paṭṭhāna – Vol.1- p3 bản tiếng Miến). Theo lời dạy này: Tâm (Citta) đi trước [ở đây phải hiểu là nhóm Danh Pháp (Nāma Dhamma) đi trước] là Vô Gian (Anantara) nhân của tâm đi sau (tức nhóm Danh Pháp theo sau). Hành giả cũng phải phân biệt Vô Gian Nhân trong Tốc Hành Tâm thứ hai (2nd Javana)... và các Đăng Ký Tâm (Tadāmbana – còn gọi Thập Di, hay Tâm Mót). Nếu sự tình là như vậy, người ta có thể hỏi: “Không có Vô Gian Nhân cho Tốc Hành Tâm thứ nhất sao?”. Có. Xác Định Tâm (Voṭṭhabbana) là Vô Gian Nhân cho Tốc Hành Tâm thứ nhất. Tuy nhiên, vì trong trường hợp này Xác Định Tâm (Voṭṭhabbana) được gọi là Như Lý Tác Ý (Yoniso Manasikāra), nên nó không cần phải được nhắc lại nữa. Sau đây chỉ Thọ Uẩn thuộc Tốc Hành Đại Thiện Tâm thứ hai sẽ được trình bày như một ví dụ. Đối với các Danh Uẩn và những Tốc Hành Tâm còn lại, cũng như Đăng Ký Tâm (Tadāmbana) hãy phân biệt dựa trên phương pháp này. Đừng quên rằng chỉ phân biệt sau khi đã tập hợp vào Năm Uẩn trong mỗi sát-na Tốc Hành Tâm, cũng như trong mỗi sát-na Đăng Ký Tâm (Tadāmbana).

Mahākusala 2nd Javana Vedanākkhandhā

Bốn nhân hiện tại:

1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (54) là nhân, Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā) là quả.

2) Đối tượng [Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)] là nhân, Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā) là quả.

3) (i) Nhãn Xúc (Cakkhusamphassa) (8) là nhân, Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc trong Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Manosamphassa) (34) là nhân, Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā) là quả.

(iii) Ý Xúc trong Tốc Hành Tâm thứ hai (2nd Javana Manosamphassa) (34 – vedanā = 33) là nhân, Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā) là quả.

4) Như Lý Tác Ý (Yoniso Manasikāra) (=Votṭhabbana = 12) là nhân, Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā) là quả.

Cần hiểu rằng, trong phần (ii) của số 3) ở trên:

1) Vô Gian Nhân (Anantara) trong Tốc Hành Tâm thứ ba (3rd Javana) là Tốc Hành Tâm thứ hai (2nd Javana).

2) Vô Gian Nhân (Anantara) trong Tốc Hành Tâm thứ tư (4th Javana) là Tốc Hành Tâm thứ ba (3rd Javana).

3) Vô Gian Nhân (Anantara) trong Tốc Hành Tâm thứ năm (5th Javana) là Tốc Hành Tâm thứ tư (4th Javana).

4) Vô Gian Nhân (Anantara) trong Tốc Hành Tâm thứ sáu (6th Javana) là Tốc Hành Tâm thứ năm (5th Javana).

5) Vô Gian Nhân (Anantara) trong Tốc Hành Tâm thứ bảy (7th Javana) là Tốc Hành Tâm thứ sáu (6th Javana).

6) Vô Gian Nhân (Anantara) trong Đăng Ký Tâm thứ nhất (1st Tadālabana) là Tốc Hành Tâm thứ bảy (7th Javana).

7) Vô Gian Nhân (Anantara) trong trong Đăng Ký Tâm thứ hai (2nd Tadālabana) là Đăng Ký Tâm thứ nhất (1st Tadālabana).

Rūpārammana (Màu): Tadālabana Pañcakkhandhā (Năm Uẩn trong Đăng Ký Tâm)

1) 54 loại sắc bao gồm Hadaya Vatthu (Ý Vật) của Đăng Ký Tâm hay Thập Di Tâm (Tadālabana) và Cảnh Sắc (Rūpārammana) là Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā).

2) Thọ (Vedanā) trong 34 Danh Pháp của Đăng Ký Đại Quả Tâm (Mahā Vipāka Tadālabana 34 Nāma Dhamma) là Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā).

3) Tưởng (Saññā) trong 34 Danh Pháp của Đăng Ký Đại Quả Tâm (Mahā Vipāka Tadālabana 34 Nāma Dhamma) là Tưởng Uẩn (Saññākkhandhā).

4) Tư (Cetanā) trong 34 Danh Pháp của Đăng Ký Đại Quả Tâm (Mahā Vipāka Tadālabana 34 Nāma Dhamma) là Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) (cách thứ nhất).

31 tâm sở (Cetasika) còn lại trong 34 Danh Pháp của Đăng Ký Đại Quả Tâm (Mahā Vipāka Tadālabana 34 Nāma Dhamma) là Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) (cách thứ hai).

5) Viññāṇa (Thức) trong 34 Danh Pháp của Đăng Ký Đại Quả Tâm (Mahā Vipāka Tadālabana 34 Nāma Dhamma) là Thức Uẩn (Viññāṇakkhandhā).

Ở đây cũng vậy, hãy phân biệt Sắc Uẩn Đăng Ký Tâm (Tadālabana Rūpakkhandhā) tương tự như cách Sắc Uẩn Ý Môn Hướng (Manodvāravajjana Rūpakkhandhā)

Mahā Vipāka 1st Tadālabana Vedanākkhandhā

Năm nhân quả khứ:

1) Vô Minh (20) là nhân, Thọ Uẩn Đăng Ký Tâm thứ nhất (1st Tadālabana Vedanākkhandhā) là quả.

2) Ái (20) là nhân, Thọ Uẩn Đăng Ký Tâm thứ nhất (1st Tadālabana Vedanākkhandhā) là quả.

3) Thủ (20) là nhân, Thọ Uẩn Đăng Ký Tâm thứ nhất (1st Tadālabana Vedanākkhandhā) là quả.

4) Hành (34) là nhân, Thọ Uẩn Đăng Ký Tâm thứ nhất (1st Tadālabana Vedanākkhandhā) là quả.

5) Nghiệp Lực = Hành (34) là nhân, Thọ Uẩn Đăng Ký Tâm thứ nhất (1st Tadālabana Vedanākkhandhā) là quả.

Ba nhân hiện tại:

1) Vatthu = Hadaya Vatthu (Ý Vật) (54) là nhân, Thọ Uẩn Đăng Ký Tâm thứ nhất (1st Tadālabana Vedanākkhandhā) là quả.

2) Đối tượng [Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)] là nhân, Thọ Uẩn Đăng Ký Tâm thứ nhất (1st Tadālabana Vedanākkhandhā) là quả.

3) (i) Nhãn Xúc (Cakkhusamphassa) (8) là nhân, Thọ Uẩn Đăng Ký Tâm thứ nhất (1st Tadālabana Vedanākkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc trong Tốc Hành Tâm thứ bảy (7th Javana Manosamphassa) (34) là nhân, Thọ Uẩn Đăng Ký Tâm thứ nhất (1st Tadālabana Vedanākkhandhā) là quả.

(iii) Ý Xúc trong Đăng Ký Tâm thứ nhất (1st Tadālabana Manosamphassa) (34 - Vedanā = 33) là nhân, Thọ Uẩn Đăng Ký Tâm thứ nhất (1st Tadālabana Vedanākkhandhā) là quả.

Đối với các Danh Uẩn còn lại, sự phân biệt cũng tương tự như Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā) ngoại trừ những khác biệt sau:

Trong [số 3] (iii)] Tưởng Uẩn của Đăng Ký Tâm thứ nhất (1st Tadālabana Saññākkhandhā), nhân của nó là Ý Xúc trong Đăng Ký Tâm thứ nhất (1st Tadālabana Manosamphassa) (34 - Saññā = 33).

Trong [số 3] (iii)] Hành Uẩn của Đăng Ký Tâm thứ nhất (1st Tadālabana Saṅkhāraakkhandhā), nhân của nó là Ý Xúc trong Đăng Ký Tâm thứ nhất (1st Tadālabana Manosamphassa) (34 - Cetanā = 33).

Trong [số 3] (iii)] Hành Uẩn của Đăng Ký Tâm thứ nhất (1st Tadālabana Saṅkhāraakkhandhā), nhân của nó là ba Danh Uẩn còn lại (Vedanā, Saññā, Viññāṇa).

Mahā Vipāka 1st Tadālabana Viññānakkhandhā

Phân biệt các nhân từ 1 đến 5 như trong Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā)

6) (i) Nhãn Xúc (Cakkhusamphassa) (8) là nhân, Thức Uẩn của Đăng Ký Tâm thứ nhất (1st Tadālabana Viññānakkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc trong Tốc Hành Tâm thứ 7 (7th Javana Manosamphassa) (34) là nhân, Thức Uẩn của Đăng Ký Tâm thứ nhất (1st Tadālabana Viññānakkhandhā) là quả.

7) Danh Sắc của Đăng Ký Tâm thứ nhất (1st Tadāmbana Nāma Rūpa) là nhân, Thức Uẩn của Đăng Ký Tâm thứ nhất (1st Tadāmbana Viññāṅkhandhā) là quả.

‘Nāma’ ở đây là 33 tâm sở đi kèm

‘Rūpa’ là Hadaya Vatthu Rūpa (Sắc Ý Vật) cùng với 54 loại sắc và Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)

Nếu Đăng Ký Đại Quả Tâm (Mahā Vipāka Tadāmbana) thuộc về Thọ Xả (Upekkhā Vedanā) thời Hỷ (Pīti) không bao gồm, do vậy còn 33 Danh Pháp (Nāmadhamma). Nếu nó không đi kèm với Trí (Ñāṇa), thời do Trí không có mặt nên nó cũng là 33 Danh Pháp (Nāmadhamma). Nếu cả Trí và Hỷ đều không đi kèm thì nó là 32 Danh Pháp. Như vậy số lượng tâm sở đi kèm (Cetasika) khác nhau là tùy theo tâm đó thuộc thọ Hỷ (Somanasa) hay Xả (Upekkhā) hoặc tùy theo tâm đó có hợp với trí (Ñāṇasampayutta - Tương Ứng Trí) hay không hợp với trí (Ñāṇavippayutta - Bất Tương Ứng Trí). Trong Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) cách thứ hai số lượng của tâm sở có thể tăng hay giảm, tùy theo. Nếu Đăng Ký Tâm (Tadāmbana) đó là **Ahetuka Kusala Vipāka Upekkhāsantīraṇā Tadāmbana** (Tâm Đăng Ký Quan Sát Thọ Xả Quả Thiện Vô Nhân), thời có 11 Danh Pháp (Nāma Dhamma). Nếu đó là một tâm Đăng Ký Vô Nhân (Ahetuka Tadāmbana) thời số lượng của tâm sở trong Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) cách thứ hai có thể thay đổi. Hãy phân biệt dựa trên phương pháp này. Vì Vô Gian Nhân (Anantara) của Tadāmbana thứ hai là Tadāmbana thứ nhất, nên trong Ý Xúc (Manosamphasa) vốn là nhân số 3) (ii), số lượng của các Danh Pháp (Nāma Dhamma) có thể tùy theo, như 34 hoặc 33, hay 33 hoặc 32, hay 12 hoặc 11, hay 11. Hãy ghi nhớ trong tâm và phân biệt dựa trên phương pháp này.

Tiền Trình Ý Môn Lấy Cảnh Sắc Làm Đối tượng (Rūpārammaṇa Manodvāra Vīthi)

Phương pháp phân biệt những mối tương quan nhân quả trong Năm Uẩn của từng sát-na tâm trong Tiền Trình Nhãn Môn Tốc Hành Thiện (Kusala Javana Cakkhudvāra Vīthi) sẽ được trình bày như một ví dụ ở đây. Dựa trên phương pháp này hành giả có thể phân biệt các nhân và quả trong các nhóm danh pháp thuộc Tiền Trình Nhãn Môn Tốc Hành Thiện (Kusala Javana Cakkhudvāra Vīthi Nāma Dhamma) theo cách tương tự. Kế tiếp, theo sau Tiền Trình Nhãn Môn (Cakkhudvāra Vīthi), khi các Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) đã khởi lên ở giữa, các Tiền Trình Tâm Ý Môn (Manodvāra Vīthi) vốn bắt lấy Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) làm đối tượng, khởi lên. Trong trường hợp này, phân biệt Năm Uẩn Hữu Phần (Bhavaṅga Pañcakkhandhā) y như cách phân biệt Năm Uẩn Hữu Phần đã đề cập trước đây. Chỉ Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā) của Ý Môn Hướng (Manodvāravajjana) và Tốc Hành Tâm (Javana) sẽ được trình bày thêm như một ví dụ ở đây. Tập hợp của Năm Uẩn trong Ý Môn Hướng (Manodvāravajjana) cũng tương tự như tập hợp của Năm Uẩn trong Xác Định Tâm (Voṭṭhabbana). Tập hợp của Năm Uẩn trong Tốc Hành Tâm (Javana) và Đăng Ký Tâm (Tadāmbana) cũng tương tự như tập hợp của Năm Uẩn trong Tốc Hành Của Tiền Trình Nhãn Môn (Cakkhudvāra Vīthi Javana) và Đăng Ký Tâm (Tadāmbana).

Manodvārāvajjana Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Ý Môn)

Ba nhân hiện tại:

1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (54) là nhân, Thọ Uẩn Ý Môn (Manodvārāvajjana Vedanākkhandhā) là quả.

2) Đối tượng [Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)] là nhân, Thọ Uẩn Ý Môn (Manodvārāvajjana Vedanākkhandhā) là quả.

3)(i) Nhãn Xúc (Cakkhusamphasa) (8) là nhân, Thọ Uẩn Ý Môn (Manodvārāvajjana Vedanākkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Hữu Phần (Bhavaṅga Manosamphassa) (34) là nhân, Thọ Uẩn Ý Môn (Manodvārāvajjana Vedanākkhandhā) là quả.

(iii) Ý Xúc Ý Môn Hướng (Manodvārāvajjana Manosamphassa) (12 - vedanā = 11) là nhân, Thọ Uẩn Ý Môn (Manodvārāvajjana Vedanākkhandhā) là quả.

Mahā Kusala 1st Javana Vedanākkhandhā

Bốn nhân hiện tại

1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (54) là nhân, 1st Javana Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ nhất) là quả.

2) Đối tượng [Rūpārammaṇa (Cảnh Sắc)] là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Vedanākkhandhā) là quả.

3) (i) Nhãn Xúc (Cakkhusamphasa) (8) là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Vedanākkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Hữu Phần (Bhavaṅga Manosamphassa) (34) là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Vedanākkhandhā) là quả.

(iii) Ý Xúc Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Manosamphassa) (34 - vedanā = 33) là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Vedanākkhandhā) là quả.

4) Như Lý Tác Ý (Yoniso Manasikāra) (= Voṭṭhabbana = 12) là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Vedanākkhandhā) là quả.

Mahā Kusala 2nd Javana Vedanākkhandhā

Bốn nhân hiện tại:

1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (54) là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ hai (2nd Javana Vedanākkhandhā) là quả.

2) Đối tượng [Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)] là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ hai (2nd Javana Vedanākkhandhā) là quả.

3) (i) Nhãn Xúc (Cakkhusamphasa) (8) là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ hai (2nd Javana Vedanākkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Hữu Phần (Bhavaṅga Manosamphassa) (34) là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ hai (2nd Javana Vedanākkhandhā) là quả.

(iii) Ý Xúc Tốc Hành thứ nhất (1st Javana Manosamphassa) (34) là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ hai (2nd Javana Vedanākkhandhā) là quả.

(iv) Ý Xúc Tốc Hành Tâm thứ hai (2nd Javana Manosamphassa) (34 - Vedanā = 33) là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ hai (2nd Javana Vedanākkhandhā) là quả.

4) Như Lý Tác Ý (Yoniso Manasikāra) (= Voṭṭhabbana = 12) là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ hai (2nd Javana Vedanākkhandhā) là quả.

Phân biệt các Uẩn (Khandhā) còn lại cũng như các Tốc Hành Tâm (Javana) và Đăng Ký Tâm (Tadālabana) còn lại dựa trên phương pháp này. Có lẽ đến đây hành giả đã hiểu cách phân biệt này rồi.

Giải Thích

Yampidaṃ cakkhusamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukhaṃ vā adukkhamasukhaṃ va (Sapaṃpayutta Nikāya – Vol.2 p. 248 bản tiếng Miến).

Cakkhusamphassapaccayā uppajjhāti vedayitanti cakkhusamphassaṃ mūlapaccayaṃ katvā uppannā sampaticchana-santīraṇa-votthabbana-javanavedanā. Cakkhuvīññāṇasampayuttāya pana vattabbameva natthi. Sotadvārādivedanāpaccayādīsupi eseva nayo (Sapaṃpayutta Comentary-Vol.3 p.5)

Yampidaṃ manosamphassapaccayā uppajjati vedayitaṃ sukhaṃ vā dukhaṃ vā adukkhamasukhaṃ vā (Sapaṃpayutta Nikāya – Vol.2 p. 248 bản tiếng Miến).

Manosamphassoti bhavaṅgasahajāto samphasso. Vedayitanti javanasahajātā vedanā. Sahāvajjanena bhavaṅgasahajātāpi vaṭṭati yeva...

Yamidaṃ (= yampidaṃ) cakkhuphassapaccayā uppajjati vedanāgataṃ saññāgataṃ saṅkhāragataṃ Viññāgataṃ (Majjhimā Nikāya – Vol.3 p. 325 bản tiếng Miến)

Yampidaṃ manosamphassapaccayā uppajjati vedanāgataṃ saññāgataṃ saṅkhāragataṃ viññāgataṃ (Majjhimā Nikāya – Vol.3 p. 326 bản tiếng Miến).

Sahāvajjanavedanāya pana vedanāya gahaṇe vattabbameva natthi (Sapaṃpayutta Subcomplementary Tika-Vol.2 p. 286)

Hợp theo đoạn Kinh Pāli cũng như Chú Giải và Phụ Chú Giải trên thì các Thọ (Vedanā) của Nhân Thức Tâm (Cakkhu Viññāṇa), Tiếp Thọ Tâm (Sampaticchana), Suy Xét Tâm (Santīraṇa), Xác Định Tâm (Voṭṭhabbana), Tốc Hành Tâm (Javana) và Đăng Ký Tâm (Tadālabana) sanh khởi có Nhân Xúc (Cakkhusamphasa) kể như nhân căn bản là **Thọ Duyên Nhân Xúc (Cakkhusamphasapaccayā Vedanā)**. Theo bản kinh trên, Nhân Xúc (Cakkhusamphasa) không chỉ tạo ra Thọ (Vedanā) mà cả bốn Danh Uẩn: Thọ (Vedanā), Tưởng (Saññā), Hành (Saṅkhāra) và Thức (Viññāṇa) — Yamidaṃ = (yampidaṃ) cakkhuphassapaccayā uppajjati vedanāgataṃ saññāgataṃ saṅkhāragataṃ Viññāgataṃ. Do đó, hãy lưu ý rằng Nhân Xúc (Cakkhusamphasa) đi kèm Nhân Thức (Cakkhu Viññāṇa) hỗ trợ nhờ vậy bốn Danh Uẩn của mỗi tâm tương ứng - Nhân Thức Tâm (Cakkhu Viññāṇa), Tiếp Thọ Tâm (Sampaticchana), Suy Xét Tâm (Santīraṇa), Xác Định Tâm (Voṭṭhabbana), Tốc Hành Tâm (Javana) và Đăng Ký Tâm (Tadālabana) sanh khởi. Mặc dù Chú Giải đề cập rằng Nhân Xúc (Cakkhusamphasa) hỗ trợ các Danh Pháp (Nāma Dhamma) do Nhân Xúc tạo ra và nó chỉ hỗ trợ cùng tiến trình, đó là Tiến Trình Nhân Môn (Cakkhudvāra Vīthi), song Chú Giải cũng không bác rằng — “Cakkhusamphassapaccayā vedanākkhandho atthi anupādinna anupādāniyo asaṃkiliṭṭha asaṃkilesiko avitakka avicāro” — Nhân Xúc hỗ trợ tiến trình khác (như Tiến Trình Ý Môn [Manodvāra Vīthi]) vốn tiếp tục bắt lấy Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) như là đối tượng. Vì sự hỗ trợ của Nhân Xúc (Cakkhusamphasa) cho nhóm Danh Pháp (Nāma Dhamma) trong cùng tiến trình (Tiến Trình Nhân Môn [Cakkhudvāra Vīthi]) là tất nhiên. Chú Giải cũng đề cập rằng Nhân Xúc (Cakkhusamphasa) hỗ trợ cho nhóm danh pháp Tiến Trình Ý Môn (Manodvāra Vīthi Nāma Dhamma group) nữa (Mūla Tika - Vol 2, p.30). Việc

ngiên cứu trên các thiên sinh sẽ hỗ trợ cho sự giải thích của Phụ Chú Giải. Hãy lưu ý rằng điều này cũng tương tự đối với Nhĩ Xúc (Sotasamphassa), đó là Nhĩ Xúc hỗ trợ cho cả Tiến Trình Nhĩ Môn (Sotadvāra Vīthi) và Tiến Trình Ý Môn (Manodvāra Vīthi) vốn bắt lấy Cảnh Thanh hay Thanh Trần (Saddārammaṇa) làm đối tượng.

Ý Xúc (Manosamphassa): Xúc (Phassa) đi kèm với Hữu Phần (Bhavaṅga) gần Ý Môn Hưởng (Manodvārāvajjana) và hỗ trợ cho Ý Môn Hưởng bằng sức mạnh của Vô Gián (Anantara Satti) là Ý Xúc. Ý Xúc này cũng hỗ trợ để cho nhóm danh pháp trong Tiến Trình Ý Môn (Manodvāra Vīthi Nāma Dhamma), vốn là - Ý Môn Hưởng Tâm (Manodvārāvajjana) – Tốc Hành Tâm (Javana) – Đăng Ký Tâm (Tadālabana) khởi lên. Nếu đó là Tiến Trình An chỉ (Appanā Vīthi), Ý Xúc hỗ trợ để cho Ý Môn Hưởng (Manodvārāvajjana) và Tốc Hành Cận Định (Javana) cũng như An Chỉ Định (Appanā Javana) khởi lên. Do đó, nó được trình bày như, Nhãn Xúc (Cakkhusamphassa), Ý Xúc Hữu Phần (Bhavaṅga Manosamphassa) và Ý Xúc Tương Ứng (Sampayutta Manosamphassa) hỗ trợ nhóm danh pháp Tiến Trình Ý Môn (Manodvāra Vīthi Nāma Dhamma) vốn bắt Lấy Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) làm đối tượng. Trong Tốc Hành Tâm thứ hai (2nd Javana)..., các nhân Ý Xúc Vô Gián (Anantara Manosamphassa) được thêm vào.

Trường hợp như vậy, hãy phân biệt các nhân và các quả, sau khi đã thấy bằng trí tuệ những mối tương quan nhân quả giữa các nhân và các quả trong Nhãn Xúc (Cakkhusamphassa), Ý Xúc Vô Gián (Anantara Manosamphassa) và Ý Xúc Tương Ứng Đồng Sanh (Sahajāta Sampayutta Manosamphassa) hỗ trợ các Danh Uẩn (Nāma Khandhā) thích hợp; cũng như trong sự hỗ trợ các nhóm Danh Pháp Ý Môn (Manodvārika Nāma Dhamma) vốn bắt Lấy Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) như đối tượng, bằng Nhãn Xúc (Cakkhusamphassa), Ý Xúc Hữu Phần (Bhavaṅga Manosamphassa), Ý Xúc Vô Gián (Anantara Manosamphassa) và Ý Xúc Tương Ứng Đồng Sanh (Sahajāta Sampayutta Manosamphassa).

Đến đây, sự phân biệt các nhân và các quả bằng phương pháp Năm Uẩn (Pañcakkhandhā) trong mỗi sát-na tâm của các Tiến Trình Tốc Hành Tâm Bất Thiện qua Nhãn Môn và Ý Môn (Cakkhudvāra Akusala Javana Vīthi và Manodvāra Akusala Javana Vīthi) vốn bắt Lấy Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) làm đối tượng sẽ được trình bày.

Rūparammaṇa (Hàng Màu): Akusala Javana Vīthi

Trong các Tiến Trình Tốc Hành Tâm Bất Thiện của Nhãn Môn và Ý Môn (Cakkhudvāra Akusala Javana Vīthi và Manodvāra Akusala Javana Vīthi) vốn bắt Lấy Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) làm đối tượng, sự phân biệt các tâm Ngũ Môn Hưởng (Pañcadvārāvajjana), Nhãn Thức (Cakkhu Viññāṇa), Tiếp Thọ (Sampāṭicchana), Suy Xét (Santīraṇa), Xác Định (Voṭṭhabbana), Đăng Ký (Tadālabana), Hữu Phần (Bhavaṅga), Ý Môn Hưởng (Manodvārāvajjana)... gần giống với sự phân biệt các Tiến Trình Tốc Hành Tâm Thiện (Kusala Javana Vīthi). Vì chỉ có một ít sự khác biệt trong Tốc Hành Tâm (Javana) mà thôi, ở đây nhóm 20 Danh Pháp (Nāma Dhamma) Tham - Tà Kiến (Lobha - Ditṭhi) sẽ được trình bày như một ví dụ. Trong nhóm Danh Pháp Tốc Hành Tâm Bất Thiện (Akusala Javana Nāma Dhamma), giống như nhóm Danh Pháp Tốc Hành Tâm Thiện (Kusala Javana Nāma Dhamma), chúng không có nhân quá khứ mà chỉ có các nhân hiện tại mà thôi.

Rūparammaṇa (Hàng Màu): Lobha - Ditṭhi (Nhóm Tham – Tà Kiến) Javana Pañcakkhandhā

1) 54 loại sắc bao gồm Sắc Ý Vật (Hadaya Vatthu Rūpa) của Tốc Hành Tâm (Javana) và Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) là Sắc Uẩn (Rūpakkhandhā).

2) Thọ (Vedanā) trong 20 Danh Pháp Tốc Hành của nhóm Tham - Tà kiến (Lobha - Diṭṭhi Javana 20 Nāma Dhamma) là Thọ Uẩn (Vedanākkhandhā).

3) Tưởng (Saññā) trong 20 Danh Pháp Tốc Hành của nhóm Tham - Tà kiến (Lobha - Diṭṭhi Javana 20 Nāma Dhamma) là Tưởng Uẩn (Saññākkhandhā).

4) Tư (Cetanā) trong 20 Danh Pháp Tốc Hành của nhóm Tham - Tà kiến (Lobha - Diṭṭhi Javana 20 Nāma Dhamma) là Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) (cách thứ nhất)

17 tâm sở còn lại trong 20 Danh Pháp Tốc Hành của nhóm Tham - Tà kiến (Lobha - Diṭṭhi Javana 20 Nāma Dhamma) là Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) (cách thứ hai)

5) Thức (Viññāṇa) trong 20 Danh Pháp Tốc Hành của nhóm Tham - Tà kiến (Lobha - Diṭṭhi Javana 20 Nāma Dhamma) là Thức Uẩn (Viññāṇakkhandhā).

Hãy phân biệt Sắc Uẩn Tốc Hành Tâm (Javana Rūpakkhandhā) dựa trên những phương pháp đã trình bày trong Sắc Uẩn Ngũ Môn Hướng (Pañcadvāravajjana Rūpakkhandhā).

Lobha - Diṭṭhi 1st Javana Vedanākkhandhā [Tiền Trình Nhân Môn (Cakkhuvāra Vīthi)]

Bốn nhân hiện tại:

1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (54) là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành thứ nhất (1st Javana Vedanākkhandhā) là quả.

2) Đối tượng [Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)] là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành thứ nhất (1st Javana Vedanākkhandhā) là quả.

3) (i) Nhân Xúc (Cakkhusamphassa) (8) là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành thứ nhất (1st Javana Vedanākkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Tốc Hành thứ nhất (1st Javana Manosamphassa) (20 - Vedanā = 19) là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành thứ nhất (1st Javana Vedanākkhandhā) là quả.

4) Phi Như Lý Tác Ý (Ayoniso Manasikāra) (= Voṭṭhabbana = 12) là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành thứ nhất (1st Javana Vedanākkhandhā) là quả.

[Nếu tác ý và sự quyết định của Xác Định Tâm (Voṭṭhabbana) trên Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) (xem nó) như thường, hay lạc, hay ngã hay tịnh..., thời đó là Phi Như Lý Tác Ý (Ayoniso Manasikāra) và Tốc Hành Bất Thiện (Akusala Javana) sẽ khởi lên theo đó]

Lobha - Diṭṭhi 1st Javana Viññāṇakkhandhā [Tiền Trình Nhân Môn (Cakkhuvāra Vīthi)]

1) Nhân Xúc (Cakkhusamphassa) (8) là nhân, Thức Uẩn Tốc Hành thứ nhất (1st Javana Viññāṇakkhandhā) là quả.

2) Danh Sắc (Nāmarūpa) là nhân, Thức Uẩn Tốc Hành thứ nhất (1st Javana Viññāṇakkhandhā) là quả.

3) Phi Như Lý Tác Ý (Ayoniso Manasikāra) (= Voṭṭhabbana = 12) là nhân, Thức Uẩn Tốc Hành thứ nhất (1st Javana Viññāṇakkhaṇḍhā) là quả.

‘Nāma’ ở đây là 19 tâm sở đi kèm; ‘Rūpa’ là 54 loại sắc bao gồm Sắc Ý Vật (Hadaya Vatthu Rūpa) và Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa).

Lobha - Ditthi 2nd Javana Vedanākkhandhā [Tiến Trình Nhân Môn (Cakkhuvāra Vīthi)]

Bốn nhân hiện tại:

1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (54) là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ hai (2nd Javana Vedanākkhandhā) là quả.

2) Đối tượng [Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa)] là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ hai (2nd Javana Vedanākkhandhā) là quả.

3) (i) Nhân Xúc (Cakkhusamphassa) (8) là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ hai (2nd Javana Vedanākkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Tốc Hành thứ nhất (1st Javana Manosamphassa) (20) là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ hai (2nd Javana Vedanākkhandhā) là quả.

(iii) Ý Xúc Tốc Hành thứ hai (2nd Javana Manosamphassa) (20 - Vedanā = 19) là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ hai (2nd Javana Vedanākkhandhā) là quả.

4) Phi Như Lý Tác Ý (Ayoniso Manasikāra) (= Voṭṭhabbana = 12) là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ hai (2nd Javana Vedanākkhandhā) là quả.

Lobha - Ditthi 2nd Javana Viññāṇakkhandhā [Tiến Trình Nhân Môn (Cakkhuvāra Vīthi)]

Ba nhân hiện tại:

1) (i) Nhân Xúc (Cakkhusamphassa) (8) là nhân, Thức Uẩn Tốc Hành thứ hai (2nd Javana Viññāṇakkhaṇḍhā) là quả.

(ii) Ý Xúc trong Tốc Hành thứ nhất (1st Javana Manosamphassa) (20) là nhân, Thức Uẩn Tốc Hành thứ hai (2nd Javana Viññāṇakkhaṇḍhā) là quả.

2) Danh Sắc (Nāmarūpa) là nhân, Thức Uẩn Tốc Hành thứ hai (2nd Javana Viññāṇakkhaṇḍhā) là quả.

3) Phi Như Lý Tác Ý (Ayoniso Manasikāra) (=Voṭṭhabbana = 12) là nhân, Thức Uẩn Tốc Hành thứ hai (2nd Javana Viññāṇakkhaṇḍhā) là quả.

‘Nāma’ ở đây là 19 tâm sở đi kèm

‘Rūpa’ = 54 loại sắc bao gồm Sắc Ý Vật (Hadaya Vatthu Rūpa) và Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa).

Lưu ý: Hành giả có thể đã hiểu được sự phân biệt các nhân và các quả bằng phương pháp Năm Uẩn ở từng sát-na tâm trong các Tiến Trình Tốc Hành Tâm Bất Thiện (Akusala Javana Vīthi) vốn là Tiến Trình Nhân Môn (Cakkhuvāra Vīthi) và Tiến Trình Ý Môn (Manodvāra Vīthi) trong hàng Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa), liên kết các mối tương quan nhân quả dựa trên phương pháp này. Nếu hành giả hiểu được sự phân biệt như đã nói đối với cả Tiến Trình Tốc Hành Tâm Bất Thiện (Akusala Javana Vīthi) lẫn Tiến

Trình Túc Hành Tâm Thiện (Kusala Javana Vīthi) trong hàng Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) thời hành giả có thể chuyển sang phân biệt một hàng (line) khác như hàng Cảnh Thanh (Saddārammaṇa - thanh trần) chẳng hạn. Tôi cho rằng đến đây hành giả có lẽ sẽ hiểu được sự tăng hay giảm của số lượng tâm sở hợp theo số lượng tâm sở đi kèm rồi. Tuy nhiên, hãy lưu ý rằng, tùy theo số lượng tâm sở đi kèm trong mỗi sát-na tâm cũng có những thay đổi trong Hành Uẩn (Saṅkhārakkhandhā) và Ý Xúc Đồng Sanh (Sahajāta Manosamphassa). Nếu hành giả chỉ có một ít kiến thức cơ bản về Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) hoặc không từng nghiên cứu Abhidhamma trước đây, thời sự giúp đỡ của vị Thầy là cần thiết. Vì thế, một số những sự sai khác ấy sẽ được trình bày ở đây.

Những Thay Đổi.

1. Trong hàng Cảnh Thanh (Saddārammaṇa): Về ‘Đối tượng’, Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) được thay bằng Cảnh Thanh (Saddārammaṇa), còn Nhãn Xúc (Cakkhusamphassa) thì thay bằng Nhĩ Xúc (Sotasamphassa).

2. Trong hàng Cảnh Khí hay Hương Trần (Gandhārammaṇa): Đối tượng Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa) được thay bằng Cảnh Khí (Gandhārammaṇa) và ở chỗ Xúc (Phassa) thì thay bằng Tỷ Xúc (Ghānasamphassa).

3. Trong hàng Cảnh Vị (Rasārammaṇa): Đối tượng được thay bằng Cảnh Vị (Rasārammaṇa) và Xúc (Phassa) thì thay bằng Thiệt Xúc (Jivhāsamphassa).

4. Trong hàng Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa): Đối tượng được thay bằng Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa) và Phassa là Thân Xúc (Kāyasamphassa).

Saddārammaṇa: Pañcadvārāvajjana Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Ngũ Môn Hướng)

Ba nhân hiện tại:

1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (54) là nhân, Thọ Uẩn Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana Vedanākkhandhā) là quả.

2) Đối Tượng [Cảnh Thanh (Saddārammaṇa)] là nhân, Thọ Uẩn Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana Vedanākkhandhā) là quả.

3) (i) Ý Xúc Hữu Phần (Bhavaṅga Manosamphassa) (34) là nhân, Thọ Uẩn Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana Vedanākkhandhā) là quả.

ii) Ý Xúc Ý Môn Hướng (Manodvārāvajjana Manosamphassa) (11 - Vedanā = 10) là nhân, Thọ Uẩn Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana Vedanākkhandhā) là quả.

Ngang mức này, đối với các Danh Uẩn còn lại người hành thiền có thể hiểu được nó là gì rồi. Vì thế chỉ một hay hai Uẩn (Khandhā) sẽ được trình bày thêm ở đây để giúp hành giả biết phương pháp thôi. Tuy nhiên vào lúc thực hành hành giả phải phân biệt cả Năm Uẩn trong mỗi sát-na tâm một cách trọn vẹn.

Saddārammaṇa: Sotaviññāna Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Nhĩ Thức)

Năm nhân quá khứ:

1) Vô Minh (20) là nhân, Thọ Uẩn Nhĩ Thức (Sotaviññāna Vedanākkhandhā) là quả.

2) Ái (20) là nhân, Thọ Uẩn Nhĩ Thức (Sotaviññāna Vedanākkhandhā) là quả.

3) Thủ (20) là nhân, Thọ Uẩn Nhĩ Thức (Sotaviññāna Vedanākkhandhā) là quả.

4) Hành (34) là nhân, Thọ Uẩn Nhĩ Thức (Sotaviññāṇa Vedanākkhandhā) là quả.

5) Nghiệp Lực = Hành (34) là nhân, Thọ Uẩn Nhĩ Thức (Sotaviññāṇa Vedanākkhandhā) là quả.

Năm nhân hiện tại:

1) Nhĩ Vật (Vatthu = Sota Vatthu) (54) là nhân, Thọ Uẩn Nhĩ Thức (Sotaviññāṇa Vedanākkhandhā) là quả.

2) Đối Tượng [Cảnh Thanh (Saddārammaṇa)] là nhân, Thọ Uẩn Nhĩ Thức (Sotaviññāṇa Vedanākkhandhā) là quả.

3) Nhĩ Xúc (Sotasamphassa) (= 8 - vedanā = 7) là nhân, Thọ Uẩn Nhĩ Thức (Sotaviññāṇa Vedanākkhandhā) là quả.

4) Hư Không (Ākāsa) là nhân, Thọ Uẩn Nhĩ Thức (Sotaviññāṇa Vedanākkhandhā) là quả.

5) Tác Ý (Manasikāra) = Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana) (11) là nhân, Thọ Uẩn Nhĩ Thức (Sotaviññāṇa Vedanākkhandhā) là quả.

[Ākāsa (hư không): Bắt buộc phải có khoảng không hay hư không (Ākāsa) giữa Thần Kinh Nhĩ (Sota Pasāda) và Cảnh Thanh (Saddārammaṇa). Vì chỉ khi có Hư Không Giới (Ākāsa Dhātu) để nương vào, Nhĩ Thức (Sotaviññāṇa) mới có thể khởi lên. Không có Ākāsa Dhātu, Nhĩ Thức (Sotaviññāṇa) không thể sanh. Điều này là đúng khi người ta bị bịt kín tai lại Nhĩ Thức (Sotaviññāṇa) không thể nào sanh, tức không thể nghe được. Do đó Hư Không Giới cũng là một trong những nhân giúp cho sự sanh khởi của nhóm Danh Pháp Nhĩ Thức (Sotaviññāṇa Nāma Dhamma). (Chú Giải Ví Diệu Pháp (Abhidhamma) – Vol. 2 p. 232.]

Saddārammaṇa: Sampaticchana Saṅkhārakkhandhā (cách thứ hai) (Hành Uẩn Tiếp Thọ)

Năm nhân quá khứ

1) Vô Minh (20) là nhân, Hành Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

2) Ái (20) là nhân, Hành Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

3) Thủ (20) là nhân, Hành Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

4) Hành (34) là nhân, Hành Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

5) Nghiệp Lực = Hành (34) là nhân, Hành Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

Ba nhân hiện tại:

1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (54) là nhân, Hành Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

2) Đối Tượng [Cảnh Thanh (Saddārammaṇa)] là nhân, Hành Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

3) (i) Nhĩ Xúc (Sotasamphassa) (8) là nhân, Hành Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

(ii) Ba Danh Uẩn còn lại là nhân, Hành Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Saṅkhārakkhandhā) là quả.

Saddārammaṇa: Sampaticchana Viññāṇakkhandhā (Thức Uẩn Tiếp Thọ)

Năm nhân quá khứ:

- 1) Vô Minh (20) là nhân, Thức Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Viññāṇakkhandhā) là quả.
- 2) Ái (20) là nhân, Thức Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Viññāṇakkhandhā) là quả.
- 3) Thủ (20) là nhân, Thức Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Viññāṇakkhandhā) là quả.
- 4) Hành (34) là nhân, Thức Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Viññāṇakkhandhā) là quả.
- 5) Nghiệp Lực = Hành (34) là nhân, Thức Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Viññāṇakkhandhā) là quả.

Hai nhân hiện tại:

1) (i) Nhĩ Xúc (Sotasamphassa) (8) là nhân, Thức Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Viññāṇakkhandhā) là quả.

2) Danh Sắc (Nāmarūpa) là nhân, Thức Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Viññāṇakkhandhā) là quả.

‘Nāma’ gồm 10 tâm sở đi kèm;

‘Rūpa’ ở đây là Ý Vật (Hadaya Vatthu) cùng với 54 loại sắc và Cảnh Thanh (Saddārammaṇa).

Saddārammaṇa: Santīraṇa Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Suy Xét, Suy Đắc)

Năm nhân quá khứ:

- 1) Vô Minh (20) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.
- 2) Ái (20) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.
- 3) Thủ (20) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.
- 4) Hành (34) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.
- 5) Nghiệp Lực = Hành (34) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.

Ba nhân hiện tại:

1) Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu) (54) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.

2) Đối Tượng [Cảnh Thanh (Saddārammaṇa)] là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.

3) (i) Nhĩ Xúc (Sotasamphassa) (8) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Tiếp Thọ (Sampaticchana Manosamphassa) (11) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.

(iii) Ý Xúc Quan sát (Santīraṇa Manosamphassa) (12 - Vedanā = 11) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.

(Phần trên được trình bày như những ví dụ để cho người hành thiền có thể hiểu một cách dễ dàng. Ngang mức này, chúng tôi nghĩ rằng hành giả có thể hiểu được cách phân biệt trong hàng Cảnh Thanh (Saddārammaṇa) rồi. Vì thế, cách phân biệt các nhân và quả trong những sát-na tâm của hàng Cảnh Khí (Gandhārammaṇa) bằng phương pháp năm uẩn, liên kết các mối tương quan nhân quả, sẽ được trình bày thêm ở đây.)

Gandhārammaṇa: Pañcavārāvajjana (Tác Ý) Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Ngũ Môn Hướng)

Ba nhân hiện tại:

1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (54) là nhân, Thọ Uẩn Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana Vedanākkhandhā) là quả.

2) Đối tượng [Cảnh Khí (Gandhārammaṇa)] là nhân, Thọ Uẩn Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana Vedanākkhandhā) là quả.

3) (i) Ý Xúc Hữu Phần (Bhavaṅga Manosamphassa) (34) là nhân, Thọ Uẩn Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana Vedanākkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Ngũ Môn Hướng (Pañcavārāvajjana Manosamphassa) (11- Vedanā = 10) là nhân, Thọ Uẩn Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana Vedanākkhandhā) là quả.

Gandhārammaṇa: Ghāna Viññāna Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Tỷ Thức)

Năm nhân quá khứ:

1) Vô Minh (20) là nhân, Thọ Uẩn Tỷ Thức (Ghāna Viññāna Vedanākkhandhā) là quả.

2) Ái (20) là nhân, Thọ Uẩn Tỷ Thức (Ghāna Viññāna Vedanākkhandhā) là quả.

3) Thủ (20) là nhân, Thọ Uẩn Tỷ Thức (Ghāna Viññāna Vedanākkhandhā) là quả.

4) Hành (34) là nhân, Thọ Uẩn Tỷ Thức (Ghāna Viññāna Vedanākkhandhā) là quả.

5) Nghiệp Lực = Hành (=34) là nhân, Thọ Uẩn Tỷ Thức (Ghāna Viññāna Vedanākkhandhā) là quả

Năm nhân hiện tại:

1) Tỷ Vật (Vatthu = Ghāna Vatthu) (54) là nhân, Thọ Uẩn Tỷ Thức (Ghāna Viññāna Vedanākkhandhā) là quả.

2) Đối tượng [Cảnh Khí (Gandhārammaṇa)] là nhân, Thọ Uẩn Tỷ Thức (Ghāna Viññāna Vedanākkhandhā) là quả.

3) Tỷ Xúc (Ghānasamphassa) (8 - Vedanā = 7) là nhân, Thọ Uẩn Tỷ Thức (Ghāna Viññāna Vedanākkhandhā) là quả.

4) Phong Giới hay Phong Đại (Vāyo Dhātu) là nhân, Thọ Uẩn Tỷ Thức (Ghāna Viññāna Vedanākkhandhā) là quả.

5) Tác Ý (Manasikāra) = Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana) (11) là nhân, Thọ Uẩn Tỷ Thức (Ghāna Viññāna Vedanākkhandhā) là quả.

[Vāya Dhātu: Chỉ khi chất gió (Vāya Dhātu), vốn mang mùi (Gandhārammaṇa) vào trong lỗ mũi, ở đây Sắc Thân Kinh Tỳ hiện hữu, lúc đó Tỳ Thức (Ghāna Viññāṇa) cùng với nhóm Danh Pháp (Nāma Dhamma) biết và bắt lấy mùi ấy làm đối tượng mới có thể sanh. Do đó Vāya Dhātu là một nhân]

Gandhārammaṇa: Sampaticchana Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Tiếp Thọ)

Năm nhân quá khứ:

- 1) Vô Minh (20) là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả.
- 2) Ái (20) là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả.
- 3) Thủ (20) là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả.
- 4) Hành (34) là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả.
- 5) Nghiệp lực = Hành (34) là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả.

Ba nhân hiện tại:

- 1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (54) là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả.
- 2) Đối Tượng [Cảnh Khí (Gandhārammaṇa)] là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả
- 3) (i) Tỳ Xúc (Ghānasamphassa) (8) là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả.
(ii) Ý Xúc Tiếp Thọ (Sampaticchana Manosamphasa) (11 - Vedanā = 10) là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả.

Gandhārammaṇa: Santīraṇa Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Suy Xét, Suy

Đặc)

Năm nhân quá khứ:

- 1) Vô Minh (20) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.
- 2) Ái (20) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.
- 3) Thủ (20) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.
- 4) Hành (34) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.
- 5) Nghiệp Lực = Hành (34) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.

Ba nhân hiện tại:

- 1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (54) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.
- 2) Đối Tượng [Cảnh Khí (Gandhārammaṇa)] là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.
- 3) (i) Tỳ Xúc (Ghānasamphassa) (8) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Tiếp Thọ (Sampaticchana Manosamphassa) (11) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.

(iii) Ý Xúc Suy Xét (Santīraṇa Manosamphassa) (12 - Vedanā = 11) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.

Những Điểm Quan Trọng:

Về nhân Danh Sắc (Nāma Rūpa) trong số các nhân hiện tại của Thức Uẩn (Viññāṇakkhandhā) trong Tỷ Thức (Ghāṇa Viññāṇa), Tiếp Thọ (Sampaticchana), Suy Xét (Santīraṇa)... hãy lấy các tâm sở đi kèm sanh cùng với thức (Thức Uẩn) trong một sát-na tâm làm Danh (Nāma) và lấy Ý Vật (Hadaya Vatthu) cùng Cảnh Khí (Gandhārammaṇa) làm Sắc (Rūpa). Trong các hàng còn lại khác, cũng lấy các tâm sở tương ứng, Ý Vật (Hadaya Vatthu) tương ứng và đối tượng tương ứng như 'Nāma' 'Rūpa' tùy theo như vậy.

Rasārammaṇa (Cảnh Vị): Pañcadvārāvajjana Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Ngũ Môn Hương)

Ba nhân hiện tại:

1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (54) là nhân, Thọ Uẩn Ngũ Môn Hương (Pañcadvārāvajjana Vedanākkhandhā) là quả.

2) Đối Tượng [Cảnh Vị (Rasārammaṇa)] là nhân, Thọ Uẩn Ngũ Môn Hương (Pañcadvārāvajjana Vedanākkhandhā) là quả.

3) (i) Ý Xúc Hữu Phần (Bhavaṅga Manosamphassa) (34) là nhân, Thọ Uẩn Ngũ Môn Hương (Pañcadvārāvajjana Vedanākkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Ngũ Môn Hương (Pañcadvārāvajjana Manosamphassa) (11-Vedanā = 10) là nhân, Thọ Uẩn Ngũ Môn Hương (Pañcadvārāvajjana Vedanākkhandhā) là quả.

Rasārammaṇa: Jivhā Viññāṇa Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Thiệt Thức)

Năm nhân quá khứ:

1) Vô Minh (20) là nhân, Thọ Uẩn Thiệt Thức (Jivhā Viññāṇa Vedanākkhandhā) là quả.

2) Ái (20) là nhân, Thọ Uẩn Thiệt Thức (Jivhā Viññāṇa Vedanākkhandhā) là quả.

3) Thủ (20) là nhân, Thọ Uẩn Thiệt Thức (Jivhā Viññāṇa Vedanākkhandhā) là quả.

4) Hành (34) là nhân, Thọ Uẩn Thiệt Thức (Jivhā Viññāṇa Vedanākkhandhā) là quả.

5) Nghiệp Lực = Hành (34) là nhân, Thọ Uẩn Thiệt Thức (Jivhā Viññāṇa Vedanākkhandhā) là quả.

Năm nhân hiện tại:

1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (54) là nhân, Thọ Uẩn Thiệt Thức (Jivhā Viññāṇa Vedanākkhandhā) là quả.

2) Đối Tượng [Cảnh Vị (Rasārammaṇa)] là nhân, Thọ Uẩn Thiệt Thức (Jivhā Viññāṇa Vedanākkhandhā) là quả.

3) (i) Thiệt Xúc (Jivhāsaphassa) (8 - Vedanā = 7), Thọ Uẩn Thiệt Thức (Jivhā Viññāṇa Vedanākkhandhā) là quả.

4) Thủy Giới (Āpo Dhātu) là nhân, Thọ Uẩn Thiệt Thức (Jivhā Viññāṇa Vedanākkhandhā) là quả.

5) Tác Ý (Manasikāra) = Ngũ Môn Hương (Pañcadvārāvajjana) (11) là nhân, Thọ Uẩn Thiệt Thức (Jivhā Viññāṇa Vedanākkhandhā) là quả.

Āpo Dhātu (Thủy Giới):

Thiệt Thức (Jivhā Viññāṇa) và nhóm pháp tương ưng (Samyutta Dhamma) chỉ có thể sanh khi có Thủy Giới (Āpo Dhātu), ở đây là chất nước làm ướt lưỡi. Chúng không thể sanh mà không có Thủy Giới (Āpo Dhātu). Mặc dù quý vị bỏ những món ăn khô trên lưỡi khô của một người khô lưỡi, Thiệt Thức (Jivhā Viññāṇa) không thể sanh. Chú Giải Vi Diệu Pháp (Abhidhamma Commentary Vol.1. p.322)

Trong số các nhân hiện tại của Thức Uẩn (Viññāṇakkhandhā) trong Thiệt Thức (Jivhā Viññāṇa), hãy lấy các tâm sở đi kèm thích hợp làm ‘Nāma’ và Ý Vật (Hadaya Vatthu), Cảnh Vị (Rasārammaṇa) làm ‘Rūpa’.

Rasārammaṇa: Sampaticchana Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Tiếp Thọ Tâm)

Năm nhân hiện tại:

- 1) Vô Minh (20) là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả.
- 2) Ái (20) là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả.
- 3) Thủ (20) là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả.
- 4) Hành (34) là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả.
- 5) Nghiệp Lực = Hành (34) là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả.

Ba nhân hiện tại:

- 1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (54) là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả.
- 2) Đối Tượng [Cảnh Vị (Rasārammaṇa)] là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả.
- 3) (i) Thiệt Xúc (Jivhāsamphassa) (8) là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả.
(ii) Ý Xúc Tiếp Thọ (Sampaticchana Manosamphassa) (11 - Vedanā = 10) là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả.

Rasārammaṇa : Santīraṇa Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Suy Xét Tâm)

Năm nhân quá khứ:

- 1) Vô Minh (20) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.
- 2) Ái (20) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.
- 3) Thủ (20) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.
- 4) Hành (34) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.

5) Nghiệp Lực = Hành (34) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.

Ba nhân hiện tại:

1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (54) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.

2) Đối Tượng [Cảnh Vị (Rasārammaṇa)] là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.

3) (i) Thiệt Xúc (Jivhāsamphassa) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Suy Xét (Santīraṇa Manosamphassa) (12 - Vedanā = 11) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.

Phoṭṭhabbārammaṇa (Cảnh Xúc): Pañcadvārāvajjana (Túc Ý) Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Ngũ Môn Hướng)

Ba nhân hiện tại:

1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (54) là nhân, Thọ Uẩn Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana Vedanākkhandhā) là quả.

2) Đối Tượng [Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa)] là nhân, Thọ Uẩn Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana Vedanākkhandhā) là quả.

3) (i) Ý Xúc Hữu Phần (Bhavaṅga Manosamphassa) (34) là nhân, Thọ Uẩn Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana Vedanākkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana Manosamphassa) (11 - Vedanā = 10) là nhân, Thọ Uẩn Ngũ Môn Hướng (Pañcadvārāvajjana Vedanākkhandhā) là quả.

Phoṭṭhabbārammaṇa: Kāya Viññāna Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Thân Thức)

Năm nhân quá khứ:

1) Vô Minh (20) là nhân, Thọ Uẩn Thân Thức (Kāya Viññāna Vedanākkhandhā) là quả.

2) Ái (20) là nhân, Thọ Uẩn Thân Thức (Kāya Viññāna Vedanākkhandhā) là quả.

3) Thủ (20) là nhân, Thọ Uẩn Thân Thức (Kāya Viññāna Vedanākkhandhā) là quả.

4) Hành (34) là nhân, Thọ Uẩn Thân Thức (Kāya Viññāna Vedanākkhandhā) là quả.

5) Nghiệp Lực = Hành (34) là nhân, Thọ Uẩn Thân Thức (Kāya Viññāna Vedanākkhandhā) là quả.

Năm nhân hiện tại:

1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (54) là nhân, Thọ Uẩn Thân Thức (Kāya Viññāna Vedanākkhandhā) là quả.

2) Đối Tượng [Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa)] là nhân, Thọ Uẩn Thân Thức (Kāya Viññāna Vedanākkhandhā) là quả.

3) Thân Xúc (Kāyasamphassa) (8 - Vedanā = 7) là nhân, Thọ Uẩn Thân Thức (Kāya Viññāna Vedanākkhandhā) là quả.

4) Địa Giới (Pathavī Dhātu) là nhân, Thọ Uẩn Thân Thức (Kāya Viññāṇa Vedanākkhandhā) là quả.

5) Tác Ý (Manasikāra) = Ngũ Môn Hương (Pañcadvārāvajjana) (11) là nhân, Thọ Uẩn Thân Thức (Kāya Viññāṇa Vedanākkhandhā) là quả.

Địa Giới (Pathavī Dhātu): Khi Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa) tác động trên Thân Kinh Thân (Kāya Pasāda), nó không chỉ tác động trên Thân Kinh Thân thôi mà nó tác động lên cả các Đại Chủng trong cùng Tổng Hợp Sắc (Kalāpa) vốn là Y Chi (Nissaya) duyên của Thân Kinh Thân (Kāya Pasāda) nữa. Trong các Đại Chủng của cùng Tổng Hợp Sắc (Kalāpa) này, Địa Giới (Pathavī Dhātu) là nhân chính của Thân Kinh Thân (Kāya Pasāda). Thân Thức (Kāya Viññāṇa) chỉ có thể sanh khi nó có được chỗ dựa trên Địa Giới (Pathavī Dhātu), vốn là nhân căn bản đích thực của Thân Kinh Thân. Nó không thể sanh mà không có Địa Giới (Pathavī Dhātu). Thực sự là khi đối tượng thuộc Tứ Đại bên ngoài [Đất (Pathavī), Lửa (Tejo), Gió (Vāyo)] tác động trên Thân Kinh Thân (Kāya Pasāda) bên trong, các Đại Chủng của cùng Tổng Hợp Sắc (Kalāpa) — tức Vật hay Căn vốn là các nhân của Thân Kinh Thân (Kāya Pasāda) — cũng bị tác động trên đó. Bởi thế Địa Giới (Pathavī Dhātu) là một trong những nhân cho sự sanh khởi của Thân Thức (Kāya Viññāṇa) (Chú Giải Vi Diệu Pháp (Abhidhamma commentary – Vol. 1, p.322)].

Trong số các nhân hiện tại của Thức Uẩn (Viññāṇakkhandhā), về Danh Sắc (Nāma Rūpa) hãy lấy các tâm sở đi kèm thích hợp làm 'Nāma' và 44 loại Sắc Pháp (Rūpa Dhamma) vốn sanh cùng với Sắc Thân Vật (Kāya Vatthu Rūpa) và Sắc Đối Tượng vốn là Đất (Pathavī), Lửa (Tejo), Gió (Vāyo) [gọi là Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa)] làm 'Rūpa'.

Phoṭṭhabbārammaṇa: Sampaticchana Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Tiếp Thọ)

Năm nhân quá khứ:

1) Vô Minh (20) là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả.

2) Ái (20) là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả.

3) Thủ (20) là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả.

4) Hành (34) là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả.

5) Nghiệp Lực = Hành (34) là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả

Ba nhân hiện tại:

1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (54) là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả.

2) Đối Tượng [Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa)] là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả.

3) (i) Thân Xúc (Kāyasamphassa) (8) là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Tiếp Thọ (Sampaticchana Manosamphassa) (11 - Vedanā = 10) là nhân, Thọ Uẩn Tiếp Thọ (Sampaticchana Vedanākkhandhā) là quả.

Phoṭṭhabbārammaṇa: Santīraṇa Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Suy Xét Đặc Tâm)

Năm nhân quá khứ:

- 1) Vô Minh (20) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.
- 2) Ái (20) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.
- 3) Thủ (20) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.
- 4) Hành (34) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.
- 5) Nghiệp Lực = Hành (34) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.

Ba nhân hiện tại:

- 1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (54) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.
- 2) Đối tượng [Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa)] là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.
- 3) (i) Thân Xúc (Kāyasamphassa) (8) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.
(ii) Ý Xúc Tiếp Thọ (Sampaṭicchana Manosamphassa) (11) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.
(iii) Ý Xúc Suy Xét (Santīraṇa Manosamphassa) (12 - Vedanā = 11) là nhân, Thọ Uẩn Suy Xét (Santīraṇa Vedanākkhandhā) là quả.

Dhammārammaṇa (Hàng Cảnh Pháp): Kusala Javana Vīthi

1st Javana Vedanākkhandhā (Manodvāra Vīthi) (Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm Thứ Nhất)

Bốn nhân hiện tại:

- 1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (54) là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Vedanākkhandhā) là quả.
- 2) Đối Tượng [Thần Kinh Nhãn (Cakkhupasāda) kể như đối tượng] là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Vedanākkhandhā) là quả.
- 3) (i) Bhavaṅga Manosamphassa hay Ý Xúc Hữu Phần (34) là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Vedanākkhandhā) là quả.
(ii) Ý Xúc Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Manosamphassa) là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Vedanākkhandhā) là quả.
- 4) Yoniso Manasikāra (Như Lý Tác Ý) (= Ý Môn Hướng = 12) là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Vedanākkhandhā) là quả.

2nd Javana Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm Thứ Hai)

Bốn nhân hiện tại:

- 1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (54) là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ hai (2nd Javana Vedanākkhandhā) là quả.

2) Đối Tượng [Thần Kinh Nhãn (Cakkhupasāda) kể như đối tượng] là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ hai (2nd Javana Vedanākkhandhā) là quả.

3) (i) Ý Xúc Hữu Phần (Bhavaṅga Manosamphassa) (34) là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ hai (2nd Javana Vedanākkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Manosamphassa) (34) là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ hai (2nd Javana Vedanākkhandhā) là quả.

(iii) Ý Xúc Tốc Hành Tâm thứ hai (2nd Javana Manosamphassa) (34 - Vedanā = 33) là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ hai (2nd Javana Vedanākkhandhā) là quả.

4) Yoniso Manasikāra (Như Lý Tác Ý) [= Voṭṭhabbana (Xác Định) = 12] là nhân, 2nd Javana Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ hai) là quả.

Dhammārammana: 1st Jhāna Samāpatti Vīthi (Tiền Trình Chứng Sơ Thiền [Ānāpāna Paṭibhāga Nimitta (tợ tướng hơi thở) - kể như đối tượng])

1st Javana Vedanākkhandhā (Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm Thứ Nhất)

Bốn nhân hiện tại:

1) Sắc Ý Vật (Vatthu = Hadaya Vatthu Rūpa) (54) là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Vedanākkhandhā) là quả.

2) Đối Tượng [= Ānāpāna Paṭibhāga Nimitta (tợ tướng hơi thở) kể như đối tượng] là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Vedanākkhandhā) là quả.

3) (i) Ý Xúc Hữu Phần (Bhavaṅga Manosamphassa) (34) là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Vedanākkhandhā) là quả.

(ii) Ý Xúc Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Manosamphassa) (34) là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Vedanākkhandhā) là quả.

4) Yoniso Manasikāra (Như Lý Tác Ý) (= Ý Môn Hướng [Manodvāravajjana] = 12) là nhân, Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm thứ nhất (1st Javana Vedanākkhandhā) là quả.

Khác nhau duy nhất trong Tốc Hành Tâm (Javana) thứ hai và ... là ở chỗ có thêm một nhân, đó là Vô Gian Nhân (Anantara) vốn là Danh Pháp (Nāma Dhamma) đi trước, chẳng hạn như Danh Pháp Tốc Hành Tâm thứ nhất làm nhân cho Tốc Hành Tâm thứ hai...

Trong nhân Danh Sắc (Nāma Rūpa) của Thọ Uẩn Tốc Hành Tâm của tiến trình chứng thiền (Jhāna Samāpatti Vīthi Javana Viññāṇakkhandhā) chỉ lấy 54 loại sắc bao gồm trong Sắc Ý Vật (Hadaya Vatthu) vốn là 'Vatthu Rūpa' làm Sắc 'Rūpa'; vì đối tượng, Tợ Tướng Hơi Thở (Ānāpāna Paṭibhāga Nimitta), là một đối tượng chế định (Paññatti). Trong việc phân biệt các nhân và quả trong Danh Pháp Thiền (Jhāna Nāma Dhamma) vốn lấy một Tướng Thiền Chỉ (Samatha Nimitta) làm đối tượng, chẳng hạn như Tợ Tướng Bộ Xương hay Tợ Tướng Kasiṇa Trắng, sau khi đã liên kết những mối tương quan nhân quả bằng trí tuệ, trong nhân 'Đối Tượng' thay nó thành đối tượng của nhóm Danh Pháp Thiền (Jhāna Nāma Dhamma) mà hành giả đang phân biệt. Chẳng hạn, thay nó thành 'Tợ Tướng Kasiṇa Trắng' kể như đối tượng. Vì có 34 danh pháp trong sơ thiền; 32 trong nhị thiền; 31 trong tam thiền; và 31 trong tứ thiền, trong nhân 'Ý Xúc Tốc Hành Tâm' (Javana Manosamphassa), tùy theo đó hãy giảm số lượng của các tâm sở xuống,

riêng Đăng Ký Tâm (Tadāmbana) không sanh sau Tốc Hành An Chi (Appanā Javana = Jhāna Javana).

Dhammārammaṇa: Rūpa Dhamma (Sắc Pháp kể như đối tượng)

Trong số Sắc Pháp (Rūpa Dhamma), là một phần của hàng Cảnh Pháp (Rūpārammaṇa), có năm Sắc Thân Kinh (Pasāda Rūpa) và mười sáu Tế Sắc (Sukhuma). Khi người hành thiền lấy một trong những sắc này làm đối tượng, nếu có Như Lý Tác Ý (Yoniso Manasikāra) thời Tốc Hành Tâm Thiện (Kusala Javana) sẽ khởi lên, nếu Phi Như Lý Tác Ý (Ayoniso Manasikāra) thời Tốc Hành Tâm Bất Thiện sẽ khởi lên theo đó. Nếu tác ý đến nó chỉ là Sắc Pháp (Rūpa Dhamma) hay là Vô Thường (Anicca) hay Khổ (Dukkha) hay Vô Ngã (Anatta) hay Bất Tịnh (Asubha) hay ‘Thần Kinh Nhãn’, ‘Thần Kinh Nhĩ’... thì đó là Như Lý Tác Ý (Yoniso Manasikāra). Về việc khởi sanh của Phi Như Lý Tác Ý (Ayoniso Manasikāra), xem lại trong phần ‘Danh Nghiệp Xứ’ (Nāma Kammatthāna). Sự sanh khởi của 10 Kiết Sứ (Samyojana) cũng đã được giải thích ở đó. Các nhân còn lại cũng phân biệt giống như trên. Ngang mức này có lẽ đã đủ để hiểu mối liên kết của các nhân và các quả trong Tiến Trình Tốc Hành Tâm Bất Thiện (Akusala Javana Vīthi). Nếu Đăng Ký Tâm (Tadāmbana) khởi sanh thời phân biệt nó dựa trên cách phân biệt Đăng Ký Tâm (Tadāmbana) đã đề cập ở trên.

Linh tinh:

Sau khi đã tập hợp vào Năm Uẩn, phân biệt các nhân và các quả trong từng sát-na tâm của Tiến Trình Tốc Hành Tâm Thiện (Kusala Javana Vīthi) và Tiến Trình Tốc Hành Tâm Bất Thiện (Akusala Javana Vīthi) trong cả 6 hàng — Cảnh Sắc (Rūpārammaṇa), Cảnh Thanh (Saddārammaṇa), Cảnh Khí (Gandhārammaṇa), Cảnh Vị (Rasārammaṇa), Cảnh Xúc (Phoṭṭhabbārammaṇa) và Cảnh Pháp (Rūpārammaṇa) bằng phương pháp Năm Uẩn và sau khi đã liên kết các mối quan hệ nhân quả của chúng. Trong sự phân biệt như thế, Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga) nói rằng - Vipassakena Pariññā Nāṇa kammantaraṇca ekadesato jānitabbarā (Vism C. XIX-17) - hành giả phải phân biệt thêm để nhận ra một vài trong số những nghiệp và quả của chúng. Không phải mọi Thứ Quả Chuyển Khởi⁸ (Pavatti Vipāka Viññāṇa) vốn là Ngũ Thứ (Pañca Viññāṇa), Tiếp Thọ (Sampaṭicchana), Suy Xét (Santīraṇa) và Đăng Ký Tâm (Tadāmbana) hiện hữu trong sáu loại Tiến Trình (Vīthi) như Tiến Trình Nhãn Môn (Cakkhudavāra Vīthi) được tạo ra bởi cùng loại nghiệp đã tạo ra Thứ Quả Kiết Sanh Thứ - Hữu Phần - Tử Tâm (Paṭisandhi – Bhavaṅga – Cuti Vipāka Viññāṇa). Mà chỉ có một vài trong số Thứ Quả Chuyển Khởi được tạo ra bởi Nghiệp vốn tạo ra các Thứ Quả Kiết Sanh Thứ - Hữu Phần - Tử Tâm (Paṭisandhi – Bhavaṅga – Cuti Vipāka Viññāṇa) mà thôi. Vì cũng có một số Thứ Quả Chuyển Khởi (Pavatti Vipāka Viññāṇa) khác không do Nghiệp tạo ra vậy. Tham khảo lại 12 loại Quả (Vipāka) của Đức Phật. Do đó, người hành thiền cần phải phân biệt Năm Uẩn quá khứ một cách thấu đáo. Trong sự phân biệt như vậy, nếu người hành thiền tình cờ phân biệt một Thiện Nghiệp hay một Bất Thiện Nghiệp nào đó, vị ấy cũng phải phân biệt những quả tốt và quả xấu của chúng xảy ra ở mọi giai đoạn của cuộc sống trong đời hiện tại này, liên kết các mối tương quan nhân quả của chúng.

⁸ Chuyển Khởi = Pavatti (pa+vatt=a) to exist; to be (trong cuộc hiện hữu hay trong cuộc sống), thường dịch là Thời Bình Nhạ khác với Thời Tục Sanh.

Bên Ngoài Và Hướng Đến Chuỗi Các Kiếp Sống Quá Khứ, Các Kiếp Tương Lai

Sau khi đã liên kết các mối tương quan nhân quả và phân biệt các nhân và các quả trong cả sáu hàng như đã đề cập ở trên giữa năm nhân quá khứ và các quả hiện tại, hãy phân biệt **bên ngoài** (bahiddhā) theo cùng cách dựa trên những phương pháp ấy. Tuy nhiên, vì chúng cùng ở **bên ngoài** (bahiddhā), nên hãy phân biệt chúng như một tổng thể.

Nếu thành công, thời sau khi đã đưa tâm về chuỗi các kiếp sống quá khứ, hãy phân biệt các nhân và các quả, chẳng hạn như các nhân của kiếp quá khứ thứ hai và các quả của kiếp quá khứ thứ nhất; các nhân của kiếp quá khứ thứ ba và các quả của kiếp quá khứ thứ hai... Tương tự, hãy phân biệt các nhân hiện tại và các quả tương lai, sau khi đã liên kết các mối tương quan nhân quả. Hướng Minh Sát Trí về chuỗi các kiếp sống tương lai cho đến kiếp tương lai cuối cùng, phân biệt các nhân và các quả cho đến mức có thể. Phân biệt bên ngoài tương tự như trong cách phân biệt các nhân và các quả bên trong ở ba giai đoạn thời gian **quá khứ - hiện tại - tương lai**.

Hạt Giống Hạnh (Carana) Và Hạt Giống Minh (Vijja)

Trong khi phân biệt như vậy, chú trọng phân biệt những hạt giống Hạnh (Carana) và hạt giống Minh (Vijja) đã làm và hoàn thành trong các kiếp quá khứ với ước nguyện chứng đắc Niết-bàn như:

1) Bố Thí (Dāna), Trì Giới (Sīla) và Thực Hành Thiền Chi (Samatha) là những hạt giống Hạnh,

2) (i) Đã phân biệt Tứ Đại,

(ii) Đã phân biệt Sắc Pháp (Rūpa Dhamma) cho đến khi đạt đến Thực Tại Tối Hậu (Sắc Chân Đế),

(iii) Đã phân biệt Danh Pháp (Nāma Dhamma) cho đến khi đạt đến Thực Tại Tối Hậu (Danh Chân Đế),

(iv) Đã phân biệt Danh Sắc cho đến khi đạt đến Thực Tại Tối Hậu (Danh Sắc Chân Đế),

(v) Đã phân biệt các nhân và các quả

(vi) Đã hành thiền Minh Sát (Vipassanā) trên tam tướng của Danh Sắc, trên các nhân và các quả

là một số hạt giống Minh (Vijja).

Cũng phân biệt bằng Minh Sát Trí để thấy rằng những hạt giống Minh và Hạnh ấy đang được hỗ trợ liên tục bằng sức mạnh của Trì Nghiệp (Upatthambhaka Satti) và sức mạnh của Sanh Nghiệp (Janaka Satti).

Vô Giác Nhân Của Hữu Phần

Tâm sanh lên như nhân của sự sống, nhờ vậy dòng tâm thức cứ tiếp diễn liên tục không gián đoạn trong một đời người gọi là Hữu Phần (Bhavaṅga). Trước đây, chúng tôi đã giải thích rằng Hữu Phần (Bhavaṅga) được tạo ra bởi các nhân thích hợp như Vô Minh (Avijjā), Ái (Taṇhā), Thủ (Upādāna), Hành (Saṅkhāra), Nghiệp (Kamma), Vatthu (Sắc Vật), Đối Tượng, Xúc (Phassa)... Vì Hữu Phần (Bhavaṅga) là tâm hầu như khởi lên trong suốt cả cuộc đời, nên có thể có những đa dạng của Vô Giác Nhân trong Bhavaṅga.

Điểm quan trọng cần lưu ý rằng sát-na tâm gần với Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) nhất mà hành giả đang phân biệt là Vô Giác Nhân (Anantara); nói cách khác, sát-na tâm đi trước Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) không có khoảng cách là Vô Giác Nhân của Hữu Phần đó. Bởi thế:

1) Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi) hỗ trợ Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) thứ nhất bằng sức mạnh của Vô Giác Duyên (Anantara Paccayasatti),

2) Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) thứ nhất hỗ trợ Tâm Hữu Phần thứ hai bằng sức mạnh của Vô Giác Duyên (Anantara Paccayasatti),

3) Tâm Hữu Phần đi trước hỗ trợ Tâm Hữu Phần đi sau bằng sức mạnh của Vô Giác Duyên (Anantara Paccayasatti),

4) Nếu Hữu Phần (Bhavaṅga) khởi lên tiếp theo sau Xác Định Tâm (Voṭṭhabbana), thời Xác Định Tâm hỗ trợ Hữu Phần đó bằng sức mạnh của Vô Giác Duyên (Anantara Paccayasatti),

5) Nếu Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) khởi lên tiếp theo sau Tốc Hành Tâm (Javana), thời Tốc Hành Tâm cuối cùng hỗ trợ Hữu Phần đó bằng sức mạnh của Vô Giác Duyên (Anantara Paccayasatti),

6) Nếu Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) khởi lên tiếp theo sau Đăng Ký Tâm (Tadālambana), thời Tâm Đăng Ký thứ hai hỗ trợ Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) đó bằng sức mạnh của Vô Giác Duyên (Anantara Paccayasatti).

Tiếp theo sau Hữu Phần (Bhavaṅga) nếu Hữu Phần khởi lên lại, thời Tâm Hữu Phần (Bhavaṅga) đi trước hỗ trợ cho Tâm Hữu Phần đi sau bằng sức mạnh của Vô Giác Duyên (Anantara Paccayasatti).

Đạt Đến Trí Đạt Tri (Ñāta Pariññā)

So “idaṃ nāmarūpaṃ na ahetu na appaccayā nibbattam, sahetu sappaccayā nibbattam Ko panassa hetu, ko pana paccayo” ti upaparikkhanto “Avijjāpaccayā taṇhā paccayā kammappaccayā āhārapaccayā cā” ti tassa paccayaṃ vavatthapetvā “atītepi paccayā ceva paccayasauppānadhāmmā ca, anāgatepi etarahipi etarahipi paccayā ceva paccayasamuppānadhāmmā ca, tato uddham satto vā puggalo vā natthi, suddhasaṅkhārapuñjā evā” ti tisu addhāsu kaṅkham viharati. Ayaṃ Pariññā Ñāṇa vipassanāsaṅkhārasallakkhaṇā ñāta pariññā nāma.

(Abhidhamma Commentary - Vol.2-241, 242 Bản Miến)

Đối với người hành thiền đã phân biệt được Rūpa và Nāma, tức đã phân biệt được Năm Uẩn trong cả sáu hàng theo Lục Xứ Môn (Āyatana dvāra) một cách hoàn toàn rồi, nếu vị ấy thâm sát và quán, “Nāma Rūpa này không sanh mà không có nhân, Năng Sanh Nhân (Janaka) vốn trực tiếp tạo ra và không thể không có Hỗ Trợ Nhân (Upatthambhaka) là nhân duyên hỗ trợ. Tóm lại, chúng chỉ sanh do Nhân (Hetu), trong đó Năng Sanh Nhân (Janaka) trực tiếp tạo ra và Hỗ Trợ Nhân (Upatthambhaka), là nhân duyên hỗ trợ. Cái gì là nhân nhân (Hetu) và cái gì là nhân duyên (Paccaya) của Rūpa và Nāma này?”, rồi vị ấy, bằng trí tuệ, nhận ra, “Chúng (Danh Sắc) sanh do các nhân như Vô Minh (Avijjā), Ái (Taṇhā), Thủ (Upādāna), Hành (Saṅkhāra), Nghiệp (Kamma) và Vật Thực (Āhāra)...”. Sau khi đã phân biệt các nhân của Danh Sắc ấy như “do sự khởi sanh của Vô Minh, Sắc Nghiệp Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Kammaja Rūpa) sanh. Vô

Mình là nhân, Sắc Nghiệp Kiết Sanh Thức (Paṭisandhi Kammaja Rūpa) hay Sắc Uẩn (Rūpakkhandha) là quả'..., lúc đó **hoài nghi** (Vicikiccha) về ba thời quá khứ - tương lai - hiện tại có thể được đoạn trừ bằng việc nhận ra rằng:

- 1) Chỉ có các nhân và các quả trong quá khứ;
- 2) Chỉ có các nhân và các quả trong tương lai;
- 3) Cũng chỉ có các nhân và các quả trong hiện tại;

Và ngoài các nhân, các quả ra không có chúng sinh tạo ra và cũng không có chúng sinh được tạo ra; chỉ có Rūpa - Nāma - các nhân - các quả - các nhóm Pháp Hành (Saṅkhāra Dhamma).

Sự tuệ tri này được gọi là Trí Đạt Tri (Ñāta Pariññā), trí nhận rõ các Pháp Hành (Saṅkhāra Dhamma) vốn là đối tượng của Minh Sát Trí, đó là:

- 1) Sắc Pháp (Rūpa Dhamma)
- 2) Danh Pháp (Nāma Dhamma)
- 3) Các nhân
- 4) Các quả

Tuy nhiên, các Pháp Hành - Rūpa, Nāma, nhân và quả - này phải được phân biệt một cách thấu đáo lại bằng cách (thấy rõ) **đặc tính, nhiệm vụ, sự thể hiện và nhân gần** (Lakkhana – Rasa - Paccupaṭṭhāna - Padaṭṭhāna) của chúng.

Hết Phần Quán Duyên Khởi (Phương Pháp Thứ Năm)